

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 40

Tháng 11-1970

tùy anh
vũ khắc khoan
cao huy khanh

hồ trường an
mường mán
mang viên long
trần thị ngh.
bùi giảng
huỳnh phan anh
túy hồng
tuấn anh

1	bụi cát sông hằng
10	nhất linh đối diện nhất linh
21	carson mc cullers : đời như một khúc nhạc buồn
33	hương mía ruộng
47	thơ
50	một cõi đời riêng
64	bao lớn
74	thơ
79	mấy trang rời
85	những sợi sắc không
92	thời sự và sinh hoạt

TÙY ANH hạt cát sông Hằng

Tháng này bảy năm trước, Đệ nhất Cộng Hòa đã bị lật đổ vì cuộc đấu tranh của Phật Giáo Việt Nam.

Bảy năm qua, lịch sử dân tộc đã quần quai chuyển vào một khúc quanh ngọt ngào, bi hùng mà sự sụp đổ của đệ nhất Cộng Hòa nếu không phải là một duyên khởi thì ít ra cũng là một khởi điểm gần và cụ thể.

Từ đó đến nay, P.G.V.N. quả đã không có một mùa trọn vẹn yên ổn. Thế lực quần chúng Phật tử kết tinh và khởi động trong biến cố mùa hạ 1963 đã tiếp tục dẫn thân ; vấp ngã và gượng dậy, gượng dậy và vấp ngã.

Một số khuôn mặt lớn trong biến cố này đã chìm xuống, hoang hoang trong ngộ nhận và mặc cảm, sa lầy trong an thân và lợi quyền, ngập lụt trong thỏa hiệp... Nhưng sinh khí 1963 thì vẫn còn, vẫn đủ để cho PGVN nhấn nhac và kiên trì gánh lấy cộng nghiệp, không chỉ riêng cho mình mà cho cả một dân tộc đang trầm luân trong khói lửa, đang tung hoành trong bế tắc.

Những điều được ghi lại đây chỉ là một vài hoài niệm và phản tỉnh từ kinh nghiệm. Kinh nghiệm của một hạt cát sông Hằng.

Phong trào bảo vệ tín ngưỡng của PGVN hay còn gọi là phong trào chống chế độ Ngô đình Diệm có thể nói đã được chính thức

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ : **Bà BUI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO : **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

phát động từ tháng 02-1962 khi Tổng Hội Phật Giáo — tiền thân của Giáo Hội PGVN — gửi cho Tổng Thống và Quốc Hội tập hồ sơ ghi lại 51 trường hợp khủng bố, đàn áp và kỳ thị điển hình mà các Phật tử là nạn nhân. Nhưng ngòi nổ của phong trào này là biến cố đẫm máu ở Đài Phát thanh Huế và những diễn biến sau đó.

Một ngày trước lễ Phật Đản 07-5-1963, chính quyền Huế bỗng nhận được một công điện của trung ương ra lệnh cấm dân chúng treo cờ Phật giáo tại những nơi công cộng và ngay cả trước tư gia, dù là treo chung với quốc kỳ.

Ngày hôm đó, rải rác khắp thành phố Huế xảy ra những vụ chính quyền buộc hạ cờ PG. Phật tử phản đối và nhiều nơi nhân viên công lực đã tự động hạ cờ, gây nên xô xát.

Cũng chiều hôm đó, thành phần lãnh đạo Tổng Hội PGVN và Hội PG Trung phần đã họp khẩn. Thượng Tọa Trí Quang, hội trưởng PG Trung phần được ủy nhiệm trực tiếp đối phó với tình thế. Một tình thế mà Thượng Tọa Thiện Minh đã hình dung như là « thuyền đã ra giữa dòng nước lũ » không thể chèo lui hay chần chừ nữa.

Sau cuộc họp đó, một phái đoàn PG được cử đến dinh Tỉnh trưởng Huế yêu cầu chính quyền thu hồi lệnh cấm treo cờ PG. Cuộc thảo luận không đạt đến một kết quả nào ngoài lời hứa của Tỉnh trưởng là sẽ tường trình nội vụ vào trung ương để xin chỉ thị. Nhưng ý nghĩa quan trọng của cuộc thảo luận đó là lần đầu tiên PGVN đã đối đầu với thẳng chính quyền, không quanh co, úp mở nữa. Và PGVN đã tiến một bước xa hơn là cuộc thảo luận đó.

Sáng ngày Phật Đản, cuộc lễ rước Phật hàng năm từ chùa Diệu Đế đến chùa Từ Đàm đã biến thành một cuộc *meeting* tuần hành với những biểu ngữ phản đối việc cấm treo cờ PG, phản đối chính sách « kỳ thị, bất công, gian ác đối với PG, đòi hỏi tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo ». Như một trận động đất xảy ra trong thành phố, không những chính quyền bối rối hoảng hốt mà cả dân chúng cũng sửng sốt.

Sau nhiều lần bị nhân viên công lực ngăn chặn, đoàn tuần hành cuối cùng đã đến Từ Đàm. Thượng Tọa Trí Quang lên

tiếng với tư cách Hội trưởng PG Trung phần. Trước tiên Thượng Tọa xem đó như một cách bày tỏ nguyện vọng của Phật tử. Hướng về các đại diện chính quyền đến dự lễ, Thượng Tọa đọc lên từng biểu ngữ và giải thích tại sao Phật tử đã phải nói như vậy, phải đòi hỏi như vậy.

Buổi lễ chấm dứt trong trật tự, nhưng mọi người đều hiểu rằng những lời tuyên bố vừa rồi của Thượng Tọa Trí Quang thế nào cũng được phát thanh lại trong buổi phát thanh của PG tại đài Huế tối hôm đó. Buổi phát thanh này là một trong mấy buổi chính quyền đã dành cho PG để kỷ niệm Phật đản.

Tối đến, trái với sự chờ đợi của Phật tử, buổi phát thanh của PG đã không có. Đài Huế bảo là vì lý do kỹ thuật nên không có buổi phát thanh của PG và đã cho phát thanh nhạc để lấp chỗ trống. Thực sự chính là vì cuộn băng phóng sự thâu thanh buổi lễ hồi sáng ở chùa Từ Đàm có ghi những lời tuyên bố của Thượng Tọa Trí Quang.

Trước sự kiện đó, một số Phật tử lên chùa Từ Đàm để nghe ngóng. Số lớn hướng về Đài Phát thanh Huế.

Khoảng 20 giờ 30, Thượng Tọa Trí Quang đến Đài Huế trên cùng một chiếc xe với ông Tỉnh trưởng để vào gặp viên quân đốc Đài Huế. Hơn nửa giờ trôi qua, buổi phát thanh của PG vẫn không có.

Đột nhiên xuất hiện những toán lính vũ trang, những toán cảnh sát, những xe vòi rồng và bốn chiếc xe thiết giáp. Mười phút sau, một chiếc xe tuyên truyền lưu động của Ty Thông Tin chạy đến và lên tiếng: « Chính quyền được tin Cộng sản sẽ lợi dụng cơ hội tối hôm nay để đánh chiếm và phá hoại một số công sở trong tỉnh. Chính quyền đã ban hành lệnh giới nghiêm; đồng bào hãy giải tán ».

Sau hai, ba lần kêu gọi, các toán lính, cảnh sát, xe thiết giáp bất thần tiến vào khuôn viên Đài Phát thanh Huế, các xe vòi rồng bắt đầu xịt nước vào dân chúng. Hung hãn nhất là bốn chiếc thiết giáp đã cán phàng tất cả đề tiến tới, vừa tiến, vừa bắn. Xen lẫn trong tiếng súng đạn là hai tiếng nổ lớn. Tiếng la hét kinh hoàng vang động. Phật tử nhốn nháo, hoảng hốt.

Thượng Tọa Trí Quang may mắn vẫn bình an nhưng tám Phật tử đã bỏ mạng vì cuộc đàn áp này.

Biến cố đẫm máu này quả thực chỉ là một giọt nước làm cho chén nước đã đầy phải tràn ra.

Một tuần sau, Hội PG Trung phần đã phổ biến một bản thỉnh nguyện năm điểm đòi hỏi chính quyền thừa nhận trách nhiệm trong biến cố đẫm máu ở Đài Phát thanh Huế; thứ nữa chấm dứt chính sách kỳ thị PG, và thực hiện chính sách tự do và bình đẳng tín ngưỡng đối với PG, cụ thể là chấm dứt việc áp dụng Dự số 10 đối với PGVN.

Thỉnh nguyện năm điểm đó chính là bản đúc kết những mục tiêu của phong trào được PGVN phát động từ biến cố đẫm máu tại Đài Huế. Với những mục tiêu đó, PGVN đã chứng minh phong trào đấu tranh của mình là một phong trào tự vệ, hoàn toàn giới hạn vào phạm vi tín ngưỡng.

Với chiến thuật giới hạn đó, PGVN đã chọn một con đường vừa quyết liệt, vừa nguy hiểm là gián tiếp không dựa vào áp lực quần chúng để tấn công thẳng vào toàn bộ những sai lầm của chế độ, nhưng chỉ nhằm vào một khía cạnh hạn hẹp, và đồng thời cũng là điểm yếu nhất của chế độ Đệ nhất Cộng Hòa — là chính sách tôn giáo của chế độ.

Chế độ cũng thừa biết như vậy. Nhưng thay vì chấp nhận chiến tuyến giới hạn mà PGVN đề ra, chế độ đã đi xa hơn bằng cách một đảng cố lờ PGVN ra khỏi trận tuyến tranh chấp chỉ về chính sách tôn giáo; và đảng khác, chế độ lại cố dùng lý do tôn giáo để triệt hạ đối thủ. Nói thế khác, chế độ đã âm mưu biến cuộc tranh chấp giữa PGVN và chế độ thành một tranh chấp giữa PGVN và Công Giáo vì lý do chính trị để đập tan phong trào đấu tranh của PGVN với danh nghĩa dẹp tan một âm mưu nội loạn và thanh chiến vì mục đích chính trị.

Quả vậy, trong Thông Cáo số 3 gửi Thanh niên Cộng Hòa, Cố vấn Ngô đình Nhu đã gay gắt tố cáo phong trào đấu tranh của PGVN là *phản lại tinh thần Ba-La-Mật* nghĩa là phi tôn giáo,

và là *chống lại một chế độ hợp hiến* nghĩa là phản loạn. Tổng Giám Mục Ngô đình Thục trong một buổi nói chuyện ở Đại Học Huế cũng đã nói rằng cuộc đấu tranh của PGVN là phi lý, vì theo ông, mọi sự chỉ vì « *một lá cờ* », mà lá cờ lại chỉ là « *một mảnh vải, tấm giấy không đáng ba xu* ». Mặt khác, Tổng Thống Ngô đình Diệm tuy tỏ ra thiện chí muốn lấy Hiến Pháp làm căn bản giải quyết vấn đề nhưng cũng đã cảnh cáo PGVN là « *sau Hiến pháp còn có lời* », vừa đề tránh trách nhiệm, vừa đề chứng tỏ một uy quyền tối thượng và phi hiến. Nếu có, PGVN sẽ chỉ được tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo như những ân huệ chứ không phải như những quyền lợi tất nhiên trong một chế độ dân chủ, hợp hiến.

Và chuyện phải đến, đã đến. Hai tháng rưỡi sau ngày ký thỏa ước chung giữa PGVN và chế độ, đến 20 tháng 8, tất cả cơ sở PGVN, đều bị bố ráp, tất cả những thành phần lãnh đạo phong trào đều bị bắt giam, ngay cả Thượng Tọa Trí Quang. (T. T. Trí Quang không phải đã thoát được và vào tỵ nạn ở tòa đại sứ Mỹ ngay đêm chùa Xá Lợi bị tấn công. Trong đêm đó, Thượng Tọa cũng đã bị bắt như bao nhiêu Tăng, Ni và Phật tử khác. Nhưng vì người ta không nhận diện được Thượng Tọa và đã liệt Thượng Tọa vào nhóm những thanh niên Tăng vô hại nên Thượng Tọa mới thoát được.)

Chiến dịch « *nước lũ* » này tuy đột ngột nhưng giới lãnh đạo PGVN cũng đã biết trước. Tuy nhiên, một khi đường hướng đấu tranh là bất bạo động, khổ nhục và tuân giáo, một khi mục tiêu đấu tranh là tố cáo chính sách « *kỳ thị, bất công, gian ác* » và đòi hỏi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo — một đòi hỏi mà chế độ không muốn thừa nhận — thì điều tốt nhất là để cho những điều bị tố cáo được thực chứng. Nói thế khác, chiến dịch « *nước lũ* » không những đã thanh toán xong phong trào đấu tranh của PGVN nhưng đồng thời cũng là một cơ hội quý báu cho PGVN thành đạt những mục tiêu đã đề ra. Và như vậy,

có thể nói phong trào chống chế độ Đệ nhất Cộng Hòa của PGVN đã gần như chấm dứt sau đêm 20 tháng 8 chứ không phải đợi đến ngày 01 tháng 11.

Nhân danh tự do và công bằng xã hội, cụ thể là tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo, PGVN đã cổ vũ lên chống lại một chế độ đã không muốn thừa nhận tự do và công bằng xã hội như những dân quyền và nhân quyền. Phong trào quật khởi của PGVN đã tựu thành phần lớn trong đêm 20 tháng 8, và nhờ đêm 20 tháng 8. Với đêm lịch sử đó, PGVN đã gián tiếp chứng minh Đệ nhất Cộng Hòa không chấp nhận thực thi những dân quyền và nhân quyền, đồng thời cũng không tha thứ cho bất cứ ai muốn lên tiếng đòi hỏi những quyền đó. Cho nên, trước gương PGVN, dân chúng sẽ chỉ còn hai con đường để lựa chọn hoặc chấp nhận chế độ Đệ nhất Cộng Hòa để tiếp tục sống trong nô lệ, áp bức và bất công, hoặc phải vùng lên lật đổ chế độ đã phủ nhận dân quyền và nhân quyền.

Và dân chúng đã lựa chọn : chế độ Đệ nhất Cộng Hòa phải sụp đổ. Chính quyết định đó đã được thể hiện trong ngày 1.11 và đồng thời cũng là nguyên nhân thành công của ngày 1-11.

Phong trào đấu tranh của PGVN khởi động từ tháng 5.1963 có thể nói là men của cuộc quật khởi ngày 1.11.1963. Ngày 1.11 chỉ là một ngày quật khởi nhân danh dân quyền và nhân quyền chứ chưa phải là ngày cách mạng, lại cũng không phải là toàn bộ một cuộc cách mạng.

Ngày 1.11.1963 chỉ là khởi điểm của một cuộc cách mạng mà điều kiện thành công là ước vọng cách mạng của dân chúng như là động lực và một chính quyền cách mạng như là phương tiện thực hiện. Quật khởi chỉ thực sự đơm hoa kết trái cách mạng hay sẽ sa đọa thành một cuộc chính biến, một vụ thuyền chuyển quyền hành từ một chính quyền phản động này sang một chính quyền phản động khác, tất cả còn tùy thuộc vào ý

chí cảnh giác của dân chúng và ý thức cách mạng của những chính quyền sau cách mạng.

Nói thế khác, ý nghĩa của ngày 1.11.1963 là ý nghĩa của một sự đã phá tiêu cực. Sự sụp đổ của Đệ nhất Cộng Hòa là thành quả của một sự đã phá tiêu cực và cần thiết cho ước vọng cách mạng của dân chúng có thể tựu thành. Ước vọng ấy có thể tựu thành bằng những công trình xây dựng cách mạng hay không là tùy ở chính quyền sau cách mạng có thấu hiểu được ước vọng của dân chúng không, có ý chí và kế hoạch để thực hiện ước vọng của dân chúng hay không.

Thực tế chính trị và thực trạng uy quyền quốc gia từ 1963 đến 1970 là một câu trả lời cụ thể.

Chính quyền của tướng Dương văn Minh đã tự hủy diệt khi chỉ định ông Nguyễn ngọc Thơ lãnh đạo một chính phủ cách mạng đầu tiên gần như phản động. Tướng Nguyễn Khánh rắp ranh đi vào con đường độc tài quân phiệt và cuối cùng đã thất bại. Phe dân sự và các chính đảng từng có thành tích cách mạng kháng chiến, chống Ngô Đình Diệm đã loạng quạng cầu an, bất lực và thỏa hiệp khiến cho quyền hành chính trị cuối cùng lại lọt vào tay một số quân nhân dưới hình thức một chế độ Ủy Ban. Chế độ Ủy Ban này đã được vội vàng hợp thức hóa bằng những cuộc bầu cử năm 1967 mà sự tổ chức đã gây nhiều dư luận chống đối.

Nhìn thấy thực trạng đó thì có lẽ sẽ hiểu được phần lớn hành trình dẫn thân vừa kiên trì, vừa khổ nhục của PGVN từ năm 1963 đến nay.

Từ năm 1963 đến nay, PGVN đã giữ một vai trò đối lập chủ động đối với mọi chính quyền. Đối lập với Ngô đình Diệm vì dân chủ và công bằng xã hội, đối lập với Nguyễn Khánh để đòi hỏi quốc dân đại hội và cách mạng xã hội; đối lập với chế độ Ủy Ban Nguyễn văn Thiệu — Nguyễn cao Kỳ để đòi hỏi dân chủ và tự quyết.

Bằng những cuộc vận động liên tiếp đó, PGVN đã vạch ra một biên cương vô hình nhưng kiên định giữa khát vọng công bằng, dân chủ với độc tài; giữa khốn cùng, bị trị với tham nhũng, bất công; giữa thanh bình và chiến tranh; giữa dân tộc và ngoại lai.

Chiến tranh càng khốc liệt, nhu cầu cai trị càng cứng rắn và khắt khe, xử sở càng điều linh thì PGVN càng phải vẫy vùng. Càng vẫy vùng thì lại càng bị chiếu cố tận tình và tàn khốc. Pháp lý của Giáo Hội PGVN bị phủ nhận. Thượng Tọa Trí Quang vào tù, Thượng Tọa Thiện Minh bị mưu sát và bị ra tòa lãnh án. Thượng Tọa Đôn Hậu bị bắt mất tích. Nhưng ác hại nhất là hai biến cố mùa hạ 1966 hay vụ đàn áp phong trào vận động dân chủ, và biến cố mùa xuân 1968 hay vụ Mậu Thân. Tại sao PGVN lại phải ở trong cảnh trên đe dưới búa đó? Đặt câu hỏi đó tức là đặt vấn đề chiến lược vận động của PGVN.

Miền Nam VN bấy lâu là địa bàn của một cuộc chiến tranh kép: vừa nội chiến, vừa chiến tranh ủy nhiệm. Cuộc chiến Quốc-Cộng VN và cuộc chiến giữa « tiền đồn của thế giới tự do chống đế quốc Đỏ » và « tiền đồn của xã hội chủ nghĩa chống đế quốc Trắng » đã trở thành một *thực tại cộng sinh* lôi kéo toàn thể dân tộc vào đường diệt vong và bị trị. Càng chiến tranh thì áp lực ngoại thuộc càng nặng nề. Áp lực ngoại thuộc càng nặng nề thì chiến tranh càng dai dẳng, khốc hại.

Mục tiêu chiến thuật mà PGVN theo đuổi từ 1963 đến nay có thể nói là cố gắng làm cho Nam VN không còn là một môi trường chiến tranh, cố gắng làm cho Nam VN thực sự trở nên một *quốc gia độc lập* để một đảng chống đỡ những âm mưu ngoại thuộc, đảng khác thuyết phục Bắc VN từ bỏ ý định « giải phóng ». Muốn được vậy thì Nam VN phải có dân chủ và công bằng xã hội, phải kết hợp dân chủ với công bằng xã hội vì dân chủ mà không công bằng xã hội thì chỉ là dân chủ giả hiệu, công bằng xã hội mà không có dân chủ thì chỉ là cách mạng bạo lực.

Hòa bình mà PGVN mong ước không chỉ là hòa bình của Nam VN, không chỉ là một hòa bình do Hoa kỳ, Nga xô và Trung Cộng thỏa hiệp ban cho. Hòa bình mà PGVN ước vọng là một hòa bình Nam-Bắc, hòa bình trong tâm hồn mỗi người Việt bên này cũng như bên kia vĩ tuyến 17.

Cuộc chiến tàn khốc hiện tại cũng là một cơ hội để cho người Việt « quốc gia » và người Việt « cộng sản » ý thức rõ hoàn cảnh bế tắc mà họ đang dẫn thân đề từ đó ý thức được sự cần thiết phải vượt lên trên những tranh chấp chính kiến và quyền lợi phe phái. Ý thức chủ hòa của PGVN do đó cũng là một ý hướng xét lại. Vận động hóa giải để xét lại, vận động xét lại để hóa giải.

Cũng vì thế mà trong hành trình đấu tranh từ 1963 đến nay, PGVN đã nhân danh dân chủ để chống lại phe bên này (vì một nền dân chủ không dựa trên công bằng xã hội chỉ là một nền dân chủ giả hiệu); nhân danh công bằng xã hội để chống lại phe bên kia (vì cách mạng xã hội không dựa trên dân chủ chỉ là cách mạng bạo lực); nhân danh sự sống còn và quyền lợi tối cao của dân tộc để chống lại tất cả những phe lâm chiến trực tiếp và gián tiếp.

Dân tộc có tồn tại, quyền lợi của dân tộc có được tôn trọng thì mới có điều kiện tất yếu để tìm ra đáp số đích thực cho bài toán nan giải đã ám ảnh dân tộc VN từ bao ngàn năm nay, nhất là từ khi Pháp đặt chân xâm lăng xứ sở này: *bài toán Độc Lập của dân tộc VN*.

Hành trình tranh đấu của PGVN do đó, có thể được gọi là hành trình vận động hòa bình dân tộc như điều kiện tiên quyết để tranh thủ độc lập dân tộc trong giai đoạn lịch sử nặng nề *cộng nghiệp* này.

tùy anh

01.11.70.

VŨ KHẮC KHOAN

nhất linh đôi diện nhất linh

Nếu ai biết ở đời cái gì cũng là ảo mộng là người ấy khổ, mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc thì chẳng là trái ngược lắm sao. Khổ nhưng nếu không nghĩ gì mà được sung sướng thì dễ chứ đã biết nghĩ rồi, biết nghĩ là cái nguồn khổ về tinh thần, muốn thoát ly ra thật là khổ lắm...

Không muốn đau khổ mà cũng không ừ lì một thạch, chỉ là muốn có tư tưởng mà được thanh thoi trong lòng, nhưng muốn cả hai như thế thật là khó khăn vô cùng...

Cái buồn cái lo nhỏ mọn làm gì bứt rứt thế? Ôi! con người ta sinh ra là mảnh bụi làm gì mà băn khoăn thế? Ta hãy quên đi ta hãy người đi.

Nhưng đem thân mình đến đâu là NÓ theo đuổi đến đấy, có khi tức quá, lấy tay chỉ lên đầu mà than với mình rằng: NÓ ở đây, đi đâu mà không có NÓ được? Trong lòng không tĩnh thì đầu thu mình vào hạt bụi, ẩn bóng trên cánh hoa, ruột gan vẫn nẫu nẫu như thường. Hay là lấy giọt nước cành dương mà an ủi mình chăng, nhưng lòng ta không có tin ngưỡng nữa, rồi đến cả vũ trụ này cũng không tin thì tin ai được nữa, mà tin ai bây giờ?

Phải biết rằng đối với những người hay ngẫm nghĩ về nghĩa lý ở đời như thế thì chỉ có hai cách sống mà thôi. Một là hành

động, hành động cho đến kiệt lực, cho mãi chiều xế bóng, lấy cái mộng tưởng mà mê sinh trong cái đời hư vô mộng tưởng này. Hai là không thiết gì nữa, cứ để ngày tháng đi qua như giòng suối chảy, không sợ chết mà cũng không mong cái chết, mình không sợ chết mình cũng không mong cái chết mà vẫn không tĩnh tâm thì chỉ có cách trên họa may là có thể giải thoát cho mình chăng? (1)

NHẤT LINH

Làm gì mà băn khoăn thế — Người quay tơ.
1927.

Thu mình vào hạt bụi, ẩn bóng trên cánh hoa? Lao đầu vào truy lục, ngụp lặn trong bùn đen của tội lỗi? Rút về một khoảng núi cao vui đùa với lũ hươu rừng và ánh trăng, le loi kẻ song? Lấy giọt nước cành dương gội sạch bụi bặm phố phường? Vô ích. Vô ích. NÓ ở đây, đi đâu mà không có NÓ? NÓ nung nấu ruột gan. NÓ đến đột ngột như sét đánh. NÓ lẩn quẩn đầu đây. NÓ bám chặt từng bước đi. NÓ giăng mạng nhện ngay nơi óc. NÓ leo dẹo theo sau. Nó hiện diện từng giây từng phút, theo dõi từng khắc từng giờ. NÓ dăm chiêu, dăm đầu, quanh quất, chờn vờn. Như trông mắt của Caïn. NÓ nằm ngay trong thân xác, cùng ăn, cùng ở, cùng nằm. Há miệng mà cười, ôm mặt mà khóc, hét lên: NÓ là tiếng vọng. Co cẳng mà nhảy, lấy đà mà vút lên cao: NÓ trở thành trọng lực để níu lấy chân, bàn chân lại vẫn nặng nề ôm ghim mặt đất. Đi đâu mà không có NÓ? NÓ len lỏi vào giữa giấc mơ. NÓ ám ảnh từng cơn hành lạc. NÓ đào sâu trông mắt thường vẫn mở rộng trắng đêm. NÓ gặm nhấm dần dần những luống tóc xanh, sỏi ngược vào góc thái dương, sỏi sâu đến tận vùng chất xám của não. NÓ trở nheo đuôi con mắt, xếp ngang đường nhãn trên vàng trán rộng, tạc dọc đường hán tự cánh mũi chạy dài xuống lặn mé môi.

(1) Phần đầu đã đăng trong số 36, nay in lại và tiếp phần cuối. Những dòng in ngả là văn của Nhất Linh.

NÓ là trông mắt trũng, là vầng trán rộng, là những nét hằn, là khuôn mặt gầy guộc nặng trĩu ưu tư.

NÓ là Nhất Linh.

Bởi một sớm, Nhất Linh đối diện Nhất Linh đã thấy biến mất Nhất Linh, đã chỉ nhìn thấy NÓ. Tự đó Nhất Linh trở thành một trường hợp, trường hợp một người bị NÓ ám ảnh, bị NÓ theo dõi, như một định mệnh. Và cũng tự đó cuộc sống Nhất Linh trở thành một hiện tượng, hiện tượng một tìm kiếm, đối tượng tìm kiếm lại chính là... mình. Cuộc tìm kiếm có như một bắt buộc, bởi định mệnh là NÓ không bao giờ cho phép Nhất Linh ngừng cuộc. Cuộc tìm kiếm có như một đam mê vô ích bởi giữa Nhất Linh và Nhất Linh NÓ thường xuyên hiện diện, như một ngăn cách, để không bao giờ, không bao giờ nữa, dù phải đi đến tận cùng mọi ngõ ngách của cuộc sống, tận dụng mọi phương tiện của cuộc đời, mọi khả năng của con người, Nhất Linh lại còn có cơ duyên bắt gặp lại được... Nhất Linh.

Hãy nhắm mắt lại. Hãy cắt ngang cuộc độc đối thoại. Hãy xóa nhòa tấm gương đối diện. Không thiết gì nữa, cứ để ngày tháng đi qua như giòng suối chảy, không sợ chết mà cũng không mong cái chết. Hãy trở về yên lặng của gỗ rừng và đá núi tồn lưu trong một khoảng không gian im lặng dựng lên bởi nắm đại và lan rừng. Con người ta sinh ra là mảnh bụi, làm gì mà băn khoăn thế?

Nhưng... NÓ vẫn hiện diện, đi đâu mà không có NÓ?

Chỉ còn một lối thoát. Chỉ còn một cách sống. Là hành động, hành động cho đến kiệt lực, cho đến tận cùng xé bóng. Để mê sinh. Để quên.

Và Nhất Linh đập tan tấm gương đối diện, đi vào hành động.

Một buổi sáng chớm mùa thu Hà nội, tôi, một đứa con trai bảy giờ mới lớn, gió heo may đang thổi lồng lộng ngực hai mươi, tôi quay lưng lại chiếc Tháp Rùa chênh vênh giữa hồ Hoàn Kiếm để nhìn

theo hút Nhất Linh, để được nhìn thấy Dũng nhập nhục, Dũng đảo bước, gọn và nhanh, bước vào hành động. Đến mãi sau này, đến khi trong tôi những đợt heo may đã đi vào vùng kỷ niệm, đến khi được gặp Nhất Linh như là một người bạn vong niên, hồi tưởng lại, tôi mới biết rõ là khi đó (khoảng quân đội Phù Tang vượt biên giới tiến vào Lạng Sơn, khi nhìn thấy Nhất Linh, vóc dáng cao vợi, thoáng hiện sau rặng liễu ven hồ Hoàn Kiếm để vượt cầu Long Biên, men theo giòng Hồng Hà và giòng sông Thanh Thủy, tiến lên những quận lỵ đèo heo hút gió vùng mạn ngược, lần mình trong bóng đêm của những thung lũng, đèo cao và rừng rậm, đặt chân vào nội địa Trung hoa, mất hút vào một hành trình hình như đơn độc chỉ có một chiều), khi đó, khi nhìn thấy Nhất Linh rẽ khuất vào một lối ngoặt đường Hàng Trống (cũng là một lối ngoặt kiếp sống Nhất Linh), gió heo may thổi lật những chiếc lá bàng đỏ kèch (cả cuốn Đồi Bạt chỉ là lời nói đầu Nhất Lã Bàng), chính khi đó, mãi sau này tôi mới ý thức rõ rệt, tôi đã mất Nhất Linh, Nhất Linh đã chỉ còn là một thân xác mà hồn của Dũng đã ngự trị và điều khiển, tôi đã chỉ còn có Dũng. (Và chính tôi muốn thế, chính thế hệ chúng tôi muốn thế). Tôi nhìn thấy Dũng lên đường.

Dũng lên đường. Dũng, người đàn ông rất đàn ông, dứt khoát với mình với người, không băn khoăn thắc mắc, sáng suốt, tỉnh táo, không hề đặt vấn đề với mình, về mình, về người, đều và chắc nịch tiến từng bước thẳng tắp tới một mục tiêu nhất định; Dũng, người của hoạt động bí mật ẩn náu trong lòng ngõ hẹp lắm bùn, bị thương giữa đêm rừng Hưng hóa; Dũng, người tình nhân choáng hơi men, một đêm dừng chân bên bến lạ, nghĩ đến người yêu và dưới ánh trăng xuống, kẻ giấy trên mạn thuyền, viết một bức thư; Dũng của Đoạn Tuyệt? Sự thực không đơn giản. Tôi tin rằng Nhất Linh phải biết rõ như vậy, ngay lúc bấy giờ, khi Nhất Linh rời bỏ Việt Nam, thu hút bởi chính nhân vật do chính mình sáng tạo, khi Nhất Linh bị cuốn vào cái quay cuồng nhân quả trùng trùng của một thứ nghiệp mà sau

này Nhất Linh gọi tên là *guồng máy*. Bởi vào năm 1940, không chỉ có một Dũng, Dũng của Đoàn Tuyết, mà còn có một thứ Dũng nữa, tuy sinh sau đẻ muộn mà ma lực quyến rũ (nhất là đối với chính Nhất Linh) lại khủng khiếp gấp bội người anh đầu lòng: Dũng của Đôi Bạn.

Khi quyết định ấn hành số « đặc biệt nhớ Nhất Linh », muốn in lại một cái gì đặc-biệt-Nhất-Linh, tôi chọn lời Nói Đầu cuốn Đôi Bạn, mang tên là Nhật Lá Bàng. Mai Thảo gật gù nên lăm. Và nói thêm :

— Chưa bao giờ một người viết chịu mến nhân vật của mình đến như vậy.

Một lát sau :

— Nhật Lá Bàng vượt cả cuốn Đôi Bạn. Nhất Linh phải viết trong một dịp xuất thần.

Ít khi tôi đồng ý với Mai Thảo. Nhưng lần này cái lối phát biểu ý kiến nhất gừng của anh đã làm tôi suy nghĩ. Và tôi đã nhận với tôi (cũng ít khi tôi nhận với Mai Thảo) rằng tôi đồng ý với anh... Nhưng phần nào thôi. Nhất Linh quả có chịu mến Dũng. Nhất Linh quả có xuất thần khi viết Nhật Lá Bàng. Đó là một thực tại nhưng nguyên nhân hình thành không chỉ đơn giản do tương quan người viết và nhân vật, mà phức tạp hơn : Ở đây người viết là nhân vật.

Hơn 20 năm sau, Nhất Linh thú nhận : *độ ấy* (khi viết Đoàn Tuyết) *tôi chỉ coi nhân vật như những quân cờ để đánh một ván bài*. Ván bài vốn là một ván bài sinh tử, năm ngón tay phù thủy Nhất Linh dồn tất cả công phu sáng tạo vào thân xác *quân cờ*. Trong ma túy lên đường, chương khí rừng mạn ngược và sương độc núi lam biên giới, *quân cờ* (được gọi tên là Dũng) dần dần trút bỏ hình thù thô kệch giả tạo ban đầu, vụt lớn lên thần tượng, vóc dáng bao trùm cả một thế hệ, *quân cờ* hay là Dũng bỗng một đêm thấy tỏa ra từ thân xác một vùng ánh sáng mang một hấp lực dị thường đẩy lên theo một đường quỹ đạo mà chính Dũng là nơi trung tâm phát xuất, Dũng-âm-bình bèn đứng dậy, bước một bước vào thế phù thủy, lời chủ đầu tiên vừa thốt ra

khỏi miệng, tay ấn đã chọn ngay đích thân người sáng tạo ra mình làm nạn nhân thứ nhất. Sự việc xảy ra trong chớp lát — trên chiếu bạc, *ván bài* đã đến lúc quyết liệt, Nhất Linh đã vừa tổ sạch lảng — nhạc vắng vắng đâu đây, lời ca ngọt lịm (ban đồng ca phụ họa là cả một thế hệ), Dũng khó hiểu, kỳ dị, beau ténébreux, hiện lên lẫm liệt trên một nền mờ dịu của mây, trắng mùa thu và gió heo may thổi lộng mặt sông hoang vắng, vùng ánh sáng quái dị tỏa rộng thêm hấp lực bỗng vươn lên cao theo cái thế xoáy lốc của đường quỹ đạo đã đổi hướng quay, Dũng-phù-thủy phẳng phất phong thái thần linh, Nhất Linh choáng váng, chóng mặt, không thể cưỡng, không muốn cưỡng lại, chỉ nhìn thấy Dũng. Tưởng mình là Dũng, trở thành Dũng. (Còn nhớ không, người đồng chí của Vũ-tương-Dũng, cái ngõ hẹp đầy khói lát đá tảng vùng Hoa Nam ?)

Nhất Linh trở thành Dũng. Mệnh đề này mang một hệ luận : khi tự Saigon độ ấy, một lá thư từ nhà một người mang tên là *Trương Viễn ngụ tại 188 đường Albert 1er Đakao* gửi về Hà nội cho Nhất Linh, lá thư ký dưới *một người xa xăm* (Nhất Linh đã nói chữ viết không phải là chữ của Dũng, bởi đúng là như vậy, chữ viết là chữ của Nhất Linh) thì lá thư đó là một lá thư đặc biệt người gửi và người nhận chỉ là một, lá thư tâm sự, một lời độc thoại, đúng hơn : phần nửa một cuộc độc đối thoại vốn vẫn âm ỉ kéo dài. Tấm gương đối diện ngày trước tưởng đã đập vụn từng mảnh bởi chính tay người đối diện giờ đây — *trời muốn trở rét* — đang từng mảnh vụn chấp nối để dựng lên đối diện Nhất Linh, đề ném lại trước mắt Nhất Linh, sừng sờ, không phải hình ảnh một Dũng, mà qua Dũng, không phải chính hình ảnh Nhất Linh, mà xoáy vào nữa, qua Nhất Linh, mà... *NÓ. NÓ*, nhưng méo mó, nhưng thiếu nào hơn nhiều, *NÓ* qua vóc dáng một Dũng thứ hai, Dũng của ấp Quỳnh Nê và bến đò Gió, Dũng — Đôi Bạn, Dũng không lúc nào *mãn nguyện* mà phải mãi mãi đi tìm một sự bình tĩnh cho tâm hồn, một sự bình tĩnh có mà lại không, gặp được nhưng lại mất ngay, Dũng lúc nào cũng muốn vượt ra khỏi sự buồn chán bao phủ dày đặc quanh mình, Dũng nhẩy ra rồi lại muốn nhẩy vào, Dũng thoát ly mà vẫn không cảm thấy cái khoan khoái được thoát ly, lúc nào cũng cố đuổi theo một thứ dóm dóm của cuộc đời, lúc tắt lúc sáng như những ngôi sao lạc biết thần thức, yêu

mà e ngại nói yêu, Dững không thần tượng mà khiêm tốn chỉ biết *băn khoăn*, không phù tuỷ không âm binn, không *quán cờ*, không hình nộm, rất thật nên đứng ngồi không yên, Dững không phải của Đoàn Tuyệt mà của Đồi Bạ, mà như từ Đan Mạch trở về, tự tòa cổ lâu Elseneur bước ra, Dững-Hamlet nghĩ cho nên biết, biết cho nên đành phải nằm gọn trong cái thế giới con con, ngây ngô, điên dại do chính tay mình xây dựng cho nên lưỡng lự trước cuộc đời *đầy phiền muộn như buổi chiều mờ sương thu ngodi kia*. Dững-Hamlet. NÓ. Đích NÓ. NÓ lại trở về. Như một căn sốt rét kinh niên tái phát: con bệnh chỉ vừa kịp thấy ơn ớn khớp xương, gầy gầy nổi da gà nơi bả vai bấp vế là đã cảm thấy lên từng đợt lạnh như lửa về từ miền Thượng du Bắc Việt phát xuất ngay từ đan điền, loang ra, tràn ngập toàn thể thân xác. NÓ lại trở về, ở đây, khắp nơi, yên lặng mà hầu như trách móc, quen thuộc nhưng luôn luôn mang vóc dáng một lạ mặt. NÓ. Đì dẫu mà thoát được NÓ?

Trong một huyền thoại Hy Lạp, thuở thần linh còn ở lẫn với người, có một vị vua mang tên là Midas vì thắc mắc trước lẽ sống nên đã đuổi theo tìm gặp nhà hiền triết Silène, người bạn đồng hành của thần Dionysos. Và khi hai người đối diện trong một khu rừng vắng, khi Midas ngập ngừng cất tiếng đề hỏi (cũng như đã bao nhiêu ngày đêm tự hỏi) xem đâu là hạnh phúc hoàn hảo của con người, thì nhà hiền triết cúi đầu im lặng. Lời tra vấn nhiều lần lại được thốt lên tiếng. Bỗng giữa hoang vắng của rừng già, tiếng cười Silène rít lên the thé. Và dứt tiếng cười, thì đây là câu trả lời, câu trả lời đã đi vào huyền thoại Hi Lạp, đã in dấu trên lối sống Hy Lạp:

— Hỡi giống người khốn nạn sinh ra do ngẫu nhiên và đau khổ, ta không hiểu tại sao người lại muốn biết một điều chẳng mấy may ích lợi cho người? Hạnh phúc hoàn hảo của con người ư? Thì đó chính là cái mà không bao giờ người đạt được, cái đã ở ngoài tầm với của con người. Bởi hạnh phúc hoàn hảo của con người là gì, người biết không? Nghe đây: đó chính

là đừng sinh ra làm người, đừng hiện hữu, đừng là cái gì cả.

Sau một khoảng yên lặng, gió thoảng cơn đặt nhẹ xuống nền cỏ mát một chiếc lá khô đến độ lia cành:

— Nhưng đối với người, đối với kích thước con người, thì cũng còn có thể có một thứ hạnh phúc, đó là... chết. Biết chắc chắn rồi ra sẽ chết.

Câu chuyện huyền thoại kết luận theo hót bước chân Silène thất thểu khuất sâu vào lòng rừng già. Thế thôi. Không thấy nói gì đến Midas.

Mà nói gì? Midas đã hỏi và đã được trả lời. Và đã biết. Số phận Midas đã có chút may mắn hơn Nhất Linh. Bởi kịp đến khi Nhất Linh lớn lên (hình ảnh cuộc đời đã thôi đơn giản một chiều phản ánh, đã thôi ngày thơ dội ngược lại chính cuộc đời, đã bắt đầu phiền toái nhận chìm lệch lạc qua tròng mắt vào tới cõi xám vùng não), kịp đến đầu thế kỷ 20, thì đã từ lâu thần linh từ già loài người, để mất tâm vào núi và rừng tiền sử. Mất tâm bóng dáng những tiên và bụt, những Silène và phũng đáng tiên tri. Tiếng kệ Thích ca đi vào im lặng vô ngôn. Con kỳ lân buồn lẻ gầy trúc khắp khếnh nơi thôn vắng nước Lỗ. Dưới nắng quái một chiều loạn, Lão tử cõi trâu trở về miền hoang vu Tây Bắc. Mất tâm. Mất hút. Nhưng... lời tra vấn Midas thì nguyên vẹn vẫn còn vọng lại, tự mê rừng ven vùng trời nước đảo lộn một màu xanh thăm thẳm Địa trung hải — tiếng gà gáy lẻ nửa khuya, đơn chiếc — lời tra vấn bao trùm dọc nẻo hành trình tiến lên của kiếp làm người, để tự những thế kỷ hồng hoang thăm thẳm, qua cái rung động tâm thức một Midas, tan loãng vào cái trống không nguyên thủy, ngân ra bắt kịp cái nhịp xao xuyến tâm thức một Nhất Linh.

Một Nhất Linh và tiếng vọng một lời tra vấn.

Nếu ai biết ở đời cái gì cũng là ảo mộng là người ấy khổ mà mục đích ở đời là sự hạnh phúc...

Hạnh phúc? Không muốn đau khổ mà cũng không ư là một *lạch*, chỉ là muốn có tư tưởng mà được thanh thoi trong lòng...

Hạnh phúc? Sống mà sinh trong cái đời hư vô mộng tưởng, sống mà xóa nhòa được trước mắt cái viễn tượng sinh ra... không hiểu vì cớ gì rồi lại khuất đi, như những người bộ hành,

một buổi chiều đông, qua bến đò, in bóng trong chốc lát trên giòng nước trắng của cuộc đời chảy mãi không ngừng.

Lời tra vấn vang lên dội lại, lẻ loi: trong cái im sững mênh mông của trời và đất đồng lõa, một cõi im sững khác bỗng nhiên thể hiện, đề rời hắc hà sa số những cõi im sững khác kế tiếp khởi lên, cứ như thế, tất cả xoáy tròn ốc trong một cơn lốc không thủy và không chung của càn khôn nhập một, xù xì, cục mịch ngầy ngỗ.

Hạnh phúc? Silène, Silène.

Trời không lên tiếng. Đất không trả lời. Chỉ còn một lời tra vấn. NÓ. Như một cái gì không thể đạt tới. Lỡ rồi. Chót rồi. Như một mâu thuẫn tất yếu và nội tại, khi sự vật bắt đầu thành hình với danh và sắc, khi Thái cực mạnh nha ý hướng sinh hạ lưỡng nghi, khi atma già từ Brahma. NÓ, lời ira vấn mà cũng là lý do hiện hữu của kiếp làm người. NÓ, một đam mê vô vọng. NÓ, một lời chiêu dụ một lời cự tuyệt, NÓ, cái vòng luẩn quẩn, NÓ, định mệnh. NÓ, thân phận con người. Đi đâu mà không có NÓ?

Trường hợp Midas là trường hợp một đối thoại. Nhất Linh độc hành bước vào cái thế bi đát một độc thoại (hơn một lần nguy trang thành một thứ đối thoại quái dị người trong cuộc bắt buộc phải đối diện với dự phóng của chính mình) bỗng trong một xát na đốn ngộ — tiếng gà nào gáy lẻ đơn chiếc nửa khuya? — bất chợt được chính mình đắm mình dưới ánh trăng một thế giới thần tiên đầy bí mật.

Một con đường ở sát mặt nước đi khuất vào trong bóng tối một cái hốc đá... đường vào Đào nguyên... Ngay từ lúc còn nhỏ, chàng (Dũng hay Nhất Linh cũng thế) đã có ý muốn rời khỏi nhà để đi tìm cảnh Đào nguyên đẹp đẽ. Có khi đêm khuya, sự thức dậy, chàng chạy ra nhìn con đường ấy xem có xảy ra sự gì lạ không. Dưới ánh trăng, hai ông tiên ngồi đánh ván cờ thiên cổ: Chàng tưởng họ vừa ngừng đánh và ngạc nhiên nhìn chàng. Mấy con cá vàng lên đón ánh trăng trên mặt nước, dưới những cụm sương bồ ướt sương, chàng cho là những con vật kỳ quái biết cử động giữa một thế giới yên lặng nhưng có linh hồn.

Một ván cờ thiên cổ trong một thế giới yên lặng, cái thế giới

của thời gian ngưng tụ những phút giây chờ đợi, xem có xảy ra sự gì lạ không... trước khi bước xuống chuyển đò cuối của ngày đang ngã về chiều.

— Thời gian sẽ ngưng lại.

Dũng (hay Nhất Linh) không nghĩ gì... nữa. Những người bạn ngồi chung quanh chàng người nào lúc đó nét mặt cũng lộ vẻ bình tĩnh. Dũng có cảm giác êm ả lạ lùng và cái quán hàng trong đó có Loan (nghĩa là một phần của Dũng, của Nhất Linh) ngồi, chàng tưởng như một chốn ấm áp để chàng được cách biệt hẳn với cuộc đời mà chàng thấy đầy phiền muộn buồn bã như bãi chiều mờ sương thu ngodi kia.

Thời gian ngưng lại trong cái thế-giới-thần-tiên-non-bộ, trong cái quán ấm áp thoảng hơi nóng nước chè tươi thơm ngát, thời gian ngưng tụ nơi những phút giây hiện tại căng thẳng một sự soạn một chuẩn bị một sẵn sàng một chờ đợi... không đối tượng.

Và... bỗng một bóng cầm trường trắng gió lọt vào làm rung động như một cánh bướm... những con bướm trắng bay trên một luống cải lấm tẩm hoa vàng...

Cuộc đối thoại Trương Thu bắt đầu với cánh bướm trắng bay lên, đối thoại ngày một gay go, ngôn ngữ sử dụng ngày một phức tạp, ngày một khó hiểu, ngày một kỳ dị, người trong cuộc chỉ muốn hỏi để được chờ đợi những câu trả lời. Ở đây tình yêu chỉ là một cái cớ, một thứ đom đóm — đừng bắt nó, tội nghiệp, bắt được nó thì chán ngay, chỉ là một con bọ mùi hôi, ánh sáng ở bụng đục mờ mờ, chẳng có gì là đẹp —, một ngôi sao lạc biết thần thức, bóng một cành tre in ngược, ngọn trướng vào giữa một đám sao trông như một cây bông vừa tỏa hoa lấp lánh, mong manh bởi quý, quý bởi mong manh. Ở đây tình yêu là một con sông, những câu hỏi là những cái quán đứng yên trong gió lạnh nhìn cuộc đời trôi qua trước mặt... những nơi tạm trú... ấm áp cách biệt hẳn cuộc đời đầy phiền muộn buồn bã như buổi chiều mờ sương thu. Nhưng con sông nào mà không tới bờ? Cuộc đối thoại nào rồi ra cũng phải chấm dứt, mặc dầu người đối thoại đã vẽ ra trăm phương ngàn kế để cuộc đối thoại trở thành một thứ cầu vồng rực rỡ luôn luôn biến thái ngàn hình vạn dạng lấp lánh bảy màu muôn sắc trên một nền trời

vừa nắng vừa mưa. Nguy hiểm, bấp bênh, cheo leo, sa đọa. Sự cúi đầu chấp thuận cuối cùng của Thu cũng là sự lắc đầu chán nản cuối cùng của Trương. Hết. Chấm dứt. Đã tới Yên lặng.

Trương (hay Nhất Linh, hay là NÓ, đúng hơn) nhìn ra xa ở tận chân trời, chen giữa hai lũy tre làng lộ ra một màu đỏ au với một chòm cây đứng trơ vơ, cô đơn. Trương dịu lòng lại, tho thiết cần có một thứ gì đến để an ủi, một thứ gì rất êm dịu.. Cái chết ! Trương lim dim hai mắt nhìn quăng để vắng tanh tưởng như con đường đưa người ta đến một sự xa xôi và yên tĩnh lắm. Ngay lúc đó Trương thấy không cần phải có can đảm mới tự tử được ; chàng không sợ chết nữa, chàng mong nó đến

Chàng (Nhất Linh) — tôi viết chàng vì tự giọng chữ này đối với tôi, người bạn vong niên đó đã đi vào huyền thoại, đã trở thành nhân vật lớn của một thiên phiêu lưu kỳ phẫn phất hoang đường thấp thoáng bóng dáng những Midas, Silen và Dionysos —, chàng mong nó đến. Hơn thế nữa : ở nơi hẹp cuối cùng, chàng đã là người đến trước. Trước nó, cái chết

Ly độc dược (pha với chất men miền Ecosse, nét làm gián cuối cùng của một tửu đồ tự trọng) nâng lên ngang miệng chàng bỗng thấy *ém ả lạ lùng, đất sẽ mát lắm, bốn bề đất mát mẻ*. Chàng tận hưởng cái phút cuối cùng chờ đợi đó (*phải đợi cái chết thì sống mới không sợ sống ?*), cái phút căng chũn niềm kiêu hãnh của một người vừa chợt biết đang nắm chũn trong tay cái suốt đời mình dượt bắt, cái theo đuổi mình suốt đời, NÓ, chính mình, định mệnh của mình, thân phận con người

Nhất Linh, Dũng, NÓ : hành động đốn ngộ cuối cùng củ chàng đã giải quyết tất cả và trọn vẹn.

7-1970

vũ khắc khoan

CAO HUY KHANH

Carson Mc Cullers : đời như một khúc nhạc buồn

« Tại sao viết văn ? Tôi cho rằng một nhà văn phải viết bởi vì có một sự thúc đẩy nội tâm buộc hẳn phải tìm cách chuyển chính cái kinh nghiệm thường thường là vô thức của mình thành ra một cái gì có tính cách phổ biến và biểu tượng. Những đề tài mà người nghệ sĩ đã chọn lấy đều mang dấu vết riêng tư của họ rất sâu đậm. Tôi nghĩ rằng tôi đã chọn viết về nỗi cô đơn tinh thần con người. Dĩ nhiên tôi luôn luôn cảm thấy cô đơn. Nhưng một nhà văn không chỉ cô đơn mà thôi. Nhà văn mang trong mình tính chất vô định hình. Hẳn sẽ khám phá thấy rằng hẳn không có một bản ngã độc nhất ; hẳn sống cuộc sống của những nhân vật mình đã sáng tạo ; thời gian của hẳn tách rời hẳn với thời gian ngoại giới. Tôi sống với những người tôi đã tạo nên : nỗi cô đơn thâm sâu của tôi vì thế cũng đã đỡ được phần nào » (1).

Trên đây là những lời thú nhận rất hiếm hoi của 1 người đàn bà viết văn gốc miền Nam Hoa Kỳ đã nổi tiếng từ năm 23 tuổi và

(1) Bài tựa của tác giả trong « The Square Root of Wonderful »

mất năm 50 tuổi : Carson McCullers. Rất ít khi nhà văn trầm ấy đã vượt lên trên những nhân vật của mình, đi ra khỏi tác phẩm để nói về mình như vậy, mang nỗi cô đơn của mình ra khỏi nhân vật sau khi đã ném nó xuống giữa những khuôn mặt ngẩn, buồn rầu và lạnh lẽo của một cuộc đời quanh quẩn kéo vô hạn trong tác phẩm mình. Lần đầu tiên nỗi cô đơn ấy đã vờ ra khỏi những trang giấy bằng những trang giấy. Hơn bao giờ, đám nhân vật ngổn ngang ít nói năng và cười cợt của McCullers phải cảm thấy họ cô đơn như trong tận cùng thế giới khi tác phẩm đã im lặng trong mấy năm cuối đời mình, không thêm chút gì cũng không bớt một chút gì vào nỗi cô đơn đó, quay ở bên kia những dòng chữ cho đến khi chết đi : 30.09.1967.

« Tôi không bao giờ nghĩ rằng có một ngày nào đó người ta đem in những gì tôi đã viết ». Nhưng người ta đã đem in thì sách và đem lên sân khấu tất cả cái dư vị cay đắng âm thầm những đứa trẻ thơ, những người con gái lạ lùng, những người câm, những kẻ điên khùng, những người da đen và những bệnh hoạn trong thế giới McCullers đã nói giùm bà.

McCullers là một nhà văn trầm lặng. Bởi lẽ trong tác phẩm bà không hề có tiếng kêu gọi, chỉ có tiếng thét cao vút và hút, chỉ có những giọt nước mắt chảy ngược vào tận đáy lòng những nụ cười nhạt nhẽo hay tiếng nhạc chỉ ngân lên trong lòng nên cứ vang vọng hoài huyễn, chỉ có những nhân vật câm — không sao nói được tiếng nói của loài người và vì buồn không nói nữa. Cũng bởi vì tác phẩm của bà không có chủ đề và chỉ toàn là những chủ đề giản dị nhưng thâm thúy chân thực nhất : nỗi cô đơn dai dẳng và nặng nề như ly rượu vang động tâm khốc như Faulkner. Khác hẳn với những nhà văn đồng thời ở bên kia đại lục — như S. Beckett chẳng hạn — McCullers đã không nói gì nhiều và khác hơn một vài cái thực nào đó trong suốt 6 tác phẩm của mình : không có một biến chuyển nào đặc biệt từ tác phẩm đầu tiên « The Heart a Lonely Hunter » (Tâm hồn là kẻ săn đuổi cô đơn) cho

tác phẩm cuối cùng « The Square Root of Wonderful » : không cần phải đặt ra giữa sự nghiệp McCullers một thứ tự thời gian sáng tác. Phải chăng vì đây là một nhà văn phái nữ, một người đàn bà không bao giờ quên được hình ảnh cô học trò 17 tuổi vừa tập đánh máy vừa viết tiểu thuyết — như Sagan, như Christiane Rochefort ?

Em glong bắt tuổi thơ.

Trong cái xứ sở miền Nam Mỹ đó có vô số những trẻ thơ chạy loanh quanh suốt ngày sau cái tuổi thơ lạc lõng của mình. Những đứa bé bị đẩy đến chỗ phải làm người lớn quá sớm và đã tập chiêm nghiệm cái thứ cô đơn độc địa. Làm sao có thể tưởng tượng được một đứa trẻ cô đơn ? Chính vì người lớn không tưởng tượng được những điều gì đó mà thành ra người ta đẩy chúng đến chỗ thành sự thực : « Tôi có cảm tưởng rằng nó luôn luôn là một đứa trẻ cô đơn » (3). Tuổi thơ bị đẩy đi rất xa và những đứa bé mở mắt chơi vơi như chết chìm không kịp nhìn lên trời cao. Sống như một người lạnh lùng, nhún vai và cau mặt li lợm với mười mấy tuổi đầu : « nó có gương mặt của một đứa bé cứ đứng nhìn người khác chơi đùa và đợi cho người ta lên tiếng mời mình ». Mỗi người sinh ra với một hy vọng sẽ có được một phần tư tuổi thơ của mình, phần còn lại đám người lớn cướp mất dù họ không biết sẽ dùng làm gì và dùng cách nào và cứ như thế cái vòng lẩn quẩn quay tròn quanh một chiếc cầu gãy vụn luôn luôn muốn bắt ngang qua trên hai thế giới. Có những thế giới đảo điên và có những thế giới lật ngược, những thế giới chẳng đành lòng, nhưng đó vẫn là điều có thực. « Tôi chưa bao giờ thấy thằng bé có một cái nhìn như vậy trước kia. Chứng như cứ mỗi giây phút trôi qua, nó lại già thêm một chút ». Và ở đâu đã có tuổi già ở đó có tội lỗi, có hạnh phúc và không có hạnh phúc : « Đôi khi cái nhìn chòng chọc của nó khiến tôi tin chắc rằng nếu nó đủ sức, nó sẽ giết tôi chết ». Đó chỉ là một giả thuyết, một giả thuyết hơi tàn nhẫn đối

(3) « The Sucker » : Truyện ngắn.

với một đứa bé bị bắt từ giữa đường cái đem ném vào giữa tác phẩm. Nhưng khi cái giả thuyết tàn nhẫn đó biến thành sự thực thì đó là một sự thực vô cùng tội nghiệp. Hãy nhớ lại cậu bé Bubber (*The Heart is a lonely Hunter*), kẻ mang tiếng giết người ngoài ý muốn mà có người vẫn không tin. Câu chuyện thế này : cậu bé vác một khẩu súng cũ kiếm đâu đó đem ra nhắm bắn trời bắn đất — bắn bằng miệng ! — Ác hại thay khẩu súng còn kẹt một viên đạn nào đó và nổ ngay vào đầu một đứa bé gái. Không thể tưởng tượng được những gì sẽ xảy ra sau đó cho Bubber : nó kiếm một con dao dắt vào lưng và định bỏ nhà ra đi để lại một bức thư viết nguệch ngoạc :

« Chị Portia thân.

Tôi đi Florida. Nói cho mọi người biết.

Ký tên »

Sự thảm khốc đến đó là cùng vì người ta không thể nhìn một đứa bé và gọi đó là sự thảm khốc được bởi đây là một danh từ chỉ dành cho người lớn. Chắc chắn rằng Bubber vẫn sống và lớn lên nhưng có điều là nó đã ở rất gần với địa ngục, một địa ngục ngổ ngàng và cay đắng — nhưng có thể có một thứ địa ngục nào đó dành riêng cho trẻ con ? Hay một nơi nào khác ? Cũng như kể từ đó người ta đã không còn gọi nó là Bubber nữa mà gọi bằng tên thật, một người nào đó rất lạ mặt.

Những đứa trẻ không hề biết gì hết về cái thế giới quái gở vây quanh và cứ tiếp tục một cuộc chơi bịt mắt đuổi bắt hoặc chút hạnh phúc vô vọng không mặt mày không dấu vết. Một cuộc chơi trong đó người ta hình như vừa đóng kịch lẫn với nhau vừa đem bán mạng mình, một trò chơi kỳ dị nửa đùa nửa thật, mà tuổi thơ có khóc có cười chợt đến chợt đi : « Mỗi người là một đứa trẻ chơi hoang ngoài đường trong đêm thứ bảy — và nãy giờ cảm thấy mình như là đứa trẻ hoang đường nhất bọn » (4) M. Kelly, người con gái đang ở cuối đường tuổi thơ của mình đã

và sống cho hết những ngày cuối cùng trong cái thế giới tuyệt diệu của nàng và chỉ rời khỏi thế giới đó bằng những tiếng khóc nức nở gởi cho một người đàn ông đã chết, chết như chẳng bao giờ có ai hiểu thấu được. Có một lần cô gái đó ngồi lại nâng niu một con kiến đã chết, moi cho nó một cái lỗ và chôn nó xuống. Từ đó nàng đã mơ hồ cảm thấy dường như mình đã đánh mất một cái gì đó cũng như khi có một sức lực vô hình nào đó đã xô đẩy nàng đến gần với người đàn ông lặng lẽ trên gác trọ, yêu người đàn ông đó bằng một thứ tình yêu lạ lùng đầu tiên của cả một đời con gái. Mỗi tuổi thơ đều chấm dứt với một vụ án và mỗi người bắt đầu lớn lên với một lương tâm không yên ổn : « Có 2 điều mà không bao giờ nàng có thể tin được. Ông Singer đã tự tử và đã chết. Và nàng đã thành người lớn và phải đi làm việc để sống ». Hình như người ta luôn luôn đi trước tuổi trẻ của mình và mỗi lần quay lưng nhìn lại thì nó biến mất. Như một cái bóng rất sợ tương phùng. Người ta đã sắm cho những đứa trẻ rất nhiều đôi cánh rực rỡ nhưng lại không dạy cho chúng tập bay, chúng phải tự mò mẫm học lấy cách bay lên cao vượt ra khỏi những khu vườn và đường lộ. Đôi khi những chú thiên thần tí hon đó không tìm ra đường để lên thăm những đám mây xanh, chúng quay sang đập vỡ món đồ chơi của mình hoặc nếu không, dù có chấp cánh được thì chắc chắn cũng không còn đủ ngày tháng và trái tim để thành chim. Có khi đó là những con chim bị đạn rì máu rớt xuống từ trời cao kêu thảm thiết. Những tiếng hú thê thảm trong một đêm tối một nơi rừng thông xào xạc của chàng Bohémien ngày nào mang một vết đạn rì máu trong đầu để đòi đi khắp thế giới tìm cho ra người tình yêu đầu. Frantz de Galais : ôi người anh hùng trẻ tuổi lãng mạn suốt đời muốn rong chơi mãi trong vai trò phi lý của một kẻ đòi tái sinh mãi mãi tuổi trẻ và tình yêu. Nhưng những giọt nước mắt nhòa trong đêm trở về buồn lầy, gió bụi với con tim tả tơi đó đã không bắt kịp được tuổi trẻ biến mất : « Chắc chắn trong tâm hồn, chàng trẻ thơ hơn bao giờ hết : một vẻ kiêu kỳ, ngông cuồng nhưng đầy tuyệt vọng. Nhưng người con trai đó khó lòng mà chịu đựng nổi sự trẻ thơ của mình vì hình như chàng đã bắt đầu già rồi ». (5).

(4) « *The Heart is a Lonely Hunter* ».

(5) Alain Fournier : *Le Grand Meaulnes*.

Người ta không tìm thấy có sương mù trong không khí những thành phố và thị trấn buồn thiu của McCullers. Sương mù chỉ có trong đầu óc những nhân vật lang thang suốt đời ở đấy.

Yêu chẳng dễ làm gì

Con người trong tác phẩm McCullers luôn luôn lớn lên bằng cái mà họ tin là tình yêu và cũng chết đi bởi cái mà họ không biết đó là không-là-tình-yêu. Nhân vật tự đập vỡ cái vỏ sò thơ ấu của mình để lao mình về phía trước, về phía có bóng dáng người tình mơ tưởng, đến với một kẻ chắc chắn không phải là mình. Nhưng mỗi một dự tưởng như vậy đều chỉ ném sâu con người vào chính bản thân nó, nổi cô đơn chém thêm một nhát dao làm đau bởi thực tình quanh một cái bàn tròn xoay xoay đám nhân vật họp mặt ở đấy không bao giờ bắt gặp được nhau đúng lúc và không ân hận. Với McCullers tình yêu có nhiều nghĩa hay đúng hơn tình yêu mang quá nhiều bộ mặt, nó là một thứ tình thân chạm mặt nhau mỗi ngày, có thể là nỗi sợ hãi ghen ghét, tấm lòng thương hại cùng khổ, có khi lại là sự khinh bỉ hay thù hận, hay ghen tương. Nhưng người ta chẳng bao giờ dứt bỏ được món độc được ngai ngùng đó bởi đó là « một đôi hồi đầu đơn buộc người ta phải tìm đến gặp gỡ kẻ khác » (6). Những cặp tình nhân trong thế giới McCullers luôn luôn lượn lờ như những bóng ma; khi say đắm cũng có lúc nhụt nhẽo với một thứ tình yêu ma trôi hư hư thực thực. Chính cái bóng ma ám ảnh đó sẽ hủy diệt hết thảy, tình yêu loanh quanh giữa những người quay lưng lại với nhau lẫn những kẻ đã không tự đặt cho mình những luật lệ để tham dự và ra khỏi cái trò chơi hụt hơi đó nhưng vẫn bị buộc phải dẫn mình vào và ra khỏi đó, một vực lầy êm ái. « Ca khúc của quán cà phê buồn » (The Ballad of the Sad Café) có thể xem như là bản tuyên ngôn về tình yêu của McCullers. Bản tuyên ngôn này không mang nhiều cái gì gọi là triết lý, nhưng nó có vẻ rất thơ, sự kỳ dị và vẻ bất thường luôn luôn lẫn lộn với nhau ở đó. Ở đầu dưới bóng mặt trời này cũng chỉ thấy có con người và trải tim của nó, toàn là những của cải không chia sẻ được, những vết

đạn rất chính xác bắn về người khác cũng là bắn vào mình : « Giá trị và tính chất của tất cả mọi tình yêu bao giờ cũng chỉ được xác định bởi chính cái người đang yêu ». Sự hàm hồ đầy dẫy trong đôi mắt, nụ cười của mỗi người, yêu đương là một cách thể để tự gỡ bỏ dần dần những chiếc mặt nạ của chính mình, tình yêu thành ra một khổ hình rất dịu dàng, thành thực trong sự man trá vô danh. Không có ân sủng cũng không có tội lỗi ở đây bởi những kẻ yêu nhau đều như những con thoi chạy lui chạy tới dưới một mặt biển ngầm, khi thủy triều xuống chúng sẽ bị kẹt trên bãi cát trơ vơ nhìn nhau trong đôi mắt ướt : « Đối với nhiều người trong chúng ta, cái sự việc được người khác yêu là một điều không tha thứ được ». Người được yêu sợ hãi và thù ghét kẻ đã yêu mình ». Đây không phải là lời nói cuối cùng trên quả địa cầu này, tác phẩm McCullers không bao giờ là sự báo hiệu cho một giờ số không khởi sự lúc cáo chung của tình yêu. Chỉ phiền một điều là tình yêu bây giờ không ngó được bằng mắt, không hôn được bằng môi, tình yêu chỉ là một vực thăm hun hút mỗi ngày có những kẻ làm chứng buồn rầu ném xuống đó một vài viên sỏi nghe dò từng tiếng rơi vang vọng : « Tình yêu thành ra một cái gì cô đơn ». Khởi sự những vọng tưởng không thôi. Những phiến băng buốt giá sẽ được thổi bay đi vật vờ, những chiếc cầu vồng bắt ngang trên đỉnh đầu, những bầu khí ép cứng nghẹt trùm lên châu thân và có vô số những nhịp quay ngược lượn qua giấc mộng. Con người tò mò ngồi chờ nhìn thấy mình lảng vảng qua trên những đầu ngón chân, những đầu ngón tay không giấu kín được. Có phải vì thế mà những nỗi đau đơn không cùng đó vẫn được nâng niu mãi mãi quanh những đám khói mù cay mắt qua nghìn thế kỷ?... Từ nguyên thủy, lửa chỉ đủ để đốt cháy đám ba thế giới nhưng lửa không đủ để thiêu hủy hằng nghìn vũ trụ và những kẻ sống sót vẫn an nhiên không cần biết đến phép lạ : « Người nào đang yêu phải tìm cách che chở tình yêu của mình trong chính lòng mình và sáng tạo nên cho riêng mình một vũ trụ nội tâm ».

Cái thế giới tình yêu của McCullers thật kỳ quặc gồm toàn những người đánh lạc đường thần kinh, những người điên ở ngoài nhà thương, hay những kẻ lỡ một nửa đời người và

(6) Reflections in a Golden Eye : Trông mắt ai màu vàng.

những tình nhân yêu đương khơi khơi. Nếu làm một cuộc phân loại, chúng ta sẽ tìm thấy có nhiều « phạm trù » yêu đương kỳ lạ : những cặp vợ chồng bất lực hay không có hạnh phúc như Penderton và Leonora (Reflections in a Golden Eye), vợ chồng Biff (The Heart...), vợ chồng Malone (Clock Without Hands), Amelia và Marvin (The Ballad...); những ông chồng ở nuôi con hay những bà vợ góa như ông Thăm phán Clane (Clock Without...), ông bố của Frankie (Square Rott...); những vụ ngoại tình lén lút của Leonora và Langdon, John và Mollie (Square Rott...), Clane và cô Little. Đặc biệt nhất là những mối tình kỳ quái giữa những kẻ bất bình thường, giữa những gã đàn ông cùng đường với nhau : Singer và Antonapoulos, (The Heart...), Penderton và Williams, Marvin và Lymon. Những nhân vật bất bình thường xuất hiện rất đều đặn trong thế giới McCullers và mỗi khi chúng có mặt ở đó thì thế nào cũng xảy ra những thứ tình kỳ quái chừng như người ta yêu đương để chẳng làm gì hết. Chỉ trong tác phẩm « Tâm Hồn là kẻ săn đuổi cô đơn » người ta đã tìm thấy có một số nhân vật bệnh hoạn âm thầm có thể nói là « trên mức trung bình » : 2 người câm, một gã say, một ông bố bị tai nạn đi khắp khiêng, một gã chủ tiệm mất thăng bằng, một ông bác sĩ cuồng tín đặt tên con toàn là Hamilton với Karl Marx, một thanh niên da đen bị cụt hai chân, một đứa bé gái bị bắn nơi đầu và thằng bé đã bắn nó. Cái thế giới đó chừng như chóng mặt và khó thở quá cũng như cái quán café khi nào cũng dày đặc khói thuốc và nhạc Jazz. Nhưng với McCullers, điều đó chẳng hề gì vì tình yêu đầu sao cũng chỉ là một tấm băng tang rũ quanh nỗi cô đơn không lúc nào nguôi. Điều người ta sợ là cô đơn chứ không phải là tình yêu và hai cả đều là những vết thương trời nổi không sao tránh được. Có nghĩa lý gì không những điều không có thực so với những điều có thực ? Người ta không có quyền chọn lựa giữa hai thứ, chỉ khi nào bị đẩy đi về phía nào thì đi về phía đó và đến nơi đó : « Người yêu có thể có bất cứ cái dáng dấp nào » và « người nào có vẻ kỳ dị nhất lại có thể khiến cho người khác yêu mình » (7).

(7) The Ballad of the Sad café.

Tác phẩm nào của McCullers cũng chỉ diễn đi diễn lại cái hoạt cảnh những kẻ yêu nhau loay hoay trong cái vòng luẩn quẩn yêu đương rồi thù hận rồi chiếm đoạt rồi lại yêu đương rồi tuyệt vọng. Singer yêu Antanopoulos nhưng gã này coi như pha, Mick yêu Singer nhưng Singer không để ý đến, Biff lại yêu Mick và xấu hổ vì điều đó. Đến « Ca khúc của quán cà phê buồn » thì Amelia bỏ Marvin Macy vì một mối ám ảnh thù hận để quay sang mê Lymon, gã đàn ông gù lưng lạnh lùng. Đến khi Marvin quay trở lại để tìm cách tiếp tục cuộc tình với Amelia thì Lymon lại quay sang mê Marvin. Toàn là những cuộc tình treo căng ngổng giữa những bộ mặt si mê của những người trong cuộc. Có thể có một giải thích nào đó cho cái không khí cùng quẩn cố ý này của McCullers được không ? Điều đó chính tác giả đã hơn một lần nói ra : yêu không phải chỉ dâng hiến mình cho hạnh phúc nhưng yêu là phóng tất cả mọi dự tưởng về người mình yêu vào một cơn mơ ngày ngắn, uống một giọt rượu và chặn đứng nó lại ngang cổ họng. Cho nên những nhân vật của McCullers đều là những nhân vật nghẹt thở, cứ sống với một trái tim đập chậm và một hơi thở ngắt quãng. Người ta tưởng rằng cơn hạnh phúc êm ái đó kéo dài đến vô hạn bởi lẽ nó chỉ xảy ra một lần và bởi không bao giờ người ta lập lại một hạnh phúc hai lần. Một tình yêu sung sướng là một điều hiếm hoi nên tất cả mọi con đường trong tác phẩm McCullers đều mở rộng ngay từ rặng đông để chiêu dụ người ta lên đường săn đuổi. Và bao giờ những người lữ hành cô độc đó cũng chỉ trở về trong một thiên đường không có cửa. Người đàn bà da đen Bérénice — hình ảnh yêu mến của bà Dilsey nơi Faulkner — trong « người dự tiệc cưới » (The Member of the Wedding) cũng như ông quan Tòa Clane đều cảm nhận thấy một cách đau đớn rằng nỗi tình của họ đều đã theo những người đã chết để vĩnh viễn chôn sâu ; cũng như Mick Kelly, mọi cuộc phiêu lưu nào đó trong tương lai chắc chắn vẫn không bao giờ đem trả lại được cho nàng người đàn ông không tiếng nói đó : « Tôi sẽ không bao giờ lấy ai hết ».

Giấc mộng tình của những đời người lẻ loi đó không hề biết đến ý nghĩa của sự vắng hời, những người tình cũng giống

như những người lính ra trận chỉ có một hướng trước mặt để tiến tới. Con đường tình cũng như con đường quý cứ bước một bước tới thì mặt đất sau lưng cũng biến mất, chiếc gậy thần đã gãy, không còn có không gian và thời gian nào là đáng kể hay đúng hơn chỉ còn có từng không gian và thời gian riêng cho từng người. Như ảo ảnh đau xót lẫn êm ái của người con gái chết chìm trong từng cơn mộng du trong « The Square Root of Wonderful »: « Người tình của tôi sống trong những xứ sở lạ mặt. Ở rất xa... không phải chỉ một người nhưng có nhiều người... Tình yêu của tôi không có thực đối với ai hết. Nhưng nó có thực đối với tôi ». Từ đó những người tình cứ thay phiên nhau sống và chết hàng trăm lần, vĩnh viễn khai tử và làm tái sinh mãi chút rượu cạn ngọt ngào còn sót lại trong chiếc ly tình ái bởi vì vượt qua khỏi cảnh đời này cuộc tử sinh thật chẳng còn có ý nghĩa gì. Trong giấc mộng ma hay người cũng đều ngang bằng nhau. Trong một tư thế bất thường, bít chặt mọi đường tri tuệ hay làm mù đôi mắt chẳng hạn, hình như người ta lại có thể dễ dàng xuyên thấu tới được muôn vàn cõi vô cùng—như người đàn ông cảm sống suốt đời một cây bút chì và một mảnh giấy để nói chuyện với người khác trong « Tâm Hồn là kẻ săn đuổi cô đơn ». Và mỗi người đều yêu lòng ru giấc mộng lành của mình cho đến một ngày nào...

Trên con đường tình quanh co nhân vật của Mc Cullers một mình phải đóng hai vai trò phá hủy lẫn nhau: một ý thức giống ruồi vô vọng đầy mình tiến tới gần và đầy kẻ khác lùi ra xa, và cũng là một vị thần linh cô đơn không ngừng tìm cách tái tạo lại những gì đã chẳng thể văn hồi được. Chỉ còn lại những sợi chỉ mỏng manh còn trôi buộc chung giữa hai cõi đời.

Chết như lá bay.

Cho đến một ngày nào một người, hai người, dăm ba người hay nhiều người phải chết đi. Cũng là một điều có thực nhưng chừng như không ai tin nó sẽ xảy ra, nó đã xảy ra. Vì cái chết nào ở đây cũng nhẹ nhàng, cũng khoan thai, không tiếng động và không âm vang. Chết như chết ở ngoài cảnh trí. Chết như một

phím đàn rung chỉ một đầu dây. Như một cánh hoa lìa cành nhẹ nhàng rơi xuống đất trong đêm tầm tối. Khi cái chết cũng nhịp nhàng như đời sống, cũng bình thường như không có gì, làm sao có thể tin được rằng đó là cái chết, làm sao để nhận diện và phân biệt được nó với đời sống ? Vì thế Mick và cả Jake vẫn không tin rằng người bạn của họ đã chết. Nhưng rồi sự thực nó vẫn là vậy, những người chết đi là chết đi. Và cứ mỗi lần sau cơn say, chợt nhớ lại điều đó Jake vẫn gào lên khóc nức nở, nếu gã đã tin được điều đó chắc gã đã không gào thét như vậy mãi (« Tâm Hồn là kẻ săn đuổi cô đơn »).

« Khi ông ta đi ra ngoài thì có một vật gì nặng nặng trong túi quần ông. Ông cúi gằm đầu đi lang thang một mình trên đường. Nhưng mặt trời chói chang lẫn không khí nóng ẩm làm ông khó thở. Ông quay trở về phòng, mất sưng vù, đầu óc thìn hức nhối. Ngồi nghỉ một lúc ông uống một ly cà phê lạnh và hút một điếu thuốc. Sau đó ông đem rửa cái gạt tàn thuốc và ly rượu, xong ông rút trong túi ra một khẩu súng lục và bắn một phát vào giữa ngực »

Cũng như Jake, không một người đọc nào có thể tin được vừa có một người chết ở đó. Chết một cách lạnh lùng đến tàn nhẫn, chết trong một tích tắc đồng hồ không kịp lật qua trang giấy. Sau khi đã mất hút trong đời sống què quạc bây giờ nhân vật lại mất hút vào trong cái chết vô danh. Tất cả đều mất hút trong những tầng lớp của vũ trụ, mất hút giữa bàn tay nhà văn và nằm gọn trong những giới hạn không đầy lùi được của nỗi cô đơn thâm thẳm. Khi người ta chết không ồn ào thì giữa lòng sự im vắng khủng khiếp đó người ta còn có thể nghe thấy những gì ?

Trường hợp của một người cảm khác, Antonapoulos, cũng tương tự như vậy : không ai biết gã chết ở đâu, chết hồi nào, vì sao, chôn ở đâu. Trên những giòng chữ, những trang giấy của McCullers thật không thể xác định được cái chết của Antonapoulos. Không thể tả được cái chết đó. Không thể thấy được cái chết đó nhưng có thể nghe được nó. John Henry, người trẻ tuổi đầy hương sống trong « Người dự tiệc cười » cũng đã đợi cho đến khi cuốn truyện kết thúc rồi mới chết. Với một cái chết muộn màng

như vậy, người chết chừng như rơi hột ra khỏi đoạn kết câu chuyện, tác phẩm không còn đủ sức đề bắt kịp nhân vật của nó ở bên kia cái chết. Sherman, người thanh niên da đen suốt đời nỗ lực đương đầu với xã hội của mình cuối cùng cũng chỉ tìm thấy cái chết ở cuối đường hành động (Clock Without Hands). Cũng trong tác phẩm này bóng dáng Kierkegaard cũng thấp thoáng nơi Malone, người được sĩ nằm chờ từng giờ một cái chết đến mang đi. Trong những giờ phút tuyệt vọng, Malone đã bắt đầu nghĩ về mình và đặt những câu hỏi trên chính cái số mệnh của mình: Tôi là ai và tôi đã làm gì ngày qua? Tại bệnh viện, người ta thấy nhân vật này đọc Kierkegaard: « Từ bệnh hoạn đến cái chết ». Sự hiện hữu chỉ hiện đến trong một thoáng chốc nào đó khi gần kề cái chết. Những cảnh ngộ khốn cùng và tuyệt vọng nhất lại chính là những cảnh ngộ đầy con người can đảm đi đến đối đầu với hiện sinh của mình. Câu hỏi tối hậu là câu hỏi về chính sự hiện hữu của mình. Malone đã khắc khoải vật lộn với từng ấy ý tưởng và không bao giờ tìm thấy được câu trả lời. Nếu Frankie Adams hay Mick Kelly chỉ suốt đời mơ tưởng đến một tương lai được làm bà hoàng trong những cõi bờ mê hoặc thì với Manole chính cái quá khứ cay nghiệt đã rút ngắn những ngày còn lại của y. Một quá khứ đã từng sống như một ngoại ảnh, chết chìm trong đám đông và đời sống thường nhật mà không bao giờ tìm thấy được chân tướng của chính mình. Malone đã chẳng làm gì được để từ chối cái hình ảnh mà người khác đã chụp lên đầu mình, sống đã không cầm giữ được bản ngã của mình thì chết làm sao biết được mình là ai?

cao huy khanh

(còn 1 kỳ)

HỒ TRƯỜNG AN

hương mía nướng

— Dậy đi ông Năm ! Sáng rồi.

Nông Năm Phú giật mình, lồm cồm ngồi dậy, mắt hấp háy. Vì chỗ giam quá hẹp, quá thấp, hình vuông, mỗi cạnh chỉ một thước rưỡi mà nhốt tới mười một người nên đêm qua ông thức rọ rạy, mãi tới gà gáy eo óc ở ngoài xóm xa ông mới ngủ được.

Mọi người đã ăn mặc tề chỉnh. Vì nực quá nên đêm qua có nhiều người cởi trần truồng mà ngủ. Người nông phu rút tờ nhựt trình xé ra từng miếng lớn phát cho một vài người thiếu giấy. Người lính Nghĩa Quân đứng ở ngoài cửa chuồng giam khua leng keng chùm chìa khóa.

Anh chàng hớt tóc giục :

— Mau đi anh Nghĩa Quân. Tôi đang chột bụng đây.

Ông Năm Phú phản nản :

— Mỗi buổi sáng bắt buộc phải đi ỉa đại hoải, bực quá. Có nhiều lúc mình không mắc hai cái chướng đó mà cũng phải đi.

Bỗng ông hít hơi vài cái, mắt sáng hơn hờ :

— Ủy, ai nướng mía mà thơm quá vậy cà ?

Người khóa sinh ngành truyền tin hưởng ứng :

— Thơm thiệt. Cha chả, nhớ những đêm rằm ở Cao Lãnh, tui cũng ưa đi bẻ trộm mía rồi nướng, ăn ngon hơn mía róc vỏ.

Mặt ông Năm Phú xụ xuống. Mọi người biết là ông đang nhớ nhà. Người lính Nghĩa Quân tra chìa vào ổ khóa. Cánh cửa bên bằng dây kẽm gai mở toang. Anh chàng hót tóc bước ra lẹ hơn ai hết, điệu bộ như hề cải lương. Người Nghĩa Quân đeo cây súng carbine bắt mọi người xếp hàng đôi đi ra ngoài cổng Chi Khu.

Cánh đồng ngập tràn sương trắng. Người nông phu xuống gần lạch nước nhỏ, cõi quần, rửa mặt. Ông Năm Phú không làm thủ tục vệ sinh, lấy thuốc hút. Đêm qua, vì mồ hôi ra đầy mình, nên thịt da ông nhờn và dính trít như bị trét một lớp keo còn ướt sũng. Ông thêm đi tắm. Một gáo nước lạnh xối từ đầu xuống chân sẽ đem lại cho ông một cái sáng khoái không bút mực nào tả nổi. Ông ngỡ ý đó với chàng hót tóc đang ngồi trong đám rau dền, mặt trang nghiêm và mồ hôi rịn trên trán, chắc là hẳn đang cơn đau bụng.

Người khóa sinh truyền tin cười hân hắc :

— Ông già chắc là đêm qua chiêm bao thấy cô nào đó hay sao mà sáng nay đòi đi tắm vậy cả.

Mọi người cười ò, chỉ trừ anh thợ hót tóc là nhún nhó. Người thợ may lôi chai dầu song thập đưa cho hân. Người lính Nghĩa Quân giục :

— Mau đi mấy cha nội. Còn làm tạp dịch nữa ghen. Người thợ hót tóc bây giờ mới bắt đầu rên lên :

— Bụng tôi lúc này sôi như sấm.

Người Nghĩa Quân lãnh đạm :

— Nuốt một chút dầu song thập thì khỏi liền.

— Nhưng mà tôi bài hoài quá ông ơi !

Người Nghĩa Quân lắc đầu :

— Ê ! Đừng có nhõng nhẽo chớ. Bộ muốn tránh làm tạp dịch à ?

Người khóa sinh ngành truyền tin, trắng trẻo, độ hăm mốt tuổi, cầm cây búa nện vào thanh sắt. Đất vốn xốp, nhưng càng mềm thên vì trận mưa chiều hôm qua và nhất là vì mù sương rải lảng vào buổi sáng. Cây sắt lún sâu vào thật trơn ngọt.

Nền trời trắng đục, sương dần dần tan loãng. Ở chân mây, đợt nắng hồng bắt đầu rạo rực xé lớp mây màu tro lọt. Cánh đồng vẫn còn tràn trụi, nhưng đất đã bừa xong. Chỗ những gò cao là những ngôi mã mới, đắp cao với những tấm bia bằng gỗ ván thông.

Đám tù gồm sáu người. Họ xoắn xít bên ba ngôi mã nằm khít nhau to xi măng, ngôi mã chính giữa cao và dài hơn... Ba cuộn dây kẽm gai và một đồng cọc sắt nằm ngổn ngang bên lạch nước phen trong vắt.

Sau khi uống một ngụm nước đá mát từ cái thùng cây nhỏ, người khóa sinh liền hỏi ông Năm Phú :

— Thưa bác, tại sao ba ngôi mã này không chôn quay đầu về hướng đông, theo dấu mặt trời mọc ?

Ông Năm Phú buông cây kẽm xuống bãi cỏ, lau giòng mồ hôi sáng lấp lánh từ màng tang xuống cạnh xương cằm rồi nói :

— Có lẽ họ muốn chôn quay đầu về hướng núi, hướng của chim bay về lúc chiều tối. Người theo đạo Phật ưa chôn như vậy.

Người nông phu hơi lùn, đen óng và lém lỉnh ở khỏe mắt nhỏ và dài, chỉ về phía vệt sương mù xanh như khói bếp :

— Ở đây, nếu vào những ngày tạnh ráo, tụi tui có thể thấy được núi Bà Đen.

Tiếng búa rời rạc rời ngừng bật. Tám cây cột sắt đã cắm chặt vào đất. Mọi người bắt đầu tháo kẽm gai để làm hàng rào ngăn trâu bò dẫm vào mộ. Vệt nắng hồng bắt đầu lai láng nhuộm giải mây màu sữa đặc. Dần dần, ngôi nhà bánh ếch lợp ngói âm dương và cây rơm cao nghệu ở tít đằng xa hiện rõ. Ngôi trường tiểu học bắt đầu óa vỡ một âm thanh xơ xác. Bên kia con đường tráng nhựa, chi khu quân sự và căn cứ quân đội Mỹ âm ỉ với tiếng động cơ của loại xe GMC.

Người thợ may với mái tóc dài xụ xộp vì đã lâu chưa đi húi tóc, thở một hơi dài rồi ngó mông lung :

— Ba cha con chết chung một ngày, tội nghiệp quá đi. Sau này, người nhà sẽ làm đám giỗ chung. Các vong hồn chia nhau hưởng món cúng một cách vui vẻ đề huề.

Người thợ hồ tháo thêm một vòng dây kẽm, chợt thấy xương

sống và cả vai mình gợn lên những đợt sóng mỏng và lạnh buốt làm anh bàng hoàng, chơi vơi... Thật ra, lúc bây giờ cơn mát lạnh đã tan. Nắng ran rất bắt đầu còn cào trên da mọi người.

Ông Năm Phú nói :

— Đáng lẽ ra anh Nghĩa Quân này không đến nỗi vong mạng. Hồi xế đây, anh còn lè phè nhậu rượu để với khô sặc nướng cùng mấy anh Địa Phương Quân. Vừa say ngà ngà, anh nằm ở bộ ván giữa ngủ khò. Hai đứa con gái, đứa lớn vừa lên tám, đứa nhỏ lên sáu, ngồi sau bếp ăn ốc gạo. Rồi đó, khi nghe tin Việt Cộng đến, anh Nghĩa Quân chạy vụt ra ngoài, toan tàu thoát. Hai đứa con gái cũng sáng hồn, ùn ùn chạy theo. Cả ba đều ngã quỵ sau loạt AK. May phước cho anh Nghĩa Quân lúc chết còn được bạn khăn choàng tắm khỏi lỏa lồ.

Người lính Nghĩa Quân gác tù, quăng điếu thuốc xuống rãnh, rồi vừa mân mê bả súng vừa nói chậm rãi :

— Bà vợ của anh ta nhờ xách dù xuống miệt Thủ Thừa ăn giỗ dất theo đứa con trai út nên thoát chết. Trời ! tới chừng về nhà chị ta xỉu tới xỉu lui mấy lượt.

Ba ngôi mộ đã rào xong thì thùng nước đá lạnh cũng cạn. Cậu học sinh trạc mười tám tuổi, giữ mãi thái độ im lặng, nhưng đôi mắt ướt luôn luôn đưa đây một cách linh động theo câu chuyện. Chi Khu này tạm giữ những kẻ bị tình nghi là Việt Cộng vì họ ở ngoài vùng kiểm soát của chính quyền, và những người trong tuổi đi quân dịch mà chưa chịu trình diện. Cậu vốn là học sinh một trường bán công ở Bình Chánh. Vào buổi chiều chúa nhật, cậu về thăm nhà ở trong ấp Tân Sinh, xế hôm đó bà mẹ rủ cậu đi cấy lúa ở ngoài ấp. Cậu bị Cảnh sát bắt trong một cuộc hành quân phối hợp với lực lượng Cố Vấn Mỹ.

Vì mới ở tù lần đầu nên đêm qua cậu không thể chợp mắt được. Dĩ nhiên là nếu ông Hiệu Trưởng trường cậu học và ông Hội Đồng Xã đến lãnh, cậu sẽ được phóng thích. Sáng hôm nay, đầu cậu nặng, sống lưng của cậu mỏi đến độ rã rời và mí mắt cậu cay cay. Chỗ giam là tầng dưới của một cái lô cốt. Nền đất ẩm, chiếc chiếu trải đã mục nát. Đêm qua, chàng khóa sinh

ngành truyền tin gửi người lính gác tù mua nhang muỗi và nến để đốt. Độ nửa đêm, ngọn nến đã lụn và khoanh nhang muỗi cũng hết. Loay hoay tìm mãi cái bao diêm không được, nên cậu đành cắn răng chịu muỗi chích tới bời. Tới bây giờ tay chân cậu bị muỗi chích dấu những chấm đỏ tươi nằm khít nhau còn hơn là nhà cửa trong một cái cư xá ở đô thành.

Người lính giữ tù dẫn mọi người về chi khu. Trước khi chui vào tầng dưới của lô cốt, ông Năm Phú dạy qua người thợ hút tót :

— Tui đã dặn chú em là khi vào đây đừng có hút gió. Xui lắm ! Lẽo đẽo, rồi chú em lại quên, nên trưa hôm qua, chú em nổi hừng hút gió bài Kim Tiền Huế. Thế là chiều qua, người ta dất cháu học trò này lại.

Người nông phu thường nói :

— Thôi ! có hừng cũng nên dẹp lại nghe các tia non, các cha nội. Nếu không, đêm nay họ nhốt thêm bốn người nữa thì bọn mình có nước ngồi dựa tường mà ngủ.

Lại một buổi sáng trời mưa. Không khí sạch hơi nước. Chiều hôm qua người lính canh tù tên Lâm, ốm lỏng không và có tật ưa chèn chèn không dẫn mọi người đi tắm nên mọi người cảm thấy nực nội, bứt rứt...

Chàng khóa sinh ngành truyền tin moi bộ bài cào dưới chiếu rũ rề mọi người đánh cật tề. Chàng không thể ngồi đây đếm từng thời khắc, vì ở đây, trời ơi, thời gian như đặc lại không chịu trôi đi. Bóng nắng trải dài trên mái tôn ở trại lính đối diện như chết cứng, không xê dịch. Chàng cũng mới bị bắt, cách đây hai ngày, vì ý y ngày Phật Đản không có lính cảnh sát xét hỏi nên chàng từ Vũng Tàu « dù » về thăm nhà ở Kiến Phong mà không cần giấy phép. Cũng ngày hôm qua, rất nhiều người cũng ý y như chàng và bị chặn bắt lại chi khu này. Họ còn trong vòng thăm vấn nên không bị nhốt trong lô-cốt và họ thuộc về Chi Cảnh Sát. Tuy thế vì chỗ giam chật, họ được gửi tạm ở gian rào kẽm gai

bốn mặt khít bên lỗ cốt, và trong lỗ cốt người ta có thể nhìn qua bằng lỗ châu mai.

Thật sự, ở đây không phải là tù ngục. Mọi người chỉ bức mình vì sự lưu thông bị cản trở vì giấy tờ không hợp lệ. Ông Năm Phú trước kia có vựa trái cây ở bến sông chợ Cầu Ông Lãnh là kẻ bị câu lưu nhiều nhất tức là được hai tuần rồi. Ông đã chứng kiến những người trai trẻ bị giam nơi đây, rồi được chiếc xe GMC của chi khu chở họ về tiểu khu để rồi gửi họ về Trại Nhập Ngũ Số 3 thi hành quân dịch. Cũng có vài người tình nguyện đi Địa Phương Quân hoặc Nghĩa Quân ở chi khu. Những người đó được đưa ra khỏi lỗ cốt ngay sau khi ký tên vào đơn tình nguyện. Họ được đưa đến Tiểu Khu chụp ảnh. Rồi khi trở về đây, họ được ở trong trại lợp mái tôn, có mùng chiếu đàng hoàng và người nhà có thể nhận được tin đề đem cho họ cơm nước tươi tắn.

Ở đây, người ta có thể thấy cuộc đời có những biến cố rõ rệt, dù là những biến cố chẳng mấy trầm trọng. Đó là ý nghĩ của anh thợ may. Anh có một tiệm may lớn lại đường Lê Thánh Tôn ở Saigon. Có lẽ nhiều năm qua, anh đắm chìm trong sự luân lưu âm thầm và trong cái tiết điệu đã dưng của dòng đời. Đến đây, anh như người bệnh nằm trong phòng thiếu ánh sáng quá lâu, chợt một hôm mở được cửa sổ, anh bị xốn mắt vì ánh sáng hồn xược bên ngoài ủa vào và anh đắm ra bởi hộp vì cuộc đời thăng trầm một cách cuồng quít, đảo điên.

Anh nông phu chắc chắn là phải đi quân dịch. Cuộc hoạt động thân xác của anh đã giảm bớt và ngoài giờ tập dịch anh có thể ngủ li bì, và đêm qua, nói ra thêm thẹn, anh bị chứng mộng tinh nữa. Đó là cuộc thay đổi trầm trọng trong nhịp sống của anh và anh tuyên bố là chưa lúc nào anh nghĩ tới đàn bà nhiều hơn lúc này.

Anh chàng hớt tóc thì cứ xòe mãi bàn tay của mình để xem đường mạng đạo và gò hỏa tinh của mình. Trái với mọi người, anh sẵn sàng tin sự thành công mai sau của mình trong cuộc đời quân ngũ. Mọi người đều nghĩ rằng anh bị méo mó về nghề nghiệp. Đáng lẽ anh nên vút kéo, dao cạo và tông đơ, để làm thầy bói đúng hơn, vì mọi sự tiên đoán hững thủ đều tuông ra

một cách lưu loát từ cái miệng rộng của anh mà ông Năm Phú bảo là có thể nuốt trọn một trứng vịt lộn. Anh tuyên bố là anh cũng ngăn' cảnh trốn tránh cảnh sát, ngăn luôn cảnh giam mình trong một tiệm hớt tóc lẻ tẻ tại một tỉnh lỵ đìu hiu... Đây là lúc anh có cơ hội thay đổi cuộc sống.

Riêng ông Năm Phú, chỉ thấy những người bạn tù của ông như những vết đỏ của muối đốt trên da. Lúc đầu chúng hiện rõ một cách sống sượng làm ông phải chăm chú, chà xát, xoa nắn, nhưng nó không bay biến, mà cũng không đau rát. Một thời gian sau, nó biến đi và ông cũng quên mau chóng.

Suốt ngày làm tạp dịch dưới ánh nắng cháy, chàng khóa sinh ngành truyền tin ngã bệnh. Chàng hớt tóc gửi người lính canh tù mua một gói Thối Nhiệt Tán cho ông bạn đồng cảnh ngộ. Một đồng thanh sắt, mỗi thanh sắt nặng trên năm ký bày dưới ánh nắng thiêu đốt ngoài sân gạch, nóng muốn làm phồng da người tạp dịch. Khi chúng đã được cất vào kho chứa vật liệu thì tất cả bọn tù nhân phải đi lại căn cứ quân sự Mỹ khiêng hàng ngàn bao cát, mỗi bao nặng trên một ký để đặt chung quanh tháp canh.

Uống nước lạnh quá nhiều, đang nắng quá lâu, chàng khóa sinh sau khi về lỗ cốt, bỏ bữa ăn chiều. Chàng nằm mê man, mơ thấy mình lạc vào một bầu trời nắng chan chan. Chàng có cảm tưởng nắng đốt chàng cháy và chàng bốc hơi. Rồi đó, tiếng trống rền rĩ, ảm ức vọng vào tai. Mờ tang, lồng ngực chàng bị âm thanh rậm rạp, nặng chiu đó dội từng nhát đau điếng. Tiếng trống càng lúc càng hỗn xược, tàn nhẫn làm rung rinh ánh nắng và làm cho những cụm bông trang cuồng quít mở xòe ra, lớn dần dần rồi trở thành mỏng manh, tan nắng trong biển nắng ngút trời.

Chàng thức dậy, chợt thấy một vệt sáng xanh luồn qua lỗ châu mai. Bây giờ, bỗng dưng tiếng máy nhà đèn bên chi khu im bật. Quá nửa đêm rồi. Đêm nay, Việt Cộng không lấp ló khuấy phá.

Những đêm trước, cả chi khu thường bị báo động bởi tiếng kiềng leng keng trên tháp canh. Rồi đó, tiếng xe chuyên chở rú lên.

Súng đại bác 105 ly từ trong đồn vọng ra, lẫn tiếng đạn pháo kích ở ngoài xối vào. Những người bị giam ở từng trên phải một phen lên ruột.

Ông Năm Phú rót nước đưa cho chàng khóa sinh rồi nói :

— Trông trắng nhớ nhà quá ! Hình như trắng lặn về hương xã của tôi, xã Lương Hòa đó mà.

Ông ghé mắt qua lỗ châu mai, nhưng chỉ thấy ánh đèn pha của chiếc quân xa chong vào làm ông cụt hứng. Hai người im lặng. Tiếng cầu nhàu vu vơ của chàng nông phu vụt làm cho ông tức cười. Mỗi người ngủ có một nét xấu khác nhau. Chàng nông phu thích gác chân lên hông người ta rồi đập. Chàng hớt tóc có tật nghiêng răng ken két nghe ghê còn hơn nghe tiếng xe ô tô buýt hăm phanh. Ông Năm đốt thêm một khoanh nhang muỗi. Ngọn nến như vừa mới thay. Có lẽ cách đây nửa tiếng đồng hồ, chàng thợ hồ đã thức dậy. Đây là một anh chàng ít nói, mặt nhẵn nhục thật tội nghiệp. Khi ngủ, chàng nằm co quắp như con tôm, hai bàn tay thọc giữa hai cặp đùi.

Bỗng ông Năm Phú cảm thấy hơi hộp. Một trận gió mỏng từ ngoài lỗ châu mai lọt vào mang theo mùi thơm ngọt ngào của mía nướng. Chàng khóa sinh cầm khăn hi sạch nước mũi lỏng, và hít hít vài cái, reo lên :

— Mía nướng thơm quá !

Ông Năm im lặng, hình dung tới những khúc mía thâm đen râm đỏ đặt trên mớ than hồng. Vỏ mía sẽ nứt ra, mật mía từng giọt nhỏ xuống than và mùi hương được ấp ủ trong hơi nóng sẽ rải nhẹ vào không khí mát rượi ban đêm. Nó kích thích từng thớ màng nhầy của khứu giác và ngấm vào tâm trí ông từng đợt mỏng và dần dà ứ đọng một cách thấm thía, sánh đặc.

Ông nói :

— Người ta ăn mía róc vỏ hoài cũng đâm chán. Mía nướng tuy ít ngọt hơn mía tươi nhưng thơm hơn.

Chàng khóa sinh hỏi :

— Ở đây có trồng nhiều mía phải không bác ?

— Không, mía ở Lương Hòa chở tới chớ.

Tháng tư này, ông hơi cảm thấy nhớ nhà. Nhưng từ buổi sáng đi làm thủ tục vệ sinh, ông chợt bắt gặp hương mía nướng. Nổi nhớ nhà càng đậm. Đêm nay, mùi hương đó lại đến một lần nữa, ông Năm Phú bứt rứt, muốn co chân đạp cho tan tành cái chỗ giam eo hẹp này. Ngoài kia là ánh trăng, luống đất mịn và hương mía. Ông thở dài... Hơn bốn năm nay, vùng Lương Hòa bị ảnh hưởng thời cuộc rối reng nên ông đem gia đình về Thanh Lợi, sống trên chiếc ghe hẹp. Ông xoay qua đi bán trái cây, bán theo giá sỉ cho các vựa ở chợ Cầu Ông Lãnh.

Màu vườn trồng khóm của ông ở xã Lương Hòa bị bỏ hoang từ lúc ông ra đi. Ông muốn về đó, kiếm chút ít trái khóm để sấm chiếc ghe khác, vì chiếc ghe mà gia đình ông đang tá túc bị hà ăn mục cả đáy lẫn lườn. Ông khao khát nhìn lại con sông Vàm Cỏ Tây, con sông sẽ đưa ông về nơi chôn nhau cắt rún, lác đác những mẩu mía hai bên bờ.

Tháng mưa, nước sông sẽ đục ngầu và mía cũng bớt ngọt. Nhưng khóm thì không hề gì. Giặc giã chóng yên, ông sẽ về Lương Hòa, trồng ít màu mía để chở lên các lò đường ở Hiệp Hòa. Ông thích ngắm những màu đường vuông trắng như bông bưởi, sản xuất ở Hiệp Hòa, làm bằng mía ở vùng ông.

Buổi chiều, khi cả bọn vừa đi tắm về chợt thấy ở trước lỗ cốt một tốp người mặc thường phục ngồi chồm hóm. Một anh lính Nghĩa Quân mập, mặt đỏ gay đứng cầm súng canh giữ : Chàng Khách Trú trắng, bệu vừa bị giữ hồi sáng, chợt reo lên :

— Hà, thêm hai cú lường (cô nương) !

Chàng Khách Trú có cặp mắt rất tinh ranh và vui nhộn. Nụ cười chàng toe toét, để dài để lộ chiếc răng vàng đã hư và sạm đen ở bên mép trái. Mới có mấy tiếng đồng hồ mà anh ta đã hòa mình với mọi người trong chỗ giam rồi.

Quả thật, hai người đàn bà ngồi dựa bên thềm. Một ả trót phần mặc áo đầm màu vàng bánh mì nướng, để lòi hai ống chân gầy và cong như hai cây mía. ả kia trẻ hơn mặc áo dài trắng, môi tô son lột, loang lỗ và cặp chân mày cạo nhẵn vẽ viết chỉ

đen. Tất cả mọi chi tiết đó cũng đủ tố cáo cái thành tích của ả ra sao rồi.

Ả mặc áo đầm rút thuốc Salem ra hút rồi nói đồng :

— Tinh đi Saigon làm ăn, ai ngờ hồi hôm tụi kiểm tặc mắc dịch làm khó dễ. Thiệt tức mình cho cái thời vận chó chết của mình quá trời.

Ả mặc áo dài than thở, khóc lóc thảm thiết :

— Em bị bắt oan. Em khóc trọn một buổi chiều trôi hết phần son. Cái nhà đó là nhà của chị bạn, nhờ em giữ dùm đề chỉ đi Thủ Thừa hốt thuốc bắc. Ai mà dè chỉ dấu mìn, thuốc nổ. Trời ơi ! em chịu sao nổi với mấy màn khai thác ở ban tinh báo nè trời.

Nếu gột rửa lớp phần son lem luốc và vòng chân mày tô viết chì, ả mặc áo dài có nhiều nét kín đáo trên gương mặt hơn ả kia. Đây là một mẫu người trinh chảnh ra trinh mà dâm cũng chảnh ra dâm. Nét kỳ bí lộn xộn tiết ra một sự quyến rũ như mùi hương ngan ngát và say đắm mơ hồ.

Tốp người mới thì được đưa qua căn có ba vách đan bằng kẽm gai vây kín. Chàng khách trú cứ ghé mắt qua lỗ châu mai để ngắm nghía hai người đàn bà, miệng luôn lải nhải :

— A ! Lọt Tây, Lin Bó (Lạc Đế, Lăng Ba)

Không ai biết hai cô đào hát bóng tằm tiếng của đất Hồng Kông để so sánh với hai ả giang hồ kia nên cả bọn chỉ cười lặng lẽ. Chàng Khách Trú lại ơng ơng tuyên bố :

— A ! Hầu leng (đẹp lắm !) Thế nào ngộ cũng xào khô hai xiêu ché (tiểu thư) đó.

Mọi người cười nộ lên, rồi bàn tán lao nhao. Bổng giọng của ả mặc áo đầm the the cất lên :

— Cái thằng Thòn Dành (Trung Hoa) mắc dịch ! Tao chém rụng đầu bây giờ.

Rồi ả xô một tràng chưởi bằng tiếng Quảng Đông :

— Hàm cá xanh ! Tiểu nà má nị.

Trời tối dần. Trong lỗ cốt, không khí oi bức và nhầy nhụa hơi nước. Mùi xú uế do cứt đái từ bên trại lính liệng qua xung quanh lỗ cốt, lảng vảng suốt cả buổi chiều.

Mấy hôm nay, ông Năm Phú chịu khó lấy nền đốt kiến lửa bên vách tường và cẩn thận dùng sáp bit chặt miệng hang kiến. Thế mà chỉ chừng ít giờ sau, lũ kiến khác từ đâu kéo lại cắn đốt mọi người.

Trời sáng trắng. Qua lỗ châu mai bên trái, ông Năm Phú có thể nhìn qua trại lính. Một vài chàng Nghĩa Quân ở trần tròng trực nhậu la ve và nói chuyện ồn ào. Ở trong này, muốn quên mùi xú uế mọi người đánh cất tề. Chuyện tiểu lâm đã cạn. Mọi người chơi vơi trong những ám ảnh riêng tư. Tiếng ả mặc áo đầm chọt vẳng lên :

— Gió mát quá ! Lạy Trời đêm nay đừng có mưa.

Ông Năm Phú chọt nhớ tới căn nhà gạch của mình ở Lương Hòa. Ở đó, cái sân gạch tàu dùng phơi lúa nằm yên lặng trong đêm trăng. Ở đó, có căn phòng đốt đèn dầu mù u và tiếng chim heo queng quéc ngoài chiếc miếu nhỏ. Đầu canh tư bóng trăng sẽ hạ xuống về hướng đỏ và các cuộc chạm súng lễ tề cũng thưa dần.

Một tuần lễ trôi qua, nặng nề và chậm chậm như một chất nước nhờn thấm qua bức màn siêu lọc. Cậu học sinh đã được thả về trước nhất. Rồi đến những chàng trai trẻ được đưa về tiểu khu Long An. Chàng Khách Trú không có cơ hội nào được thả tay qua lỗ châu mai để xào khô hai ả tiểu thư của chàng. Trước khi được giải về Trung Tâm Bài Trừ Hoa Liễu, ả mặc áo đầm hơn hở từ giả mọi người. ả cười hân hắc và nói giỡn với chàng thợ may :

— Chừng nào anh mẫn dịch có em chờ anh. Anh may áo đầm cho em mặc, sắm vàng cho em đeo, đưa tiền cho em xài. Thôi ! Đừng có buồn, cười một cái cho em mát dạ đi anh. Anh cứ nhả mặt như cái quần chưa ủi làm em rầu muốn thất cổ...

Ả mặc áo dài lấy cái vui hào phóng của cô bạn đồng nghiệp kiêm đồng cảnh ngộ, liến liến chàng Khách Trú một cái rất dài, rất mơn trớn :

— Chừng nị ở Trại Nhập Ngũ, ngộ sẽ đi thăm nị. Ngộ xài mì, kho thịt cho nị ăn. Chừng nào nị đánh giặc giỏi, mang loi Thiếu-Úy, xin lo sắm hột xoàn để cưới ngộ.

Ả mặc áo đầm chạy lại ôm chàng Khách Trú, thọc tay chọc lét chàng làm chàng đỡ đỡ. Ả nói :

— Kệ lấy chồng Chệt cũng sướng lắm thân. Tuy nó không nói được câu văn huê mỹ, mặn mòi, nhưng nó xí xỏ xí xào toàn những lời thành thiệt. Sướng chưa ?

Giờ đây, chỗ tạm giữ chỉ còn lèo tèo ba bốn người. Ông Năm Phú vẫn niềm nở với những người mới tới. Giờ tập dượt vào buổi sáng. Ông có thể ngủ thoải mái trên tấm chiếu mới do chàng Khách Trú có hảo ý mua tặng. Chàng khóa sinh để lại hai hộp nhang muỗi và một chục cây nến đỏ.

Lòng hăm hở được sống cảnh tự do của ông cũng bớt ờ ào sôi nổi. Sự thanh thản làm ông chùng xuống. Bà vợ của ông vẫn đem cơm nước đều đều cho ông. Bà đã xem bói, nói bước qua tháng mười ông mới gặp vận tốt, sẽ làm ăn tấn lộc tấn tài. Ông tính thầm : có lẽ gần Tết, ông sẽ đi buôn dưa hấu. Trước khi ra nghề, ông sẽ ăn một bữa thịt chó để xỏ hết những cái xui xẻo tích trữ ở số mạng của ông từ bao năm qua.

Sau đêm trăng nói chuyện với chàng khóa sinh, ông không còn bắt gặp được mùi mía nướng nữa. Nhưng nó đã chiếm một chỗ rộng trong tâm hồn ông. Ông đã ngộ ý với bà vợ rằng ông đã ngán sống ở trên ghe, chỉ mơ được một miếng đất để cất nhà. Trên đó, ông sẽ trồng một vài sở mía, và đào ao nuôi cá tra lẫn cá vồ bằng phân người.

Bây giờ từng ngày đất diu trôi qua trong sự thờ ơ của ông. Ông mắc chứng ho và mình mẩy ông đầy ghẻ ngứa. Mỗi lần làm tập dượt vào buổi sáng ông có thể vừa làm tập dượt vừa ở trần phơi nắng. Buổi chiều, ông có thể tắm rửa sạch sẽ, nhưng ban đêm, ông lăn trở, gãi chỗ ngứa sồn sột muốn tróc da non.

Rồi một buổi sáng, ông Thiếu Úy ban 2 sai người Nghĩ Quân tên Lâm mời ông lên văn phòng. Sau một hồi thăm vấn và bổ túc hồ sơ, ông được trả tự do. Bà vợ chờ ông ở ngoài cổng Chi Cảnh Sát.

Khi bước ra khỏi cổng chi khu, ông vẫn thấy những chi tiết của cái quận lỵ không thay đổi. Nó có vẻ thân mật một cách mơ hồ. Cây cầu sắt đen bắt qua sông. Mặt nước màu nâu ánh vàng, rộn ràng chao sóng. Bến sông chỉ chít những ghe thương hồ. Những mái ngói đỏ phơi phới dưới ánh nắng một ban mai. Chút nữa đây, ông sẽ trở về ghe. Cuộc sống trong ấp Tân Sinh khó lòng toan tính chuyện bán buôn. Đạo sau này, chung quanh ấp thường bị Việt Cộng gài lựu đạn. Ngoài quận lỵ, về phía ngôi nhà bánh ếch chưa có một binh sĩ nào dám léo hánh. Mọi hoạt động sinh sống nơi đây như co rúm trong một không khí đe dọa, tù túng.

Bà vợ nước mắt ròng ròng, nói :

— Căn nhà ở Lương Hòa bị dội bom sập nát. Vườn cây cháy tiêu rồi.

Ông Năm Phú cảm thấy bước chân mình nặng quá. Ông dừng lại trước xe nước mía. Đầu óc ông tối sầm. Căn nhà từ đường của ông với nhiều kèo cột chạm trổ và với hoành phi, liễn đối nạm xà cừ, in thật rõ lên đầu óc của ông. Hương mía nướng đêm nào đã gọi lên hình ảnh đó. Đường về Lương Hòa của ông bị cắt đứt cùng với giấc mộng hồi hương. Ông vụt phác họa những sở mía lá sắc và xanh run rẩy trong cơn gió lộng, những miếng đường trắng, và mùi mật mía như trộn lẫn một tha thiết của một thời kỳ xa lơ xa lắc nào đó. Bây giờ ông phải về chiếc ghe, ngủ một giấc để tìm lại sức khỏe, rồi toan tính chuyện đi buôn. Nước mắt ông ứa ra. Tai ông như nghe tiếng lá mía cọ nhau sột soạt. Ông đưa tay lượm một xác mía ép hết nước cốt. Cái xác trắng nhợt tự dưng làm ông khó chịu. Nó có vẻ yên lặng một cách trắng tráo. Bỗng dưng, lúc này ông muốn gặp chàng khóa sinh ngành truyền tin. Để làm gì, ông không được rõ. Nhưng ông cảm thấy một nguồn thiện cảm đối với chàng, len lén tự bao giờ đến ông. Ông chợt nhớ tới vẻ mặt hưởng ứng của chàng khi chàng ngửi được mùi mía nướng và chàng đã tuyên bố là nhớ tới quê chàng ở Cao Lãnh. Ông vội mở bóp tìm cái địa chỉ của chàng. Nhưng ông không chắc sẽ tìm chàng. Cao Lãnh với Lương Hòa chắc hẳn có nhiều điểm giống nhau. Đó là hương mía nướng và tấm lòng hoài hương của một trẻ một già. Ông cảm thấy mệt quá

rời. Lũ con của ông không thể sống mãi trên ghe. Nhưng mái nhà sở mĩa bây giờ chỉ còn là một nỗi khao khát của ông. Đầu óc của ông vụt tắt hết mọi mơ ước, như cái xác mĩa trong tay mất hết nước cốt. Ông liệng xác mĩa ra xa, cử chỉ như hờn dỗi mà ông không thể kiểm soát được.

hồ trường an

MÙƠNG MÁN

thơ

TRÊN ĐỒI THU

rồi nắng nhạt chia đôi miền lặng lẽ
gió lên đồi thương cây cỏ hoang xưa
không gian lớn trong lòng ta chất ngất
đôi quạnh hiu đời biết tới bao giờ

lỡ hoài vọng nên cũng liêu chân bước
ngại xẽ chiều sương sẽ xuống bờ vơ
đốt điếu thuốc nhủ thầm thôi hãy nhớ
tình xưa kia là sương khói bây giờ

có xuân nào còn hương thơm bầu áo
em trở về đánh thức những dư âm
đàn trầm lắng lạc sông nguồn nước thánh
xuống trần gian ôm gối mục khóc thầm

sương đã bay ít nhiều màu thơ đại
mộng cũng chìm qua trăm lớp mây phai
câu chuyện cũ có lần nào nhắc lại
cho môi run một chút tình hoài ?

liệu tất cả những tình thân mến đó
có lấp đầy vài khoảng cách chia xa
biết nghìn năm có lần nào quay lại
hái tặng người yêu dấu một bông hoa

bông hoa nhỏ nở trong lòng quay quắt
là mặt trời vỡ kín đêm qua
lúc la bước lên đồi ngời hát
đã về tình nhắc đến tên ai

bao nhiêu lựa cho đáng mềm tha thướt
từ mùa thu nứt hạt sương già
bao nhiêu sóng mới mới đầy mắt biếc
để biển về dốc cạn dưới chân ta

cây rừng ngã trên tay đôi mê ngủ
ngại xẽ chiều sương sẽ xuống bờ vơ
ta ngồi lại hỏi lòng ơ có phải
tình xưa kia là sương khói bây giờ?

CHIA TAY

ngâm tóc nhớ tình dài ngày ly biệt
mùa không xanh cây trái rẽ đôi ngành
áo mù sa ôi quá đổi mong manh
xin bước nhẹ vì tơ trời sẽ đứt
cơn sốt nào giữa mùa hè ung độc
đã phai màu nắng trở màu mưa

nhớ nhung nào cho ngày thơm tiếng hát
cho em ngoan đi hết tuổi mong chờ

mong là nhớ và tình trao là mất
mất đen thay đỏ mộng thay mơ
đời thay xanh hóa tím tình cờ
trong mê đắm có lần nào bắt gặp?

từ thưở nào em bắt đầu biết khóc
biết hát ru thương con bướm chết đầu thu
biết reo vui vỗ đều tay ca múa
biết chép thơ xanh và ngơ ngẩn nhạc hồng
từ thưở nào em trốn mẹ qua sông
đuổi theo trăng gửi lời duyên ước mộng

ở đâu đó hình như mệnh mỏng lắm
mắt đang chờ tay đang ngóng phải không

ở đâu đó hình như xa xăm lắm
có mặt trời và mặt đất thương nhau

ở đâu đó hình như cao vời vợi
có triệu vì sao buồn nhớ một sao băng

ở đâu đó hình như mù mịt lắm
có cánh đồng xương cốt ngát hương trắng

ở đâu đó hình như gần gũi lắm
có em về nhớ lược quên gương
cho nhau hết thật thà từ tiếng nói
từ vòng tay ôm trái đất mỏng manh
từ bước chân son trẻ xuống non ngàn
ngày mới lớn bằng khoảng nhìn biển lớn
ngày mới vui hồn chưa biết điềm trang
nghe chim hót tim đã lừng giai điệu
nghe gió thổi mùa sợ tình e thiếu
e không vừa đắp điểm lòng nhau

ở đâu đó hình như xa xăm lắm
em đang cười và đang khóc phải không?

mường mán

MANG VIÊN LONG

một cõi đời riêng

Khấp nhìn xuống mặt sân cát còn mịn hơi sương phủ đều những cánh hoa sầu đông trắng nhụy tím thắm với nổi ngạc nhiên nhẹ nhàng thích thú về một khám phá thêm cho căn nhà cũ của mình. Trong cơn gió sớm gây gây lạnh mùi thơm hoa sầu đông sực nức tràn đầy khứu giác anh đến nỗi nó ám ảnh rồi quyến rũ anh, khiến anh nghĩ chỉ có buổi sáng này là buổi sáng bình yên, hạnh phúc nhất từ lúc anh trở về mở toang đôi cánh cửa nhện giăng bụi phủ mà anh đã bỏ đi bấy mấy năm ròng. Thực sự phải nói rằng chính Xoa đã mang đến cho những cánh hoa sầu đông thêm màu quyến rũ, và mùi hương nồng nàn kia thêm đậm thắm. Khấp đã trở về chính cũng không do sự mời gọi của hàng sầu đông suốt mấy năm tuổi trẻ sống bưng bít chắc chắn bên hai người em tối ngày quanh quẩn trong hầm trú ẩn. Chiếc hầm trú ẩn xưa nay đã phủ lấp mất dấu bên hàng cây như những kỷ niệm xưa cũng phai nhòa, tan rã trong cuộc sống long đong rày mai đó của anh. Căn nhà, hàng cây sầu đông, chiếc hầm, khoảng sân, dòng nước... tất cả bây giờ bày biện trước mắt Khấp thực im vắng, ngơ ngác; không mấy may thôi thúc kéo lại được

những cảm giác của mười mấy năm trước, những năm còn kháng chiến, cơ cực âm thầm. Cảnh vật nay không còn giống chút nào trong những tháng năm cũ, càng không dễ gợi mơ mộng như sự tưởng nghĩ của anh. Hình như cái chết của người mẹ và đứa em trai út trong căn hầm ngoài hàng cây đã chôn giữ hết mọi vết tích kỷ niệm, và sự ra đi cô lẻ biệt của đứa em gái theo chồng phương xa cũng cuốn phăng đi tự hồi nào những cảm xúc của Khấp, để đến lúc trở về, anh mới thực sự nhận biết. Có rất nhiều lúc, dù ở xa, Khấp cũng mong được trở về sống lại những chuỗi ngày phẳng lặng êm ả cũ để rũ sạch hết mọi vương bận chần chịt có hồi đã làm anh quẩn trí, điên cuồng. Bây giờ thì Khấp đã tự tay mở rộng đôi cánh cửa của một vùng nắng gió hoa lá kỷ niệm như cõi lòng mình mở rộng, đợi chờ. Phải, Khấp đã mở cửa, và ngồi đợi Xoa từng buổi chiều với thực nhiều nỗi bàng hoàng khó xử trong lòng.

Những cánh thư Xoa gửi dồn dập mỗi lúc mỗi rút ngắn vội vã, nóng nảy, bối rối đã bắt Khấp dù muốn quên cũng không thể quên với từng lúc hình ảnh kỷ niệm quay về, tự nhiên, và réo gọi. Ban đầu, Khấp có vẻ khinh thị nỗi đau khổ của Xoa với những giòng thư y hệt lời lẽ của những năm cũ. Không biết sao, anh tự nghĩ rằng, người ta không thể lặp lại cái thời cũ, mà không phải ngược ngược, giả tạo; nhất là phải lặp lại những lời lẽ yêu thương. Xoa không rõ điều đó, hay nàng nghĩ có thể lừa dối mình cùng người khác? Khấp xếp thư vào một cuốn sách đã đọc, rồi nghĩ rằng chẳng có thì giờ hay hứng thú gì phải đọc lại quyển sách, hay cái thư. Tưởng mình sẽ quên được cái thư cùng với những tình tiết của câu chuyện trong quyển sách nọ, nhưng lúc đọc xong lá thư tiếp của Xoa, Khấp phải giữ lại quyển sách. Không phải để đọc lại câu chuyện, (một câu chuyện yêu thương đằm đằm nhăng nhít hay chiến tranh đau khổ xa lạ nào đó) nhưng là để đọc lại cái thư. Dần dần, anh vui bất về khinh thị, thể bằng nỗi xót thương. Sự xót thương Xoa của Khấp đã nổi được sự thông cảm dễ dàng, đến nỗi anh cũng phải ngạc nhiên về sự thay đổi của chính mình. Tối buổi sáng nhận được tấc điện tin của Xoa, tới giờ phút đó, Khấp mới thực sự không còn nghi ngờ, áy náy gì nữa với nàng. Và những ngày chờ đợi được

trở về, tự tay mở toang đôi cánh cửa đã đóng kỹ mấy năm, những hình ảnh của Xoa như điềm tỏ, nuôi giữ lòng phần khởi tưởng đã tắt lịm lạnh băng giữa đời Khấp từ lâu.

Như một đứa trẻ bỡ ngỡ nhìn những cánh hoa lạ, Khấp cúi xuống nhặt vài cánh hoa sầu đông vừa lã tã rơi xuống trước mặt. Anh chăm chú lặng lẽ nhìn kỹ vào màu tím nhụy hoa như cố tìm lại chút hơi hướm của Xoa, mùi thơm nồng nàn của da thịt của hương hoa một đêm ẩn mình trong bóng đêm của những cánh cây lấp lánh ánh trăng.

Buổi sáng tịch mịch. Đất trời ngủ quên sau những đêm thức trắng với trăng tỏ, với sao đầy. Gió bất chợt và sẽ sàng lay cuốn bay theo những cánh hoa trắng trải dày lên mặt sân. Dưới một gốc cây sầu đông dày bóng lá, chiếc trường kỷ rộng ọp ẹp cũ kỹ bỏ trống rải rác những cánh hoa rơi. Khấp tự dưng vội vã quay trở lại, bước vào nhà...

Khấp không còn nhớ bao nhiêu những lời của Xoa mỗi bận gặp gỡ nàng như thế, nhưng có điều khiến anh bận tâm, ray rức là ở giọng nói khó cứng lúng túng khi nói chuyện của nàng. Ngồi bên Xoa, điều làm anh xúc động nhiều không phải ở những giọt nước mắt của nàng, mà ở cái giọng nói chất chứa thực nhiều ẩn ức khó nguôi, có hồi như nài nỉ tuyệt vọng của nàng. Ở xa, Khấp đã tính toán sai lệch hẳn như khi ngồi ôm Xoa trong tay. Gần nàng, những vương mắc khó xử như bề bộn dần trải ra trước mắt từng cái một càng làm anh bối rối, dày vò. Như vậy, anh biết, đó là dấu hiệu của tuổi già và nỗi suy nhược nhưng anh cũng quả đã rời rã yếu kém như thế. Tuổi của thanh xuân mù lòa vì tình yêu, của sôi nổi một thời trước anh đã dành hết cho Xoa trong những năm kháng chiến âm thầm nhưng thơ mộng, cơ cực nhưng êm đềm trôi qua như một dòng nước.

Khấp thực sự bỏ học trở về với căn nhà khi người mẹ đã kiệt sức, hấp hối vì chứng bệnh ho ra máu mấy năm trời không có thuốc chữa. Nói rằng không có thuốc trị thì không hẳn đúng. Vâng, có thuốc đó nhưng chỉ là những toa thuốc rễ cây, thuốc lá cây của những ông lang đạo thất nghiệp không còn biết sống vào nghề nào khác. Mẹ Khấp đã tiêu xài gần hết cả gia tài theo những lời mách bảo của họ hàng để chạy theo từng ông lang

lẻo mép, lường gạt. Không có gì hẳn thiêu cho bằng sự lừa đảo những kẻ mình biết họ sắp lìa bỏ cõi đời, nhưng nỗi đói khổ và sự sống còn cho chính mình quá khẩn thiết, đã buộc những ông lang nọ nói dối. Và những ông lang đó đã biến thành kẻ đi rao truyền niềm hi vọng hảo cho những người bệnh như mẹ Khấp mà lấy tiền. Khi những cơn ho ra máu ngọ ngoạy từng đêm chực cắt đứt những hơi thở cuối của mẹ Khấp thì những viên đạn từ phi cơ oanh tạc Pháp đã kết thúc cuộc đời bà ngay gần kề miệng hầm trú ẩn. Bên cạnh bà, đứa em trai lên tám của Khấp cũng tắt lịm hơi thở, máu trào từng vũng. Xoa đã đến kịp lúc để cắt nghĩa cho cái chết của người mẹ và đứa em trai Khấp là một số mệnh. Thường ngày bác bảo không thêm chạy ra hầm chỉ nằm chờ máy bay thả bom cho chết nhưng bây giờ bác đã ra hầm để trúng đạn, không chết ở trên giường như bác mong mà lại chết ngay trên miệng hầm, anh có thấy là một cái số không? Giá bác cứ nằm ở giường như mọi khi, thì làm gì chết được, hử anh? Dù không muốn nghĩ tới những lời cắt nghĩa mệnh số dài dòng ngay chính nàng cũng không mấy tin tưởng, nhưng Khấp nghĩ tới số mệnh như một lời an ủi chua xót, bất lực chung cho cả người đã chết và kẻ còn sống. Mẹ anh chết như một mệnh số đã tới, đã đành, nhưng đứa em trai của anh thì sao? Số mệnh đâu có tới quá sớm với một đứa nhỏ lạnh lợi thông minh khoẻ mạnh như nó. Nếu coi số mệnh có thể cắt nghĩa được cho hầu hết những cái chết xót xa sớm sửa kia, thì chiến tranh là gã hung thần bạo ngược đã tạo ra những mệnh số chung của con người. Trong nỗi tưởng nghĩ chua chát đó, Khấp cho chuyến đi thăm soi bấp với Nguyệt (tên đứa em gái của anh) là một sắp đặt của số mệnh để bốn mẹ con anh không chết cùng một giờ như gia đình bà Hộ, lão Sum, ông Bé...

Gặp lại Xoa sau mấy năm bỏ trường Khấp nhớ tới những mảnh giấy biểu lộ yêu thương âm thầm lén lút trao đổi rồi âm thầm lén lút đốt đi hồi còn trọ học ở Nhơn Phong để cố tránh sự dị nghị theo dõi nơi những cặp mắt cú vọ bám sát vào đời sống riêng rẽ của từng người như vuốt mèo chực vồ chuột. Những mảnh giấy nhỏ tuy không chứa hết nỗi thương yêu của những tâm hồn biến cả rạt rào tuổi mộng, nhưng cũng

đã là ký hiệu tuyệt diệu gói ghém được những xao xuyến rất hiếm khi được giải bày. Nhờ những mảnh giấy này, Khấp đã trải qua được một thời rạo rức êm ái. Mỗi tình rồi cũng lặng lẽ như những mảnh giấy, và quên lãng như những bụi tro bay, ngày Khấp bỏ trường trở về với cơn hấp hối quằn quại của mẹ. Rất may, cuộc tình của anh chưa hề bị dòm ngó phê bình như những trường hợp khác. Ở giữa đám đông của những lần gặp mặt kiểm thảo, những câu chuyện tình vẫn bị coi như một thứ tội lỗi ghê tởm. Một tội trạng kinh dị, khó được tha thứ êm xuôi. Sau những bận phải có mặt trong những đêm quây quần sợ hãi, quái gỡ đó Khấp thường bắt gặp cảm giác vừa lờm lờm buồn nôn, vừa rã rời khắc khoải. Có đời nào trên quả đất chúng ta, tình yêu thương phải coi như một thứ xấu xa, tội lỗi không? Có con người nào, giữa chúng ta có thể sống mà chẳng cần tới một mối tình nồng đẽ diễm tở, nối tiếp đời sống? Vậy mà vẫn những bộ mặt cũ lạ hoắt trong chiếc mặt nạ dị dục cứ nhô lên vung tay làm trò không năn. Khấp nghĩ, rồi thì cũng tới lúc những cái mặt nạ lạ lùng kia cũng sẽ bị nhìn thấy bởi muôn nghìn cặp mắt từ bốn hướng. Không có điều gì có thể dấu diếm được lâu dưới ánh sáng mặt trời bởi tấn tuồng nào cũng có hồi kết thúc.

Bây giờ Xoa của những mảnh giấy thư tình lén lút đã ở gần gũi anh như những quyển truyện tình đợi anh giở lại từng trang một.

Từ căn chòi nơi cả gia đình Xoa tản cư ẩn náu đến căn nhà Khấp bằng những ngõ ngách vắng vẻ tối tăm và những con đường ngập phủ cỏ hoang. Nàng vẫn thường tìm tới Khấp vào những buổi xế chiều và trở về vào đêm. Những đêm có trăng, dưới hàng cây sấu đông rợp bóng, trong khoảng sân khép kín im lìm; nàng đã là nguồn vui sống của hai anh em Khấp. Có hôm, mãi tới lúc Nguyệt nằm kềnh ra sân ngủ Khấp mới đưa nàng đi ngược trở lại những ngõ ngách và những con đường um tùm cây cỏ trở về. Cũng chính nơi những con đường hiu quạnh này những nụ hôn sôi bỏng đã quặn lấy cuộc tình anh. Đã ghi sâu vào tâm khảm anh hình bóng đơn lẻ của Xoa lùi lùi bước cao lên chân đèn về nhà. Đã cho anh sống hết tuổi thanh niên thêm khát ôm ấp yêu

thương. Sống trong thời mà nổi khổ nhọc và nổi chết mãi bám sát vào đời sống ngùn ngụt lửa khói, được như vậy, theo anh, đã quá đủ. Và Khấp không còn nghĩ thêm cho riêng mình những gì khác ngoài hình bóng Xoa thoàn thoát trên chân đèn...

Đã hơn một tháng rồi Khấp được nhận thêm một nhiệm vụ mới đó là buổi dạy ban đêm cho những lớp bình dân của xã. Ngoài những giờ sinh hoạt với những đoàn thiếu nhi nơi sân gạch của một ngôi nhà hoang bị thiêu hủy sau một trận cháy vì bom lửa, anh cùng Nguyệt quanh quẩn trong vườn với những thửa rau, đậu, bắp. Mười mấy ký gạo mỗi tháng thu được của những đứa nhỏ học tư riêng với anh, Khấp không còn một miếng ruộng nào để có thêm nguồn lợi. Tuy thế, anh cũng ít khi bận tâm tới nếp sống bởn chùng quanh anh, có đời sống nào khác hơn thế nữa đâu? Có gia đình nào mà bữa cơm không ghé bắp, ghé củ? Trong thời giặc giã được sống yên ổn tâm thân, đã là một diễm phúc. Những diễm phúc đôi lúc còn tàn tệ hơn thế nữa.

Khấp đang ngồi giữa đám trẻ tập cho chúng hát, kết đoàn chúng ta là sức mạnh, kết đoàn chúng ta là sức gan; đoàn kết ta bền vững, dù sắt hay là gan... thì Nguyệt chạy vào báo tin có Xoa đến, đang ngồi chơi đợi ở nhà; Khấp nôn nao gật đầu. Nguyệt bỏ về trước, bài hát được tập tiếp tục. Những đứa trẻ áo quần xi ta đen lam lũ ngồi say sưa vỗ tay hát theo, Khấp quên bằng tuổi thơ chúng đang trôi nổi mịt mù vô định trong hận thù và bom đạn. Tiếng hát cất cao cùng với tiếng vỗ tay rập ràng vang vang một góc xóm. Tuổi trẻ nào cũng say sưa nồng nhiệt dễ quên lãng hết mọi nỗi khó nhọc. Những buổi hội họp ca hát, nhảy múa như đã làm cho đám trẻ găm gũi thân thiết quên đi những giờ khắc của tối tăm mịt mịt ngoài đồng, của kinh hoàng chết chóc trong hầm trú ẩn. Nhưng riêng với Nguyệt, đã bao lần Khấp muốn em có được nổi lãng quên ngắn ngủi tạm thời đó, nhưng Nguyệt vẫn bền lên một mực chối từ những buổi gặp gỡ đông đảo như vậy. Có thể Nguyệt có nhiều nỗi e thẹn áy náy với phút đầu lên chân vào tập thể, nhưng hiểu em, Khấp biết Nguyệt không thể gắng gượng được với nỗi gắng gượng đó. Những gắng gượng nhiều khi chỉ thêm buồn khổ cho đời mình sau đó mà thôi.

Khấp kết thúc cuộc gặp gỡ bằng những lời khuyên nhủ dặn dò, phân chia công tác, định buổi gặp tiếp theo; đảm trẻ rộn rã tản mát trở về. Những cái bóng đen nhỏ xíu lăm lăm vội vã dưới trăng đi sâu vào cuối xóm. Nhìn theo bọn chúng, Khấp nghĩ, anh chỉ có thể làm được chừng đó với chúng mà thôi. Không thể cứu nổi ai, khi linh hồn mình vẫn tối tăm sâu khẳm.

Xoa và Nguyệt đón Khấp nơi bãi cỏ đầu ngõ, vắng Khấp trông Nguyệt và Xoa thực thân mật. Thường ngày, Nguyệt vẫn e dè, ngượng ngùng với Xoa. Khấp ngồi xuống trên bãi cỏ bên Nguyệt.

— Hai chị em ngồi đợi có lâu không? Khấp hỏi.

Nguyệt nhìn Xoa cười, Xoa nói:

— Đêm nay em định ở lại chơi với Nguyệt nên...

— Anh thừa phải không?

Nguyệt và Xoa cười, nhìn nhau im lặng.

Trông thấy em có nét hơn hờ khác biệt với gương mặt đầu đầu xa vắng xưa, Khấp cũng cười theo một cách vu vơ:

— Đêm mai anh có giấy mời đi họp, có lẽ tới mờ sáng mới về, Xoa rảnh lên chơi với Nguyệt một đêm, tha hồ...

Nguyệt chợt lên tiếng:

— Ngày mai chị Xoa đi về rồi.

Xoa đã theo gia đình hồi cư về quê tại một vùng cách thành phố miền biển vài cây số. Đó là những ngày cuối năm 1952 những trận mưa đạn từ những oanh tạc cơ đã giẫm sứt, những quả đạn cannon từ những chiếc tàu đậu ngoài khơi bót bắn dồn vào nội địa. Và những hồi kiếng thời thúc báo động những trận đồ bộ, càn quét của giặc Tây không còn rên siết làm chết điếng lòng người. Xoa đã ra đi. Vàng, nàng đã ra đi xa gia đình Khấp. Rồi cũng rất giống những cuộc tình khác, nàng đã để lại cho Khấp rất nhiều giọt nước mắt, rất nhiều hứa hẹn ở ngày mai.

Một hai tháng một lần Xoa đã tìm lên thăm Khấp và Nguyệt như tìm về cõi mộng quên rũ khó người xưa. Về với gia đình

Khấp, nàng mẫn nguyện thỏa thuê như đã cởi bỏ dọc đường những buồn thương nhớ cũ. Rũ bỏ được hết thấy những bận tâm ảm ức mới. Gần một buổi lễ gót gian nan với bao nỗi chết rình rập đây đó, Xoa thường đến gặp Khấp khi trời gần đứng bóng. Lâu ngày gặp lại Xoa, Nguyệt hơn hờ thái quá ngoài dự đoán của Khấp. Anh không ngờ, trông nổi đợi chờ mòn mỏi của anh có cả Nguyệt cũng đổi theo ngong ngóng. Nhớ Nguyệt, anh đã bắt đầu tính chuyện một ngày nào đó sẽ cưới Xoa. Một ngày nào đó sẽ có Xoa mãi mãi trong căn nhà này, ngoài vườn sân kia, dưới hàng sầu đông ngọt ngào hương gió.

Sau bữa cơm và lần gặp gỡ riêng rẽ với Xoa, Nguyệt thường trở ra ngồi vắt vẻo trên chiếc cầu tre sau nhà bắc qua con sông lặng lẽ nước chảy. Còn Xoa, nàng và Khấp ngồi đu đưa trên cùng một chiếc võng mắc ở hiên. Chiếc võng đã ru ngủ êm đềm cho biết bao là mộng ước của nàng.

Trời gần xế chiều, Xoa vội vã trở về...

Bằng đi một thời gian ba tháng Xoa không còn tìm lên thăm gia đình Khấp nữa. Dĩ nhiên điều này đã làm cho Khấp buồn bã và Nguyệt lo lắng. Tin tức trong lúc này quả thực là khó biết, dù đôi lúc chỉ cách nhau vài cây số đường bộ. Hỏi làm sao có thể theo dõi được những cảnh đời khi con người cứ mãi nổi trôi từ phương trời này tới phương trời khác, và sự đổi thay số mệnh xảy ra trong từng phút hơi thở? Khấp đành mù lòa trong cõi nhớ thương Xoa trong cõi âm u của làng xóm trời đất. Còn Nguyệt, nó càng lặng lẽ hơn với luống rau ngoài vườn từng ngày cặm cùi xum bón.

Đột nhiên, một buổi trưa Nguyệt nhận ra dáng Xoa đoan đã đi vào ngõ. Tiếng reo mừng không kèm giữ được của Nguyệt khiến Khấp đang nằm ngủ lơ mơ ở võng thức dậy. Anh bàng hoàng đón Xoa giữa sân. Xoa như từ chốn cách trở nghìn trùng của Chức Nữ xưa trở lại. Anh đắm đắm nhìn sừng lên khuôn mặt Xoa gầy gò ần hiện nhiều nét bối rối, nghẹn ngào. Nguyệt chừng như không nhận ra điều đó, nói cười dòn tan.

Buổi trưa hôm đó Xoa không gặp riêng Nguyệt chuyện trò cười cợt như bấy khi, nàng trở ra hiên ngồi ngó mộng lung ánh nắng. Khi Khấp đến ngồi gần thì nàng vỡ ra khóc nức nở. Òa lên

khóc ngọt ngào. Tại sao lần này Xoa lại bảo có thể ở lại chơi một vài ngày mà không còn chút sợ sệt lo lắng? Có quyết định nào đã xuôi nàng liễu lĩnh, buồn phiền? Tại sao em khóc, Xoa? Khấp bồn chồn sưng sờ ôm giữ Xoa trong một cánh tay, nàng vẫn rung rung đôi vai khóc âm ỉ. Sao em không nói, có nỗi khổ đau nào mà anh không muốn được chia sẻ với em đâu?

Xoa chợt quay lại, ngược lên nhìn Khấp dò xét, ngậm ngùi:

— Anh không thể chia sẻ được nỗi khổ này của em...

Giọng Khấp vẫn trầm trầm:

— Sao lại không, em cứ nói. Không lẽ anh bất lực đến như thế sao?

— Em biết, chỉ làm anh khổ thêm.

Nàng kể lại đám cưới sắp đến của nàng với một người bộ đội phương xa, chưa hề thấy mặt, nhưng có lẽ nội trong tháng tới gần sẽ trở về. Cha nàng bảo không còn cách nào hơn là im lặng, ung thuận. Riêng nàng, thân con cá sống trong chậu, cũng không thể thoát khỏi được những bàn tay chờ chực giam hãm oan nghiệt. Còn anh, em không muốn vì em anh phải lãnh nhận những hậu quả ghê tởm sau này. Dĩ nhiên, em mong được chỉ một mình em cam chịu thôi.

Trước cay đắng đó của Xoa, Khấp thấy mình thực là bất lực. Anh nghĩ, không có nỗi tủi hổ yếu hèn nào hơn đành chịu bất lực trước nỗi đau xót của người yêu. Bây giờ, anh lại phải đành lãnh nhận những mối chua chát đó cho đời sống mình sao? Tự dưng anh nghe da mặt nóng ran, hơi thở yếu dần theo cơn ngầy ngật rời rã. Những giọt nước mắt vô tình rơi nhanh xuống đất...

Nhìn thấy Nguyệt ngồi một mình giữa cầu, Xoa nói lớn giọng:

— Tắm không em Nguyệt?

Nguyệt nhìn về phía Xoa và Khấp, cười:

— Lạnh lắm, em sợ...

Khấp ngồi xuống cầu gần Xoa, yên lặng. Xoa chợt nắm tay Nguyệt cười rộng:

— Chị nhay xuống sông chết luôn, hỉ Nguyệt?

Sau câu nói, nàng quay lại nhìn Khấp bùi ngùi. Trong giọng nói thấp trầm của Xoa, anh nghe lòng dạ mình héo hắt, thối thối.

Cả ba người ngồi trò chuyện lòng bông ngoài cầu tới khi trời chập choạng tối mới trở vào nhà. Buổi tối nặng nề vắng ngắt bên kia cánh đồng trống. Buổi lơ lửng âm u trên những đợt tre cao. Buổi tối mờ mịt âu lo trong từng căn nhà tối om không ánh đèn dầu. Buổi tối kín bưng riêng rẽ trong những vương sơn vắng tiếng nói cười.

Nguyệt đã ngủ trên chiếc võng mắc ở hiên. Khấp trải chiếu trên nền xi măng nằm với Xoa, cạnh đó. Xoa lại bắt đầu khóc âm ỉ trên ngực Khấp. Những toan tính nào rồi cũng không ngăn được nỗi những giọt nước mắt của nàng. Những giọt nước mắt khóc cho một cuộc tình thực vô cùng. Chẳng như chỉ có những giọt nước mắt vội vã tuôn nhanh đó mới có thể làm vơi đi đôi chút nỗi đau khổ dày vò nàng thôi. Nước mắt như những giọt nước rửa sạch bên ngoài vết thương, nhưng cơn nhức vẫn làm tái tê lòng dạ. Cuối cùng, Khấp vật vờ trôi nổi theo từng dòng ý tưởng cuộn cuộn như ran trí óc. Đêm đã cạn dần năm canh, Xoa đã ngủ vùi trong những giọt nước mắt ập ập. Rồi hơi ấm này, thân thể này cũng sẽ lìa xa anh như lá lìa cành, chim lìa núi. Khấp chợt trở xoay người, quàng tay ôm Xoa vào lòng...

Tin đình chiến được nhiều người bàn tán xôn xao, nhưng Khấp chỉ thực sự biết rõ khi Đức đến thăm. Không gì hạnh phúc vui mừng khi đã sống ngòm ngợp trong cảnh chết chóc, lại nghe thôi không còn bắn giết nhau nữa. Thôi không còn bom nổ trên đầu. Thôi không còn đạn vẩy từng bước. Thôi không còn những thùng xăng quăng xuống xóm làng, chợ búa, trường học. Thôi không còn lặn lội hôm sớm tản cư từ đầu ghềnh xuống cuối núi. Thôi tất cả mọi thủ đoạn tàn sát nhau. Thôi nuôi cầm hờn. Thôi dạy ngờ vực. Tin đình chiến đến với mọi người như một liều thuốc tiên màu nhiệm có thể cứu sống hàng nghìn sinh mạng, hàng vạn cuộc đời. Đức đến thăm Khấp và báo tin anh có thể đi tập kết ra Bắc. (Đức là bạn học cũ, nhưng có nhiều liên hệ thâm tình với Khấp. Ngay cả những mảnh giấy viết cho Xoa ngày nào, đôi lúc anh cũng đưa cho Đức coi thử. Còn Đức, những thương trộm nhớ thăm nào rồi cũng thổ lộ với Khấp. Rốt cuộc anh là một cái máy tốt để thu hết những bí ẩn tâm tình của Đức mà chưa một lần Đức dám nói thẳng với người mình thương. Những liên

lạc tình cảm vụn vặt như thế dần dà đem họ liên sát nhau hơn. Tỉ như sự cảm thông bền vững được xây bởi cái móng của những cân chuyện tình lãng mạng nhằm nhĩ thuở nhỏ). Đức bảo anh nửa muốn ra Bắc cho biết Hà Nội ba mươi sáu phố phường, nửa ngần ngại muốn ở lại. Đức không thuộc thành phần bắt buộc, anh chỉ được khuyến khích và kêu gọi ra đi nên nổi do dự phân vân khiến anh bồn chồn tìm tới Khấp. Theo cậu, thì thế nào? Khấp từ đầu vẫn nhận ra điều khó khăn đặt ra cho anh ở câu hỏi giao phó quyết định của Đức. Quyết định cho chính mình đã khó, quyết định giúp việc của kẻ khác lại khó hơn. Những quyết định vội vã hơi hợt đã chẳng giúp được gì cho ai mà còn gây hại cho đời họ. Hơn thế kẻ đó là Đức, một người bạn thân thiết còn lại lúc còn đi học. Khấp biết đủ hiểu Đức nhưng không thể tưởng tượng từng tâm trạng ước muốn đổi thay, cuối cùng, anh chỉ nói, theo ý nghĩ riêng của mình.

— Cậu đi, đã đành nhưng chắc gì Hà-nội còn ba mươi sáu phố phường như nổi mơ tưởng dễ dãi của cậu khi cậu sống ở đó? Từ Hà-hội về tới đây rất xa, dù chỉ cách một dòng sông, một chiếc cầu, do đó sự chọn lựa của cậu phải được kiểm soát, suy đi xét lại. Tôi muốn nói thêm cậu liệu có sống yên được với sự xa cách mẹ già và hai đứa em gái cậu để chờ mần hai năm trở về với bao muộn mằn chua xót, giống như những mối tình cảm lặng mà cậu đã có hồi mơ mộng, khổ sở không? Đó là chưa kể tới giữa tôi và cậu không bao giờ muốn có một nỗi nghi kị, thù hằn nào len lỏi vào tình bạn...

Khấp đã thoát khỏi được câu trả lời khẳng định mà Đức trông chờ, mãi tới lúc anh theo được xe Dodge cũ kĩ xuống bến tàu mong tiễn chân Đức thì có tin Đức đã ở lại, mang xách đến tìm anh ở quê. Buổi chiều đi thơ thẩn giữa con đường phố rộng thênh thênh nhưng trơ trụi nhà cửa, cây cỏ, Khấp đã gặp lại Xoa. Nay nàng đã có con đầu lòng. Giản dị như thế. Trong đôi mắt nàng Khấp không mấy may muốn nghĩ tới một sao xuyên nào chảy ra từ những xúc cảm chân thành, dù anh biết, nếu anh thốt lên một lời, Xoa cũng có thể khóc được. Qua mặt Xoa, Khấp mới bắt đầu bắt gặp nhiều cảm giác thể điếng lạnh rần khắp thân thể. Nỗi lạnh nhạt đứng đưng của anh không dấu diếm được trái tim anh đang trống trải.

Chiếc xe Dodge chạy vòng vòng quanh vài con đường thị xã thừa thớt bóng người mở máy phóng thanh hát vang bài Chiến Thắng Điện Biên Phủ. *Chiến thắng Điện Biên bộ đội ta tiến quân trở về giữa mùa hoa nở miền Tây Bắc tung bừng vui...* Từng đoàn người lũ lượt mang xách gói đùm đề kéo xuống một con đường ở một ngã ba đầu phố có vẻ buồn bã, nôn nao, bơ phờ. Gió hất bụi bay mù một vùng trời ở cuối bãi đáp một sân bay bỏ hoang, cạnh đó là nghĩa địa chôn chôn những lô cốt, nhà gác cao lêu nhêu của những vết tích tủ nhục một thời ngang tàng hống hách của giặc Pháp. Khi đi vòng trở về nhà trọ, Khấp thấy những người thiếu số đang ồn ào đứng nấp la liệt trong một rạp hát mà mấy năm trước anh đã được nghe quân ta giựt mìn phá sập nhà hát với nhiều sĩ quan Pháp thiệt mạng.

Không ngờ lần gặp Xoa thoáng qua giữa một đường phố với nhiều giận dữ chừng hững hờ băng quơ, là lần gặp cuối của Khấp. Chờ ngày tiếp thu được một tháng, Khấp dẫn Nguyệt vào miền trong kiếm việc làm ăn, cốt quên lãng những chuyện cũ. Cốt nuôi Nguyệt ăn học trở lại như lòng ao ước của mẹ những ngày gần cuối cùng của đời bà nơi giường bệnh vẫn nghĩ tới con cái hơn thân xác ốm o, bệnh hoạn. Nhưng *cây khô tưới nước cũng khó, vận nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo*; Khấp lao đao lắm mới nuôi nổi Nguyệt yên ổn đến trường hai năm. Năm sau, Nguyệt có chồng, con chim đã bay bổng lên trời,

Từ ngày mất Nguyệt, Khấp lại bắt đầu những gót chân lang thang của anh. Những bước chân xiêu lạc của con chim xa rừng. Đã nhiều lần anh muốn nằm lại, để sống, rồi để chết bên những cảm dỗ của Đức nhưng anh không muốn vậy. Nghĩa là không thể như Đức đi học, làm lớn, ăn hối lộ, tham lam để tạo riêng cho thân mình một nếp sống xa hoa, phù phiếm, như những con chuột. Như những con sâu độc địa, vô ích. Nếu Đức tập kết ra Bắc, thì hẳn sẽ thế nào? Những bài ca hán vẫn mê hát những năm kháng chiến chắc sẽ chẳng còn quyến rũ êm ái như giọng Thanh Huyền, Kim Loan, Khánh Ly những đêm mãi mê từ phòng trà này tới nhà hàng nọ đốt cháy tuổi thanh niên trong hơi lạnh của máy điều hòa không khí, của hơi rượu

mạnh, và mùi nước hoa đàn bà. Ngày nhận được tấm carte visit của Đức với những giòng chữ gấp gáp thăm hỏi, Khấp quyết định sẽ không liên lạc với Đức nữa. Đến khi tỉnh bằng hữu đã rút ngắn lại bằng vài ba giòng chữ trên tấm carte khoe trương thì sự hàn gắn liên hệ đôi khi chỉ đem lại những hiểu lầm ngao mạn. Từ những bức thư dày đầy ắp chân tình keo sơn lúc trước, tấm danh thiếp hững hờ xa lạ như bắt đầu cho những lo lắng từ trước mà Khấp không muốn nghĩ tới, hình thành rõ ràng, nhanh chóng. Không ngờ tiền bạc địa vị đã dễ sai khiến uốn nắn con người đến vậy.

Những bức thư Xoa như một cứu rỗi đúng lúc Khấp đã sắp cùng đường của những bước chân phiêu bạt lang thang, con chim đã hết bốn phương trời bay nhảy; Khấp mong được thu thân một chốn để sống cõi đời riêng u tịch một mình. Xoa là chiếc chìa khóa để anh trở về mở rộng đôi cánh cửa đợi chờ của căn nhà tuổi nhỏ. Căn nhà có hàng sào đông cô độc mỗi hè đơm bông ngạt ngào hương sớm. Căn nhà có chiếc hòm với nỗi chết của mẹ anh, em anh ngày nào phủ lấp tình cờ. Căn nhà, ôi biết bao nhiêu nỗi bặt phúc và đau khổ đã vây bủa mơn trớn tuổi thơ anh. Xoa đúng là chiếc chìa khóa thúc giục anh trở về với bao nỗi tang hoang cũ mà đôi khi anh cũng đã nghĩ tới, nhưng sợ hãi vô cùng.

Khấp và Xoa vẫn ngồi ở hiên, trời sáng mỏng ánh trăng ngoài ngõ. Cỏ cây không còn um tùm hoang dại trước mắt nhưng những ngõ ngách xưa không thể mờ phai trong trí nhớ anh. Những ngõ ngách im vắng ghé rộn đã khép giữ hai cuộc đời khấn khít như những chiếc hôn bừng cháy đầu đời.

Khấp chạm tiếp một điều thuốc, nói lơ đãng:

— Anh không còn là tuổi của những ước mơ vẹn toàn tuyệt đối, nhưng anh vẫn không thể sống bên em nếu chỉ để hàn gắn những đổ vỡ cũ bằng nỗi gặt gẫm và nghi ngờ.

Giọng Xoa cứng hẳn, rõ ràng:

— Anh không hiểu em...

Khấp chợt nhìn chậm lên khuôn mặt Xoa nhạt nhòa:

— Có thể anh chưa được hiểu em vì quãng đời lưu lạc xa cách của anh bấy lâu; có thể tiếng vọng êm ái ngày nào buổi trưa hè nóng bức đã mất hút trong những khổ đau của anh; nhưng tại sao em không cho anh thêm nỗi gần gũi cần thiết?

— Anh còn bắt em phải làm gì nữa những ngày anh trở về có khi nào em không muốn như thế đâu? Còn những điều khác, chẳng hạn như đưa con của em, anh cũng dư biết không phải là một tội lỗi của em; mà chính là nỗi bất hạnh của đời em thôi.

Dừng lại một lát, Xoa trở lại giọng nói không cung bậc cũ:

— Đáng lẽ anh phải yêu thương em và con em mới phải. Giả thử nếu con em là lỗi lầm của em, do chính em gây ra, thì những ngày tháng sống trọn cho anh một đời con gái trước kia cũng không đủ xóa tan được lòng ích kỷ của anh sao?

Sau câu nói, Xoa cúi xuống khóc bất chợt. Những kỷ niệm do chính Xoa nhắc nhở đã làm Khấp nghe cảm xúc chạy ròn da thịt. Nghe lòng dạ bồi hồi, hối tiếc. Cũng trong căn nhà này những bữa cơm nghèo nàn nhưng êm ấm vô biên; cũng dưới mái hiên này những đêm mạn nồng thao thức; cũng ngoài hàng cây kia những sớm mai lơ mơ ánh sáng thơ thần chuyện trò. Tất cả những sống lại bây giờ càng làm anh thương yêu Xoa hơn lúc nào. Phải chăng cái thời ngồi nhớ lại những gì đã qua dễ gây cho lòng xúc động, quyến luyến? Và để mang lại những cảm xúc chính xác có thời nào say đắm mờ mịt hoang đường. Những xúc động Khấp bây giờ vượt hẳn xưa lên lối đắm thắm theo từng hơi thở, tia mắt nhìn hực ánh bờ ngõ thương yêu. Như thể mới chỉ bắt đầu cuộc tình bên lén ăn đầu mơn ước. Ý tưởng lãng quên khinh mạn những lập lại của yêu thương ngày nào nhận được lá thư đầu tìm kiếm bực bạch của Xoa không còn đóng mờ trí óc anh nhỏ nhen, kín mít nữa. Xoa ngồi đó, bằng xương thịt hơi thở ngày nào ôm ấp, kỷ niệm mà anh có thể cảm nắm nỗi tiếp cuộc đời đang đợi chờ anh cúi xuống, chờ đợi an ủi cảnh sống bằng bình hoang vắng của anh. Tự dưng Khấp bỗng thấy như trong cõi đời riêng mình, một mặt trời thân yêu sắp mọc...

mang viên long

TRẦN THỊ NGH.

bao lon

Vào khoảng tám giờ rưỡi tối, trời đổ mưa. Cơn mưa không to dù suốt ngày trời đã mang một vẻ ảm đạm đáng tin. Cơn mưa, dù sao cũng làm nàng dễ chịu lắm. Hồi sáng khi mới thức dậy, nàng chợt nhận thấy không khí có vẻ khác, mềm gối như bị ẩm, sau đó nàng trang điểm thay áo ra G. ăn điểm tâm. Ở G. qua lớp cửa kính được che bằng một tấm sáo có những sợi mảnh giăng cách khoảng, nàng nhìn ra ngoài. Thành phố sau những ngày oi bức bỗng dưng mát rượi. Nhà cửa như được phủ lên một lớp khói mỏng trắng đục, các sinh hoạt như bắt đầu trễ hơn mọi hôm, (mọi hôm, nàng cũng ngồi ở G. nhìn ra ngoài, nàng có thói quen quan sát phố xá lúc còn sớm buổi, bên trái là một khách sạn lớn, bên phải cách một công viên, một dãy hiệu buôn khang trang, nàng biết rõ giờ giấc làm việc của mọi người trong góc phố ấy lắm, giờ nào những người lao công bên khách sạn mang xà phòng, giẻ và nước ra lau dãy xe hơi đậu phía trước, giờ nào những người thợ chụp ảnh dạo mang máy ra ngồi ở ghế đá trong công viên, vân vân). Nhưng hồi sáng, nàng nhận thấy giờ giấc làm việc của họ như trở đi một chút, dường như hơi trễ, dĩ nhiên là những công việc ấy không có gì thay đổi (những hiệu buôn mở cửa, các tủ kính được lau và chùi dọn lại, bên khách sạn hai anh lao công nhúng giẻ vào

thùng nước vắt ráo và đi xà phòng lên đầu xe...). nhưng vì cái vẻ ảm ướt, trắng xám của góc phố nhìn chung (góc phố nhìn qua những sợi mảnh bị cắt thành nhiều đường song song) như hoàn toàn mang bộ mặt mới. Nàng đã ngờ rằng những chi tiết mọi hôm nàng nhìn thấy bấy giờ cũng có một cái gì khác, hoặc giả nàng đã tưởng tượng ra thế chẳng. Nàng tợp một ngụm cà phê. Nàng thấy khoẻ khoắn nhìn ngày bắt đầu một cách mới mẻ kỳ thú, không giống mấy buổi sáng khác nằm trong giường nàng chán ngán đẩy mặt lại bằng cái gối và muốn ngủ tuốt qua hai ba hôm sau, nàng sợ phải ngồi dậy làm lại những công việc nàng đã làm nhiều ngày, nhiều năm, đã lâu lắm nàng sống đều đặn quá mức. Khi uống nốt chỗ cà phê ở đáy tách nàng đã thầm mong có một cơn mưa đổ xuống, nàng sẽ ngồi lại G. Nàng tần ngần nhìn thành phố đang lấy lại dần vẻ quen thuộc cũ, bắt đầu bằng sự đi lại nhộn nhịp của mọi người trên hè đường, các chiếc xe gắn máy chạy dòn dả ngang qua quẹo quanh công viên. Sau cùng gần chín giờ sáng, mặt trời vẫn không chịu mọc mà cũng không có gì báo hiệu sẽ mưa nữa, nàng đành đứng dậy.

Ở sở, trong giờ làm việc nàng để ý ngó ra cửa sổ phòng, cửa được chặn bằng hai mảnh kính đục, nên dù đi sát mũi nàng cũng chỉ nhìn thấy cái dáng mờ cam của ngọn cây duy nhất bên ngoài, mờ hơn nữa là dãy nóc phố phía dưới, lẫn trong mờ giấy điện giăng ngang dọc. Nàng không thể nhìn thấy mặt đường, xe cộ, nàng không biết nhiệt độ bên ngoài như thế nào và nếu có một cơn mưa mỏng chắc nàng cũng không thể phân biệt được đâu. Dù sao nàng vẫn mong trời đổ mưa hết sức, mưa như một dấu hiệu thân mật khiến nàng thấy gần gũi với thời tiết. Trong phòng làm việc nàng không thể nào nghe được một tiếng động nhỏ bên ngoài, đôi khi nàng lẫn lộn cả thời gian nữa, nàng tưởng sáng ra chiều, chiều ra sáng, rất buồn cười. Ở nhà nàng đóng hết mọi cửa ngách, vận đèn, mở máy điều hòa. Thời gian đối với nàng có lúc như không có. Nàng tưởng như đang sống trong một phòng kín có tiếp dưỡng khí, và nàng vẫn thấy nàng sống bình thường tự nhiên. Nàng chỉ hơi bất ngờ khi để ý muốn xem ngày tháng trên tờ lịch treo khuất một bên hông tủ áo, nhưng sau đó nàng cũng quên khuấy. Nàng nghĩ rằng không có gì đáng, nàng sống như một

người phải sống vậy thôi. Thời gian, thật ra khi mình để ý đến nó thì mới nhận thấy nó, cùng với vô số phiền phức khác. Tuy nhiên vì sống mãi trong những cái hộp dưỡng khí, mỗi sáng ra đường nàng luôn luôn có những cảm giác mới mẻ kích thích như một người vừa khỏi bệnh, nàng cũng không giấu được vẻ ngỡ ngàng khi nhìn thấy ánh sáng, nhìn thấy phố xá với sự ồn ào kỳ lạ của nó (nàng thấy kỳ lạ lắm). Nàng ngạc nhiên nhìn mọi người đi lại, cười nói, vẫy tay chào. Những khuôn mặt nàng nhìn thấy trên đường từ nhà tới sở, từ sở về sao có một vẻ gì cách biệt với nàng quá đi. Nàng tưởng mình đang chung đụng với những sinh vật không giống nàng và thành phố thì chẳng khác gì một hành tinh xa lạ nàng đọc thấy trong sách, tưởng ra trong trí. Nàng đi như bước trên đám khói nhẹ bồng, nàng cũng tưởng mình chưa thức dậy hay có khi đã thức rồi nhưng còn gà gật cũng nên. Như vậy một ngày hai lần nàng đi và về, (cộng thêm mỗi sáng ăn điểm tâm ở G. — mỗi sáng nàng ngó chết trần một góc phố —, với hai bữa ăn, ở T. sau giờ làm việc), nhưng đã lâu hết sức nàng vẫn chưa làm quen được với những cảnh tượng ấy, làm quen, có lẽ không phải là một chữ đúng, nàng chưa thân được đúng hơn. Nàng không thể nào sống ngoài những cái hộp dưỡng khí hết và vì thế nơi làm việc và căn phòng nàng hiền nhiên trở thành hai cái bờ đề nàng tấp vào, nương dựa một cách yên tâm, thay vì trôi dềnh giữa dòng. Khi ở bên này bờ nàng muốn trôi qua bên kia và ngược lại. Một ngày hai lần, nàng trôi đi trôi về. Đôi lúc nàng cũng thấy nàng sống đều đặn quá, thành ra nàng đâm ra ao ước này nọ. Những ao ước không lấy gì làm đáng kể, miễn là một chút gì thay đổi trong đời sống thường nhật của nàng. Chẳng hạn như nàng muốn nghỉ việc một bữa, hay nhịn ăn một bữa, hay tìm cách giải trí, nuôi một con chó hoặc một con mèo, thí dụ vậy. Nàng đâm ra để ý tới cái cửa sổ đã đóng lâu ngày trong phòng nàng, tới ngọn đèn phải chong từ sáng tới tối, những tấm màn dày che hết ánh sáng và cảnh vật có thể nhìn thấy bên ngoài (tới nỗi làm nàng quên hẳn xung quanh nàng còn có những người láng giềng, nàng không nhớ những ngôi nhà kế cận mà mỗi ngày nàng vẫn đi qua nhìn thấy chúng ra sao, nàng không nhớ), và nàng đã để ý tới việc mở cánh cửa sổ ra hay ít nhất là vén tấm màn sang

một bên, nàng nghĩ thế nhưng không nhất quyết làm công việc ấy. Nàng muốn là muốn vậy thôi, nàng không ưa gắng sức hay xê dịch cái gì vốn đã ở yên ngay chỗ của nó, nàng cho rằng tính do dự lười biếng này không có gì đáng ngại nếu không nói là vô hại. Nàng lười tới nỗi không nhớ gì rõ ràng về quá khứ, chẳng ban đầu nàng tránh nghĩ tới, dần dà quen đi, nàng gần như quên tuốt cái dĩ vãng xa lạ của nàng (nàng cho là xa lạ). Dĩ nhiên nàng hãy còn nhớ những điểm chính, và những điều còn sót lại ấy vẫn thường làm nàng sợ, một mình, nàng tìm cách chối biến, coi như những điều ấy không phải của nàng, và tới một lúc nó thành ra không phải của nàng thật. Quá khứ đối với nàng là cái không thuộc về mình nữa, mình không thể sửa đổi gì, không có chút quyền hạn trên cái phần đời đã mất đi đó. Nàng không thấy hài lòng về quá khứ và nàng đổ thừa rằng vì nàng không có quyền hạn gì trên nó nên mới sinh ra không hài lòng vì nó, nàng biện bạch đủ cách để tránh mọi trách nhiệm về những ngày đã qua của nàng. Sau cùng nàng cảm thấy những điều nàng có thể nhớ lại (những điểm chính) dường như là càng lúc càng bị đẩy lùi xa nàng, nàng khoan khoái nghĩ chính nhờ tính lười biếng vô hại nàng đã bỏ qua hết mọi cố gắng về trí nhớ. Có khi nàng tưởng rằng cả một thời thơ ấu, dậy thì của nàng được bôi xóa trắng xóa. Nàng tự nhiên có năng lực một sự trưởng thành sẵn, hoàn cảnh sẵn, không có gì sau lưng nàng, nàng có mặt và bắt đầu từ lúc có mặt. Nhưng từ lúc ấy cho tới bây giờ, nàng thấy đã lâu quá đời sống nàng chưa có chút gì thay đổi, nàng đâm ra ao ước này nọ, (nàng muốn nuôi một con thú trong nhà, muốn nghỉ việc một bữa, muốn nhịn ăn một bữa, chẳng hạn), và bữa nay, nàng tò mò thấy mình đã chờ đợi cơn mưa một cách nao nức quá đáng, kể từ lúc ăn điểm tâm ở G., vào sở làm nàng vẫn ngon, ngóng, nàng nhìn qua hai mảnh kính đục chặn cửa sổ phòng làm việc và chỉ nhìn thấy ngọn cây lu cắm in giữa một mảng trời trắng mờ, như một bức vẽ bị lem ố hay bay màu. Nàng nghe bồn chồn hoài tới chiều. Buổi tối nàng về nhà, khoảng tám giờ rưỡi đổ mưa, nàng đang gọi đầu ngừng tay lắng nghe những hạt nước đầu tiên đập xuống mái ngói, có tiếng long tong của nước vỗ trên một tấm thiếc, những âm thanh như lần

đầu nàng được nghe thấy, nàng chăm chú theo dõi nhịp mau của nước đổ và tự dưng thấy vui vẻ, phấn khởi. Nàng bắt gặp nàng nhanh nhẹn vuốt những giọt bọt xà phòng trên tóc, nàng xối nước nhịp nhàng và để ý nghe tiếng nước chảy tốt xuống ống dẫn một cách thích thú. Con mưa như mở bung hết mọi cảm giác lòng bùng trơng người, đồng thời như giải thoát sự chờ đợi bồn chồn mà suốt ngày nàng đã phải cầm cự khổ sở. Nàng chợt thấy sự mong ngóng đã làm nàng thú vị bất ngờ, nàng tự hỏi có phải người ta đã có khi sung sướng vì được đau khổ không, có phải người ta tìm thấy hạnh phúc ngay trong những ước muốn chưa được thực hiện? Nàng không ngờ mình có thể có những tình cảm sôi nổi chỉ vì một cơn mưa mà nàng đã có ý đợi từ sáng. Chỉ là một cơn mưa thôi mà, nàng tự nhủ, làm bộ khó chịu. Nhưng khi nhìn trong gương thấy mình cổ cau mày trong một vẻ mặt trong sáng khó tin, nàng thấy những giọt nước nhỏ nhai chảy ròng trên mặt và những bện tóc đen ướt đã khiến đôi mắt nàng long lanh sáng, nàng nín thở ngắm nghía mình.

Khoảng hơn chín giờ cơn mưa dịu hẳn xuống và gần như chỉ còn thả xuống những sợi nước mịn cuối cùng thôi. Qua khe cửa nàng nghe thấy tiếng gió rít lạnh lẽ, e dè; những giọt gió mỏng mát như mỗi lúc một dồn đầy phồng, chen lộn trong khối không khí cũ. Nàng có cảm tưởng như một lát nữa trọn căn phòng nàng sẽ được thanh lọc và chứa thuần một khối hơi tinh khiết. Nàng vươn vai thở no nê, nàng nghe da thịt căng cứng. Cơn mưa như chỉ còn là tiếng long tong của những giọt nước đọng trên mái gỗ xuống tấm thiếc, đó là âm thanh gần nhất nàng có thể nghe thấy, còn thì xung quanh như một điệu trầm và xa. Nàng không rõ những âm thanh ấy chỉ là cảm tưởng sau cơn mưa dứt còn đây dựa trong đầu bên tai nàng hay thực sự mưa vẫn còn đề bên ngoài nữa, nàng không cần biết, nàng thấy sảng khoái. Một lát, lẫn trong tiếng nước vỗ lên tấm thiếc, nàng còn nghe thấy như có tiếng ai bước vấp qua đồng gạch đỏ

trước cửa (đồng gạch, nàng biết rằng trước cửa nhà nàng có một đồng gạch), rồi có tiếng giày di trên thềm nhà, nàng đồng tai theo dõi, và kỳ lạ thay, như là nàng đang sẵn sàng chờ đợi một điều gì vậy.

Nàng mở cửa kêu lên :

— André !

Người đàn ông ngo nàng cười vui vẻ, tay loay hoay sập cây dù. Xong ông dậm dậm chân lên tấm thảm lót ngay ngạch cửa, bước vào nhà. Nàng đón lấy cây dù một cách máy móc đem dựng sát tường, cạnh cây đèn chụp. Trong lúc ấy nàng đã có thì giờ dò xét mình, nàng tưởng nàng ngạc nhiên, nhưng quả thật là nàng bình thản một cách bất thường, sau rốt nàng biết rằng nàng có ngạc nhiên, ngạc nhiên về sự không ngạc nhiên về sự có mặt của André. André, người đàn ông, tự ý ngồi xuống ghế dựa, chỗ nàng ngồi lúc nãy, nụ cười vẫn còn trên môi. Ông cho sự im lặng của nàng có nghĩa như là một câu hỏi thay vì phải được hỏi đúng vào lúc ấy, đồng thời ông cũng nhận ra vẻ chờ đợi dò hỏi trên mặt nàng, ông nói :

— Tôi tình cờ biết được chỗ bà ở. Mưa quá ! — Ông chặc lưỡi.

Hai chữ sau cùng ông nói như để xóa bỏ câu trước vậy. Nàng đáp :

— Vâng, mưa quá.

Thật ra cơn mưa chỉ kéo dài hơn nửa tiếng, và lại không lấy gì làm rầm rộ lắm. Nàng đáp vâng, mưa quá. Nàng muốn hỏi tại sao. Nhưng rồi nàng nghĩ rằng như thế sẽ khiến André có thể xét đoán này nọ về nàng, có thể ông ngờ nàng đã quýnh quáng sợ hãi vì việc viếng thăm không báo trước, về hoàn cảnh không mấy minh quang chính đại hiện thời. Nàng không bao giờ có lấy một người bạn, tệ nhất một người bạn gái cũng không có. Ban đầu nàng lấy làm buồn về việc ấy, nhưng dần dà nàng khám phá ra đó cũng chính là điều nàng muốn nữa. Ý nghĩ nàng nhảy cóc hết sức, qua nhiều chuyện lang mang khác, cuối cùng trở lại việc viếng thăm của André. Nàng đã ngờ ngợ biết trước có ngày hai người sẽ gặp nhau ở ngoài (nàng muốn nói ngoài giờ làm việc, ngoài mở giấy tờ vốn chẳng liên hệ gì tới sự liên hệ giữa André và nàng, ngoài căn phòng hai người vẫn gặp nhau mỗi ngày) thì

đủ như ở nhà nàng. Tại sao ông biết chỗ ở của nàng, nàng không biết, nhưng nàng nghĩ đó không phải một chuyện tình cờ đâu (tôi tình cờ biết được chỗ bà ở). Nàng cúi nghiêng một bên luôn tay xõ những bện tóc còn ướt dính, cử chỉ khiến André thấy nàng có một vẻ tí mỉ đáng yêu, ông cũng cảm thấy cần giải thích với nàng đôi điều, hoặc ít nhất là hỏi han chút đỉnh về nàng, chẳng hạn bà đã ăn tối chưa, bà có phiền hà gì tới đến thăm bà tối nay không, vân vân, chót hết có lẽ ông sẽ nói thẳng với nàng ông rất quý nàng và muốn mời nàng ra ngoài, ông sẽ để nàng tùy ý chọn lựa cách giải trí, trọn buổi tối ông tự hứa sẽ hết lòng chịu chuông nàng, nếu nàng muốn, ông sẽ hôn nàng một cách lịch sự trang trọng, hay nếu nàng không muốn, nàng giữ gìn quá, nhưng không phải là nàng không biết điều ấy, nàng vẫn có những tia mắt bất an, đôi mắt nàng, ông đã đôi lúc thấy chúng khô ráo trong một vẻ thêm muốn khẩn thiết, tội nghiệp, đôi mắt mời mọc của nàng, đã có khi chúng dễ dãi buông lỏng đến mức lộ liễu. Gần như, đó là tất cả những điều ông biết được về nàng. Những điều ấy, dù sao khiến ông tự tin. Ông hỏi:

— Bà đang đọc gì vậy?

Nàng với tay lấy quyển sách đọc dở khi nãy trong lúc vội vã nàng để lật úp trên cái gạt tàn thuốc, gờ lên:

— Một chuyện buồn lậu.

Phải qua hai đoạn cầu thang mới tới phòng số sáu. Phòng của André. Nàng biết vậy. Ông nhận chuông, một tay quần lấy lưng nàng. Người ra mở cửa là một chị giúp việc còn trẻ, khoảng ba mươi tuổi, ba mươi ngoài, khoảng đó. Chị ta ngó nàng một cách thân nhiên rồi đứng nép sang một bên chờ lối đi. Nàng thở những hơi mạnh, ngực hào hển, nàng muốn dứt thở khi bước lên tới bậc thang cuối, đứng trước phòng số sáu. Bây giờ nàng biết rằng nàng đang ở trong phòng số sáu, phòng của André. Nàng nuốt nước bọt.

Ngay lúc mới bước vào nàng nhìn thấy nhà bếp, và rồi phòng ăn, bàn có đặt sẵn đĩa muống cho một người ăn, bên trái là một cửa thông sang phòng ngủ. Nói chung toàn thể không có vẻ gì vén khéo sang trọng, nếu không nói nàng nhận thấy sự tạm bợ trong các vật dụng trưng bày. Trừ cái bao-lơn, nàng lấy làm

thích, cái bao-lơn ở bên phải phòng ăn, nhỏ xíu, trông xuống một khoảng sân xi-măng vuông vức trông trơn, đứng ở đó nàng có thể với tay đụng những nhánh lá của cây nhãn được trồng từ dưới sân. Nàng vừa quan sát vừa theo André bước qua cánh cửa bên trái. Sau đó họ nghe một đĩa nhạc của Tchaikovsky, một lúc sau nữa đĩa nhạc được đổi sang mặt khác và André bước tới cánh cửa, đóng lại. Nàng ngồi ở mép giường nhìn ra cửa sổ phòng ngủ. Cửa sổ là những ô kính trong, có dán những cái hoa năm nhánh màu đỏ. Trên một ô kính nàng thấy hai ngọn đèn tường trong phòng in lên hai bóng nhòe màu vàng, còn thì nàng không trông thấy gì bên ngoài hết, hoàn toàn tối đen. Nàng lắng nghe tiếng nhạc lẫn trong tiếng lè xè của máy điều hòa không khí, nàng có cảm tưởng bị đẩy ngã người trên giường, toàn thân ướt đẫm, nàng lấy hết sức lực xoay người úp mặt xuống đệm. Nàng cắn chặt môi lại. André, người đàn ông, choàng một đùi qua người nàng. Ông biết nàng là một người đàn bà kiêu ngạo, nhưng ông quý nàng, và như vậy, tất cả những gì ông phải làm cho nàng lúc bấy giờ là giữ lại hết mọi ham muốn về nàng. Càng mãnh liệt với ý nghĩ ấy ông càng thấy như bị khiêu khích bởi nó. Ông hầu lấy nàng, vui mặt vào gáy nàng ngửi mê mẩn cái mùi thơm hăng của tóc nàng, những sợi tóc mới gội, rười rượi. Nàng có vẻ hờn hển, André nghĩ thế, nàng úp mặt xuống đệm thì thở làm sao được? Tội nghiệp nàng quá đi. Có lẽ nếu nàng nhất định giữ gìn thì ông cũng không hà hiếp nàng làm gì, nhưng nàng kiêu ngạo. Ông bỗng kêu lớn tên nàng bằng giọng vô cùng tức giận, và mạnh tay ông lật ngửa nàng lên. Nàng tỉnh như không, hai mắt ráo hoảnh, môi đỏ rím. André hôn nàng.

Đĩa nhạc quay những vòng cuối, xong im bật. Căn phòng tự dưng khựng lại. Chính lúc đó nàng đẩy ngược André ra bằng một bàn tay in giữa ngực, chỗ khuy áo. Nàng ngồi dậy. André, chống hai cùi tay lên đệm giữ nguyên thế ngã ngửa, nhìn nàng. Đôi mắt, nàng tưởng như mắt giả, xanh biếc và có chấm nâu ở giữa tròng, cả mái tóc xoắn lộn cợn màu vàng xám nữa, nàng thấy mềm óng một cách kỳ cục, như là ni-lông vậy, nhưng mái tóc ấy kích thích nàng, thật thế, nàng tự ý đưa

tay vuốt ve khuôn mặt đang ngó sừng nàng và tò mò lắng nghe những rung động li ti trên mấy đầu ngón tay, những sợi râu ngắn dọc theo hàm cằm nhẹ vào lớp da mỏng trong lòng tay nàng. Nàng thấy cảm động hết sức. Nàng bối rối quơ lấy gói thuốc trên bàn viết, châm một điếu, rít ngay một bùm khói lớn. Cái bàn viết, bây giờ nàng mới để ý, trên đó cạnh một đồng giấy báo hề bộn nàng nhận ra quyền sách của Nghi. Quyền sách mà ở liên tiếp hai ba trang đầu đều có đóng dấu tên họ chàng bằng mực đỏ, dưới góc bên phải, nàng nhớ kỹ lắm, nhưng nàng không nhớ để cho André mượn từ khi nào. Nàng ngồi lưỡng lự như định làm một việc gì chưa nhất quyết nhưng không hiểu rõ ràng được việc ấy. Nàng tự nhủ sẽ hỏi André lấy lại quyền sách, dù gì, nàng nghĩ đó cũng là một di vật của Nghi.

Khá lâu sau hai người ra khỏi phòng. Nàng vuốt những sợi tóc nhàu nhụi, đi sau André. Bàn ăn đã được đặt thêm một phần đĩa muối, chị giúp việc mang ra những món ăn nguội với vẻ mặt bất nhẫn. Chị bất nhẫn là bất nhẫn vậy, chứ không thắc mắc hay muốn trả treo gì, chị cũng lười đánh giá nàng nữa. Chị thực là một người giúp việc tốt với các thói quen, sở thích, giờ giấc sinh hoạt của ông chủ André chị đều thuộc nằm lòng. Bữa vậy đặt thức ăn xuống bàn xong, chị quàng quã trở xuống bếp tỏ ra một người tốt, một người rộng lượng, biết điều. Hai người ngồi vào bàn ăn. Thỉnh thoảng trong lúc ăn André nhìn nàng như dò xét tình cảm, ý nghĩ nàng, đồng thời ông cũng có bộ điệu của một người lơ đãng, một người vừa làm hỏng điều gì. Nàng, nàng nhai tóp tép, lặng lẽ, đờ đẫn. Nàng lắng tai nghe tiếng xe chạy thưa thớt dưới đường, tiếng gió thổi ào ào qua ngọn cây nhãn ngoài bao lon, những tiếng động ấy mới gần gũi với nàng làm sao, như là một nhịp sống quen thuộc bị nàng bỏ quên lâu nay không để ý, bây giờ bắt gặp lại nàng mừng rỡ, bùi ngùi.

— Em ăn không thấy ngon ư?

— Không, em không đói. Nàng đáp.

Nàng ngước mặt hứng lấy những đợt gió mát thổi hắt từ bao

lon vào bàn ăn, đáng là lời. Rồi như người thấy mùi hơi nước mừng trong ngọn gió, nàng chợt nhớ lại cơn mưa, nàng giờ cây muối đang cầm trong tay lên reo:

— Trời đất, cơn mưa!

Đoạn nàng dựa lưng vào thành ghế cười rạo rờ.

trần thị ngh.

BÙI GIÁNG

thơ

MẤY ĐIỀU

Chèo ghe ra biển ghé vai
Hỏi thăm cả biển một hai ba điều
Nửa chừng quên bằng bốn điều
Cuối cùng sức nhớ năm điều đã quên

XUÂN CỎ LỤC

Ra sông nằm ngủ hai bờ
Bỏ xuôi ngọn gió theo giờ nảy hoa
Giẫm sương rớt hột giang hà
Chắc gì lễ hội gọi là sử xanh
Gót chân phổ vọng qua thành
Mừng xuân viễn vọng đêm dành cho đêm

Ở TRONG NÚI

Du dương hai lẽ lên bờ
Một lai rai bước một lơ dờ đi

Sông khô biển cạn ngủ khi
Trận voi sầu khổ sân si đã từng
Chân mây rậm rạp núi rừng
Đèo trường beo gấu vui mừng gọi nhau

VU VƠ

Gấu buồn
Beo cộp cũng buồn
Mưa rừng rất lạnh
Từng luồng
Gió đi
Trông về đồng ruộng đôi khi
Thị thành tâm sự
Hoài nghi
Trăng tà

Ở TRONG RỪNG

Cọp đi từng bước
Héo hon
Voi đi lững đững đá mòn
Trăng soi
Chị em gái núi u hoài
Rừng mang dấu vết
Ai đòi
Hỏi
Ai

ĐÊM QUA

Chép lời
Bờ cỏ ra hoa
Muộn từ

Cánh hạc trong tà huy bay
 Hang rùng
 Thiêm thiếp
 Ngủ say
 Giờ xuân tao ngộ
 Di hài
 Thu đông

RẠC RỜI

Bấy giờ mây đứng giữa khung
 Dù lòng biển rộng mông lung sông dài
 Rời chân bước một ra hai
 Bước về chấp nhật ngày mai khôn hàn
 Nỗi vui dừng sống giữa đàng
 Chết từ cuối phố điêu tàn thâu đêm
 Tin nhà không dám mở xem
 Chưa từng đã biết hay quên bao giờ
 Mù sương bốc khói hai bờ
 Tiền trình nhật báo nửa tờ trăm luân

TỊCH DƯƠNG

Nằm im mê hoặc lên đường
 Con say tuế nguyệt dị thường sử xanh
 Trút đi hoa thắm cỏ lành
 Niềm vui tao ngộ tan tành dư âm
 Chết đi bóng lạng sương thâm
 Tà huy xốc áo buông cầm giữ xiêm
 Vòng quanh vó ngựa trước đèn
 Chùm bông phồn thịnh giấc cần cỗi mơ
 Bốc tia phù động hai bờ
 Đầu trường kỷ ức cây thờ phượng chim

NGUYỄN DU

Cộng trừ nhị bội mà ra
 Áo xanh xuống phố mua quà bình nguyên
 Tuyết phơi trắng xóa giữa miền
 Năm năm bỏ lại diện tiền sử xanh
 Chim kêu đăm đuổi đầu cành
 Xuân trào nước nở đập thanh lên đường
 Gửi trời một giọt mù sương
 Trao về cho đất vô thường cỏ thơm

TRIỀU XUÂN

Động minh nước dấy phân vân
 Buồn thao thức vọng xa gần vắng thêm
 Nhớ nhung cuối bãi đầu ghềnh
 Trường thành phố cũ còn nên nói nhiều
 Đi về trong bóng bay theo
 Chiều hôm với sớm sương diu dặt pha
 Xuân xanh tóc phủ vai ngà
 Mộng rơi rớt lá hoa già mấy phen
 Nửa đời mắt đục mờ hoen
 Triều xuân bát ngát bỏ quên thân người

KHÔNG ĐỀ

Cỏ ruộng xa trời lũng thấp thu
 Mồ hôi năm tháng đổ khôn bù
 Đứng lên ngồi xuống bao giờ thế
 Sa mạc không bờ cánh mỏng so
 Bó cẳng trong chân mấy ngón và
 Mấy lời sương hỏi ở trong da
 Xuân đến bây giờ từ vạn đại
 Em đến bây giờ để bước ra

OPHELIA

Cho xin màu lục một lần

Cho xin màu liễu một lần thử buông

Ngày mai hẹn ước trôi nguồn

Em về quá khứ mang buồn lang thang

bùi giáng

HUỲNH PHAN ANH

mây trang rời

ĐỌC VÀ VIẾT

Nếu được chọn lựa, tôi mong được làm một đọc giả tài tử để có thể tận hưởng tất cả lạc thú của mình với tất cả thông dong và thoải mái như một kẻ nhàn du diu bước trong một cảnh trí hứa hẹn nhiều bí ẩn kỳ thú. Đọc. Và để cho những dòng chữ mặc tình dẫn dắt. Đọc. Như một cách phiêu lưu, lần theo những lối mòn và cùng lạc hướng trên những lối mòn. Những lối mòn quyến rũ và đồng thời mời gọi sự vô định, ôi, bao nhiêu lối mòn như thế chỉ trong một quyển sách, trên một trang giấy, trên một dòng chữ. Là một người đọc, tôi là kẻ tình nguyện lạc đường, mất lối. Là một người đọc, liệu tôi có thể mong mỗi, yêu sách điều gì khác hơn. Nói một cách nào đó liệu tôi có thể hy vọng, tin tưởng được gì trong công việc (đọc) của tôi: một câu trả lời, một cuộc gặp gỡ, một dịp cảm thông. Bởi tác giả, người đã viết nên tác phẩm, người đã vạch ra những lối mòn, liệu hẳn có mang đến cho tôi câu trả lời. Bởi tác phẩm có phải là một câu trả lời. Và ở cuối những dòng chữ li ti đang dẫn dắt nhau chạy miết kia, liệu tôi sẽ bắt gặp được gì ngoài hy vọng còn là hy vọng, ngoài sự chờ đợi còn là sự chờ đợi, nghĩa là ngoài sự tuyệt vọng của mọi đường hy

vọng và đợi chờ. Và tác giả, hẳn có còn đó đầu đề nói năng, trò chuyện cùng tôi. Kỳ lạ thay tác phẩm hiện hữu trong điều kiện vắng bóng của kẻ sáng tạo nên nó. Tác phẩm nói và tự nó đồng hóa vào lời nói của nó, nó chính lời nói đang lên tiếng. Thứ lời nói *thuần túy* nhất. Nó không nói gì, với ai, để làm gì. Nó chỉ nói.

Và đọc tức là lắng nghe, tìm đến thứ tiếng nói thuần túy nhất đó, không phải của tác phẩm, mà chính là tác phẩm.

Đọc giả tài tử. Hẳn đọc như một kẻ đi giang hồ, tâm hồn thơ thới, hân hoan, một thứ Ulysse ra đi không để trở về. Hẳn xa lạ với mọi thứ buộc ràng, thúc bách hay mưu toan. Đọc như một cách sống đời mình trong buông thả và liều mạng. Đọc như một cách liều thân. Đọc như một cách tự lãng quên mình một ý thức, một trí tuệ sáng suốt, một khả năng lĩnh hội, chú giải hay phê bình.

Phải chăng nhà phê bình trước tiên là một đọc giả khốn khổ nhất bởi hẳn đánh mất tất cả, trừ trí thông minh của hẳn dùng để đo lường, cân nhắc, phán đoán. Nhà phê bình. Đó là một đọc giả chuyên nghiệp. Một khách bộ hành thông thạo luật đi đường. Một tên thợ săn lành nghề. Và nếu cần là một đao phủ thủ. Hẳn đọc như một cách thể chiếm hữu. Hẳn đọc như một cách thể bạo động. Chiếm hữu và bạo động trên chính tác phẩm mai đây sẽ là cái gì đã hoàn tất một định mệnh, một món đồ nằm yên trong bàn tay hẳn (hư tưởng hẳn bảo vậy).

Có một thứ thâm kịch phê bình. Không. Phê bình tự nó là một thâm kịch. Nó nhất thiết thâm bại. Nó nhất thiết là một thất

bại. Bởi ánh sáng nó mang tới không đánh tan nổi bóng tối trập trùng của tác phẩm. Đêm của tác phẩm hay là cái chết của phê bình. Phê bình càng thất bại, càng là một thất bại khi nó tưởng đã tóm thâu được chân lý tác phẩm như 2 cộng 2 bằng 4. Đó là sự thất bại của chính sự thất bại. Đó là sự lầm lẫn của chính sự lầm lẫn. Đó là thâm kịch của chính thâm kịch.

Tôi vẫn ao ước được đọc như một tâm hồn bình thản nhất, mặc tình mơ tưởng, đầy ắp trên chữ nghĩa kẻ khác. Và khi phải cầm bút làm công việc cho tới bây giờ vẫn được gọi là phê bình, tôi biết rằng thất bại đầu tiên không nằm trong quyền sách, nó nằm ở trong tôi, ngay trong ý hướng phê bình. Có phải nhà phê bình trước tiên là một người đọc? Không, nhà phê bình trước tiên là một phủ nhận, phủ nhận chính người đọc ở hẳn, chính tác động đọc ở hẳn — người đọc và tác động đọc trong ý nghĩa trọn vẹn nhất đã nói ở trên.

Thật ra khi phê bình tôi tìm kiếm cái gì? Tôi tìm kiếm cái vô định. Tôi lắng nghe không phải tiếng nói của tác phẩm mà niềm im lặng của nó, niềm im lặng ở cuối đường những tiếng nói. Còn sự vô định đó phải chăng là nơi chốn cuối cùng mà những lối mòn của tác phẩm hứa hẹn mang tôi tới.

Nghĩ những điều trên đây trong mỗi ám ảnh thường xuyên về tác phẩm như một khẳng định thuần túy nhất.

Tôi phải viết cái gì đây. Tôi phải viết thế nào đây. Tôi phải bắt đầu ở đâu đây. Vẫn những câu hỏi nhàm cũ mỗi khi ngồi lại bàn với xấp giấy trắng trước mặt, chúng nó nức đợi chờ và đồng thời chúng xa lạ biết bao nhiêu. Tôi đã trải qua nhiều đêm chỉ để chờ đợi một cái gì không bao giờ tới, chỉ để tìm gặp một cái gì không bao giờ thấy, ôi những đêm thao thức tưởng kéo dài tới vĩnh cửu. Tôi đã vô nát bao nhiêu tờ giấy. Tôi đã gạh bỏ bao nhiêu dòng chữ vừa mới tìm được cơ hội xuất hiện, chưa ra một

hình thù, vóc dáng gì. Phải bắt đầu lại tất cả. Cần nhất là ở chỗ bắt đầu. Làm sao kể hết những công trình hư hỏng (của một người viết văn) đã lần lượt bị đốt bỏ hay ném vào sọt rác. Tự hỏi : phải chăng cái kinh nghiệm sống thực nhất của người viết văn bao giờ cũng là những hư hỏng, những thất bại và những hoài nghi hằn từng trải qua, biết tới.

Không thiếu gì kẻ xử dụng ngòi bút mình như một tay phù thủy, hô phong hoán vũ. Còn tôi, tôi chỉ là kẻ gặp khó khăn với chữ nghĩa, luôn luôn phải viết trong mỗi mết, trong nguyên rủa, trong tuyệt vọng, trong trắc trở. Viết trong ám ảnh của niềm im lặng và cái chết ẩn hiện đâu đây. Hỏi : đâu là động lực, đâu là ước muốn thúc đẩy tôi cầm bút viết, tiếp tục viết, viết mãi tưởng chừng không dừng lại được nữa. Có phải đó là niềm vui của kẻ sáng tạo. Có phải đó là danh vọng mà người đọc sẽ ban phát. Có phải đó là ảo tưởng của một cuộc sống kéo dài khi mai kia, mình lỡ có chết đi. Có phải đó là một niềm hy vọng nào đó, chưa hiện rõ mặt mày. Than ôi, dường như tất cả đều không phải. Người ta viết trong cô đơn tuyệt đối. Người ta viết những bức tường cao ngất, cách ngăn với thế giới bên ngoài, thế giới của hư danh và lòng đê tiện, thế giới của ảo vọng và sự tầm thường.

Tôi ngồi vào bàn viết, trang giấy trắng trước mặt trở thành tấm gương soi độc ác. Nó ném trả về tôi hình ảnh một thằng người bị tước đoạt, bị giản lược đến cùng cực. Tôi chỉ còn là con người ở độ không. Tôi đang ở độ không của mọi sự, đời sống, chữ nghĩa, lòng ham muốn... Viết tức là ở một khởi điểm. Khởi điểm đó là bóng tối. Là khoảng trống. Là hư vô. Người ta không biết mình đi về đâu. Nhưng tất cả sẽ bắt đầu từ đó, làm nên từ đó. Cuộc bắt đầu đầy gian nguy của hành vi sáng tạo.

Có lẽ người ta viết trong khốn khổ, trong mệt mỏi. Có lẽ chính tình cảm khốn khổ, mệt mỏi kia đã thúc đẩy người ta viết, tiếp tục viết.

Tác phẩm : thứ ánh sáng làm nên từ bóng tối,

Tác phẩm : sự sống dậy lên từ một miền hư không lạnh ngắt. Tôi không tin vào cảm hứng. Tôi hoài nghi cả phút linh thiêng của người thi sĩ, « phút linh cầu mãi không về, bằng khuôn giấy trắng, nã nê mực đen ». Nghĩa là hoài nghi mọi sự, kể cả chữ nghĩa như một mặc khải êm đềm, một đặc ân sung sướng.

Chữ nghĩa và bạo động là một.

Tôi viết, tức là tôi thể hiện một hành vi bạo động mù quáng.

Tôi viết, tức là bạo động đang ở trong tôi và nó bắt đầu lên tiếng.

Một nhà thơ siêu thực, André Breton đã nói : hãy viết như một kẻ cầm súng xuống đường, bắn bừa vào đám đông.

Không.

Hãy viết như một tử tội đang đếm bước lên đoạn đầu đài.

Không.

Hãy viết như một kẻ đang ôm ấp cái chết, đang chiếm hữu cái chết, đang sống trong cái chết đang sống chính cái chết của mình.

« Viết tức là dẫn thân vào trận giặc chữ nghĩa sẽ làm đổi thay lịch sử ». Câu nói của một nhà thơ, Alain Jouffroy, thốt lên giữa một thời đại mà Cách mạng và Hành động chỉ còn là những danh từ, những tên gọi mơ hồ, xưa cũ, chết.

Mai đây, chữ nghĩa ném lên giấy trắng không còn mang bộ im lìm, ngưng đọng : Nó thể hiện một ước muốn. Và chính nó ước muốn. Vô hạn là cái nó ước muốn. Vô hạn chính là nó.

Kể từ độ không, chữ nghĩa (và từ đó, văn chương) lên đường tìm tới cái vô hạn.

Ước mơ của người là viết nên tác phẩm thật sự của mình, tác phẩm của đời mình. Có phải. Than ôi, có lẽ người ta phải sống đến hàng ngàn, hàng vạn năm mới có thể thực hiện được điều đó.

Một câu của Proust do J.F. Revel trích dẫn : « Một kẻ có tâm hồn nhạy cảm dù không có óc tưởng tượng vẫn có thể viết nên

những thiên tiểu thuyết tuyệt vời ». Câu nói mở ra một chân trời tiểu thuyết mới, và từ đó, một chân trời văn chương mới. Mai đây, người viết văn không nhất thiết phải tạo dựng một thảm kịch, giải quyết một vấn đề. Không còn nữa ám ảnh của một câu chuyện kể, một bố cục, một chủ đề. Viết điều này không còn là để kể. Viết điều này không có nghĩa là kể. Vấn đề còn lại không là nội dung câu chuyện, tâm tính của nhân vật, hay kết cấu của một tấn kịch, mà là lời kể, giọng kể với những sắc thái, những nhịp điệu và những rung động của chính nó. Bộ trường giang tiểu thuyết « Tìm lại thời đã mất » của Proust, quả đúng như chính tên gọi của nó là chuyến đi kỳ thú của một tâm hồn nhạy cảm muốn sống lại một lần nữa trên những dòng chữ miên man tưởng chừng đến bất tận, những mùi vị ngất ngây của kỷ niệm, cái thế giới cảm xúc hãy còn vang vọng bàng hoàng trong tâm hồn tác giả. Vâng đó chỉ là một chuyến đi trên muôn vạn nẻo đường của chữ nghĩa.

Viết và lập lại. Những gì tôi đang nói dường như tôi đã nói ở một nơi nào. Đó chỉ là sự lập lại. Viết, sống phải chăng chỉ là những động tác lập lại một sự thật không bao giờ mòn cũ, nhằm chán. Một cách nào đó, trở về. Trở về trên những chân lý đời đời còn phải khám phá, chuyện trò. Những giây phút dừng chân bên một cột đèn, dưới một mái hiên, những giây phút chạm mặt một người, những giây phút tiếp nhận một mùi vị trong vô vàn của đời sống. Nghĩ gì, thấy gì trong những giây phút đó. Nếu không là sự lập lại, trở về đang xảy ra hay đang hứa hẹn. Đời sống luôn kêu gọi trở về ngay trên những bước tiến của nó. Do đó nó không bao giờ mất mát hay chết đi.

Một nhà văn cũng như một nhà tư tưởng hẳn chỉ có một ám ảnh, hẳn chỉ có một tác phẩm để viết, để lập lại mãi mãi không thôi. Hẳn là hình ảnh của kẻ sát nhân trong các chuyện trinh thám, thường tìm cách trở lại nơi hắn đã gây ra án mạng.

huỳnh phan anh

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(truyện dài)

Trương làm bầm : con Cỏ May... con Cỏ May...

Trương hỏi :

— Con Cỏ May làm sao ?

Trầm thần thờ :

— Con Cỏ May đã chửi tôi bằng những lời lẽ lớn, những lời lẽ cao thượng. Một thứ chửi rửa có công hiệu như chất chua ăn mòn... Anh Trương ạ ! cả một đời tôi chưa hề đối xử xấu một người đàn bà nào cả. Tôi cố gắng giao hảo tốt. Những người cùng phái với tôi, không bao giờ tôi có một câu nói ám hại ; những người cùng phái với tôi, tôi thương yêu lắm lắm. Vì anh, trăm tội vì anh, vì anh mà tôi đã xử tệ với một người đàn bà.

Trương quẹt diêm châm thuốc không nói, Trầm tiếp :

— Tôi đã không xử đẹp với một người đàn bà.

Trương nạt nhỏ :

— Nói cái chi mà nguy tặc ? Trầm không phải là đàn bà, Trầm không phải là một con mẹ đàn bà hay sao ? Cái mồm, cái miệng nói năng nguy tặc.

Trầm già mồm ngay :

— Phải, tui là một người đàn bà quái đản, một người đàn bà kinh dị, một giống cái ngoại lệ không muốn ai giống mình, và không muốn mình giống ai. Tôi đã tưởng sự đau khổ là sự sung sướng, tôi đã làm sự sung sướng là sự đau khổ. Tôi đã tính lầm hạnh phúc ra bất hạnh, tôi đã thấy giữa tội lỗi và vô tội có một con khi nhỏ ngồi lom khom không phân xử được gì cả, không tách biệt được cái phải và cái trái giữa một người đàn bà chỉ ngủ với một người đàn ông và giữa một đàn bà đã ngủ với nhiều đàn ông, tôi tưởng người đàn bà và người đàn ông bình đẳng để tôi có thể làm đủ mọi chuyện. Tôi đã tưởng tôi khinh thường được xã hội, vượt cao hơn dư luận, tôi đã tưởng một thái độ chấp nhận có đơn như tôi là một thái độ lớn. Tôi mang một con dấu khác người để sống giữa xã hội, tôi đã phết dầu hắc với cảm lông gà lên người mà cứ tưởng đó là một sự tô màu vĩ đại. Tôi đã ngâm hết cả người tôi vào bùn như trong khi người khác ngâm vào xà bong. Tôi chỉ thấy tôi thôi, tôi không thấy kẻ khác. Tôi như một đứa trẻ dám đá vọt vào am miếu thánh thần, như một người đàn bà để mà không biết đến một tối thiểu kiêng cử nào hết. Tôi đã có cảm tưởng làm ma làm quỷ cũng không khác chi làm người, làm đàn ông không khác chi đàn bà.

Trương ngồi im như ngồi trong bức tranh, rất thanh thoi thuốc lá cũng không hút. Trầm gào tiếp khi hai con mắt xôn xang :

— Tôi tội lỗi, tôi có lỗi lớn không đối với ai cả. Bao nhiêu thằng đàn ông đã nhảy lên thân thể tôi tàn phá từng chỗ thịt cấm và bao nhiêu thằng đàn ông đã nhảy xuống thân thể tôi để nằm im như một tĩnh vật. Và bên họ tôi cũng nằm im như một tĩnh vật, một con đĩa no nề. Tôi đã quyết định vậy và tôi đã nhận đã vậy. Tôi đã làm đi, đi tình thần rồi lấy qua đi xác thịt. Tình cảm tôi giao hoan bữa bãi và xác thịt tôi cũng giao hoan bữa bãi... Anh ơi, có nhiều đêm tôi đã kêu Thúy Kiều. Thúy Kiều con gái cụ Nguyễn Du đấy mà, tôi kêu Thúy Kiều như thế này : Kiều ơi, mình không yêu ai được lâu hết như Kiều vậy. Tiếng kêu của tôi đâm lụi vào trong tôi, quậy quậy cho tôi đau đớn tới chín chiều gan ruột, xông lên óc, xoi vào não. Tôi bây giờ là một bãi lầy,

một đồng sinh, một vũng bùn. Tôi biết sở dĩ tôi hư như ngày hôm nay vì tôi đã làm từ đầu, làm từ một khởi điểm rất nhỏ, nhưng đã lan to cho đến bây giờ ; như người mắc bệnh ung thư cổ tử cung, bắt đầu chỉ là một khởi điểm O, một đốm nhỏ nằm tại eo tử cung chưa có triệu chứng gì để tự phát giác, nhưng dần dần đốm nhỏ ăn ruỗng đến những tạng khác và toàn vẹn bụng dưới. Tôi đã hư vì nhận định đến sớm nhất trong tôi : ái tình là xác thịt gặp xác thịt. Tôi đã be be cái miệng với Cổ May và những người khác : ái tình là một cái không có... Niềm tin của tôi đã bị đánh cướp rồi. Anh Trương ! có một tí tẹo làm lẫn đó mà bây giờ như thế này, mà bây giờ như thế này, chữa không được nữa rồi...

Trầm đứng dậy xoa tóc bước theo hình chữ nhật của gian phòng rồi đứng lại dưới bức vẽ truyền chân màu thịt bò tái của nàng :

— Anh Trương này, hình như giờ này ở ngoài đường có vô số con người ta đã đánh mất niềm tin rồi. Niềm tin đã mất sợ rằng rồi đây, lũ bác sĩ cũng không còn tin ở thuốc tây nữa. Lũ bác sĩ ngơ ngác, nghi ngờ cả nền y học Tây phương mất thôi.

Anh Trương ơi, hình như giờ này ở ngoài đời có rất nhiều người còn lương tâm, và lương tâm họ đang hẳn lên những nét tìm bóng hối hận.

Anh Trương ơi, Cổ May chửi tôi quá ! Cổ May cao thượng với tôi quá ! Cổ May ăn ở đẹp với tôi quá ! Tôi là một đứa ư kiếm chuyện, ư trừng mắt nhìn đời.

Trầm ngó thẳng vào mặt Trương. Chiếc miệng người đàn ông vẫn ngậm cứng một cây tăm yên lặng. Người đàn bà bậm môi và tiếp :

— Tôi thấy tôi vẫn chưa ra khỏi cái dĩ vãng nguội, tôi bước hụt như bị hất cẳng trong hiện tại nóng... Còn tương lai, tương lai tôi là một cuốn phim hư. Tôi phải dơ tay lên và vào mặt tôi, tôi phải tự cười, tự nói xấu tôi cho đã đời.

Cánh cửa tự đẩy ra như bị mở trộm. Nắng bứt rứt như bám vào tường, bám vào bàn ghế. Ly nước lọc Trương cầm ở tay thật hiền lành. Tiếng thở dài của Trầm nghe nặng nước mắt. Một chút nhón nhón trườn quanh thân thể, một tức tối ghen ngào phản

kháng như đầu mũi kim len vào mạch máu chạy theo đường tuần hoàn vào quả tim lạnh heo hắt bộ ngực hàn đới. Trầm bỗng đứng bật dậy muốn trương vi, trương vầy, muốn khua môi, múa ngón cho rộn bộ như hát bội, nhưng, Trầm lại lu xu ngồi xuống.

— Tôi vô luân quá anh Trương hí... ! Đàn là lấy một chồng mới không vô luân, đàn bà lấy hai chồng là đã hơi hơi vô luân rồi. Tôi bao nhiêu chồng. Trên thân thể tôi là cả trăm thằng đàn ông. Những thằng đàn ông lượn quanh thân thể tôi rồi đáp xuống trúng ngay mục tiêu như kim chích vô thịt. Kim chích vô thịt thì đau. Thịt chích vô thịt nhớ nhau trọn đời. Nhưng tôi không nhớ ai trọn một giờ. Tôi vào buồng tắm, tôi dội nước, tôi rửa là hết liền... Tôi không nhớ ai trọn một giờ mà. Những người đàn ông và lũ kèn kèn thêm tôi, rĩa hết cả thịt của tôi rồi đá lổng lổc bộ xương của tôi đi. Ngay hôm nay, giữa cuộc đời, chỉ có một người đàn ông dám thủ nhận yêu tôi, đòi lấy tôi làm vợ — Sinh đó — nhưng tôi đã liệt Sinh đồng hạng với những người đàn ông khác. Tôi đã tục tũ hóa mỗi tình, tôi chịu ăn nằm với Sinh, nhưng không chịu để Sinh lấy làm vợ. Tôi đã coi Sinh không ra một cái gì hết, tôi đã coi tôi không ra một cái gì hết. Tôi ăn nằm với Sinh ở khách sạn, tôi ngủ đồ sông Hương với Sinh, tôi ân ái với Sinh trên divan, ở phòng khách... còn Sinh, Sinh yêu tôi vô tả vô tận, yêu bám lấy tôi như vầy cá dính vào con cá. Xả tội mà yêu, nhắm mắt mà yêu bụng mũi mà yêu, yêu dung thứ, yêu độ lượng. Ở gần cũng yêu, ở xa cũng yêu. Ở gần, chàng van xin tôi như hát về con cá, ở xa, chàng liên miên thú tội trên mặt giấy. Sinh khư khư nắm lấy tình yêu như cái lỗ mũi cổ nắm lấy hơi thở. Sinh yêu tôi cho đến giấc ngủ chung thân, chứ không phải như một kẻ níu lấy mạn thuyền bơi một đoạn rồi bỏ. Yêu đến ngáy thोर rõ đại, nhưng, càng chín chắn lắm lắm, son sắt lắm lắm. Trên cuộc đời này, hầu hết đàn ông đều đều, chỉ còn lại Sinh và vài người là khá. Chàng dết mối tình từ đầu đến cuối, từ mặt tiền đến mặt hậu. Nhưng tôi đã coi Sinh như bất cứ người đàn ông nào khác.

Trầm ngừng lại nuốt nước bọt, ngó qua Trương đang ngắm nghĩa mình rồi tiếp :

— Sinh là một người trẻ tuổi có ý thức lớn, ý thức không lờ, chàng không ngó tôi bằng cái nhìn cận thị, chàng biết trước những việc tôi làm và đại xá hết. Tôi làm gì chàng cũng tha thứ, chàng cũng chiều chuộng. Bởi, chàng là một kẻ dết mối tình từ đầu đến cuối. Bởi, chàng cố làm cho tôi thấy tình yêu là có, tình yêu bao giờ cũng có.

Tôi đã bảo chàng là một người trẻ tuổi có ý thức.

Sinh hành quân liên miên. Mỗi lần nghỉ phép, chàng về chạm trán với một bầy con gái điên ở thành phố, một bầy con gái mất lý trí. Đi đầu là tôi. Mỗi lần nghỉ phép, chàng về gặp một bọn đàn bà đang làm loạn lên, bối rối, hốt hoảng. Đi đầu là tôi.

Cuộc đời mở tám mắt tấn công đàn bà. Chiến tranh mở tám mắt tấn công đàn bà, sự lo sợ làm nhão người họ ra, nhão trái tim ra, nhão óc não ra, nhão xác thân ra... Tôi đã la hét giữa bọn con gái không điên. Tôi đã dậm chân, giật tay giữa con gái còn tỉnh. Bọn con gái bình tĩnh đó rồi sẽ hóa đá hết, các bọn con gái không chịu một ảnh hưởng gì của chiến tranh tám mắt tấn công và của cuộc đời tám mắt tấn công, chúng sẽ hóa đá hết, chúng sẽ biến thành các vật hóa thạch khác, nếu chúng không điên coi.

Trầm hí mũi, đi thẳng lại trước Trương mắt đỏ nhìn chàng :

— Tôi là một đứa nghịch nữ, một đứa đàn bà ngược đời. Trời ơi và anh Trương ơi, trời đã sinh ra tôi sao trời còn sinh thêm những người đàn bà giống tôi nữa ?

túy hồng

(còn tiếp)

thời sự và

sinh hoạt

Nhà văn A. Soljenitsyne, nước Nga và giải thưởng văn chương Nobel.

Giải văn chương Nobel năm nay 1970 được tuyên bố trao cho K. Soljenitsyne, người Nga. Trong mục Thời sự Sinh hoạt của Văn Đề cách đây ít lâu, người phụ trách có tường trình cùng bạn đọc trường hợp Alexandre Soljenitsyne tác giả của những tác phẩm Một ngày của Ivan Denissovitch, Trại ung thư, của ngục thứ nhất... nhà văn Nga xô bị tố cáo đã bôi «xám» chế độ «đỏ» và bị khai trừ khỏi Hội nhà văn Nga xô. Nay ông được Tây phương trao tặng giải văn chương, chúng ta cũng nên biết thêm về ông, và tìm hiểu có phải giải thưởng văn chương Nobel đã bị chính trị hóa hay không bởi vì đây là lần thứ nhì giải thưởng đã được trao cho những nhà văn Nga xô có tác phẩm được phổ biến công khai ở Tây phương nhưng lén lút ở quê hương xứ sở.

A. Soljenitsyne sinh năm 1918, sống quãng đời ấu thơ và qua những năm học đầu tiên tại miền Nam nước Nga. Sau đó ông theo học cùng một lúc hai phân khoa Khoa học (Toán và Vật lý học) và Lịch sử, Văn chương và Triết học tại Đại học đường Mạc Tư Khoa. Ông tốt nghiệp Đại học một vài ngày trước khi chiến tranh xảy ra.

« Tôi bản khoán chọn lựa : Nếu theo đuổi nghề dạy Toán, thì đó sẽ là một cuộc đời thành công dễ dãi và vững chắc.

Tuy nhiên tôi bị văn chương lôi cuốn, mê hoặc hơn hết thầy mọi thứ ».

A. Soljenitsyne gửi những bản thảo đầu tay của ông tới Fedine, Đệ nhất thư ký của Hội Nhà Văn từ năm 1959, cũng còn là hội viên của Ủy ban trung ương Đảng Cộng sản. Nhưng chẳng có một bản thảo nào được in cả. A. Soljenitsyne cũng thử chơi kịch : Nhà đạo diễn Zavadskij, bị trục xuất khỏi Thủ đô Moscou về mở trường dạy bi kịch ở Rostov (quê hương của A. Soljenitsyne) đã cho rằng Soljenitsyne có thể trở thành kịch sĩ có tài ; nhưng những y sĩ tuyên bố Soljenitsyne bị chứng đau cổ họng kinh niên.

Chiến tranh bùng nổ. A. Soljenitsyne vẫn không ngừng nghĩ rằng văn chương mới chính là thiên mệnh của đời mình. Trong quân đội người ta không biết dùng ông vào việc gì. Toán gia và binh nhì, ông trở thành một trong những người tài xế xe lăn. Ước muốn của ông ta được đổi sang ngành pháo binh, nhưng khoảng đầu năm 1942, thời gian tương đối khó khăn và chẳng ai chú ý đến lời thỉnh nguyện của ông.

Ông bị đẩy đi tiền tuyến chỉ vì một lời đùa cợt nhân một đề tài toán học. Ở tiền tuyến người ta biết đến tài của Soljenitsyne và ông được phong làm trưởng toán pháo binh, dần dần lên đến chức đại úy, chiến đấu gần Leningrad, vượt qua Pologne tiến vào Berlin. Năm 1945 trong khi đang chiến đấu tại Prusse Orientale, ông bị vị chỉ huy trưởng gọi tới văn phòng. Ở đó có hai viên Cảnh sát đặc biệt đang chờ ông. Soljenitsyne bị tước súng lục, lột lon sĩ quan và các huy chương. Trước hhi bị tống lên xe chở đi, vị sĩ quan chỉ huy trưởng đã kịp bắt tay Soljenitsyne, và khi nhớ lại, A. Soljenitsyne đã coi đó như là một cử chỉ can đảm nhất mà ông được tham dự trong thời gian chiến tranh.

A. Soljenitsyne, sĩ quan pháo binh bị cầm tù và không được đưa ra xét xử tại tòa án chỉ vì tội đã viết thư cho một người bạn, trong thư tỏ vẻ nghi ngờ thiên tài chiến thuật của đồng chí chủ tịch Staline, kết án Staline đã phản bội đường lối cách mạng của Lénine, và tệ hơn nữa còn chê bai đồng chí chủ tịch vĩ đại nói năng trật lất, đầy lỗi văn phạm !

Nếu không nhờ khả năng về Toán, chắc Soljenitsyne khó sống sót nổi với chế độ nhà tù ở trại giam Lubjanka. Nhân một cuộc trắc nghiệm về Toán, ông được đưa tới làm việc ở Trung Tâm nghiên cứu khoa học của những trại giam, một cơ sở có một tầm mức rất quan trọng ngay cả những người đang sống tự do ở ngoài đời cũng mong muốn được hợp tác. Bốn năm đầu ông được làm việc tại đó, được ăn uống đầy đủ, tuy rằng các cửa sổ phòng làm việc đều có hàng rào sắt, và thỉnh thoảng đi bách bộ dưới sự kiểm soát của các lính canh. Ba năm còn lại, ông phải sống trong một trại giam đặc biệt, tất cả mọi tù nhân đều phải mang một con số tù ở trên nón, trên ngực, đầu gối và cổ ! Chính tại đây Soljenitsyne đã sáng tác Một ngày của Ivan Denissovitch, tác phẩm đã khiến ông nổi tiếng.

Con số tù của A. Soljenitsyne là SC 232. Ông kể lại một lần vào một tiệm cà phê nổi tiếng ở Mạc tư khoa, tiệm Lira, sau khi gọi nón cho người làm trông, ông được người đó trao cho tấm thẻ mang số 232. Soljenitsyne cười nói với một người bạn : « Anh thấy không, tôi không thể nào xua đuổi nổi con số đó ! ».

Ngày 5 tháng ba năm 1953, Soljenitsyne bước ra khỏi trại giam lần đầu tiên. Một bà cụ già điếc đã đánh thức ông và mời ông xuống phố nghe những chiêu loa phóng thanh báo tin Staline đã chết.

Được tự do nhưng bị phát vãng, năm 1956, A. Soljenitsyne vẫn còn bị đày tại một làng Tartare ở vùng Kok-Teren. Ông hài lòng vì « được » đi đày bởi vì với tư cách một công dân tự do, ông khó có thể kiếm được việc làm. Trong thời gian lưu đày, Soljenitsyne dạy Toán, làm thơ xuôi, viết kịch và những cuốn tiểu thuyết như Căn nhà Matriona, Cửa ngục đầu tiên... đã được sáng tác trong thời gian đó. Trong khi ông bị cầm tù, Soljenitsyne phải chịu đựng một cuộc giải phẫu và các bác sĩ kết luận ông bị ung thư. Ở làng Tartare, không có bác sĩ săn sóc, căn bệnh tái phát, Soljenitsyne hấp hối, được đưa về chữa trị tại Tachkent và dần dần khỏi bệnh. Sau cuộc Đại hội lần thứ 20, Soljenitsyne được phép trở về sống đời bình thường. Ông định cư tại trung tâm nước Nga và thực hiện giấc mộng văn chương của đời ông.

« Tôi biết rằng giản dị nhất vẫn là viết về chính mình nhưng

tôi tin rằng quan trọng hơn, có ích hơn nếu diễn tả được định mệnh của cả nước Nga. Trong tất cả những thảm kịch đã xảy ra, xấu xa nhất vẫn là thảm kịch của những kẻ như Ivan Denissovitch — Trong khi còn ở trong trại giam, tôi quyết định chỉ kể thảm kịch đó bằng thời gian một ngày. Tolstoi cho rằng tất cả những cuộc sống Âu châu từ bao thế kỷ nay có thể dùng như một phác họa cho một cuốn tiểu thuyết nhưng tốt hơn hết vẫn là một ngày trong đời một dân quê nào đó ».

Soljenitsyne mất 9 năm làm việc và hoàn thành tác phẩm Le Premier Cercle (cửa ngục đầu tiên) một vài ngày sau kỳ sinh nhật thứ 70 của Joseph Staline. Câu chuyện xảy ra trong một ngày và một vài giờ trong một đêm tháng chạp 1969. Trong cuốn tiểu thuyết được dựng theo chiều ngang, những nhân vật chính là Staline, người quản trị một rạp hát, những kẻ đại diện cho giới trí thức, và một phần của câu chuyện xảy ra tại viện khảo cứu khoa học của những trại giam.

« Tôi được cấu tạo hoàn toàn bởi văn chương Nga xô. Và văn chương Nga xô từ xưa tới nay đều hướng về những kẻ khổ đau. Tôi không tự coi mình như một chuyên viên văn chương thế giới nhưng tôi có cảm tưởng chủ quan rằng ở Châu Âu đương xảy ra một tình trạng văn chương nghèo nàn, có thể bởi vì ở đó đã lâu nay không có một cuộc biến chuyển nội tại to lớn nào cả. Nền tảng của văn chương theo tôi, đó là kinh nghiệm sâu xa về những diễn tiến xã hội.

Về phần Âu châu thuộc Á trong đó có nước Nga, người ta nhận thấy có những biến chuyển dữ dội, do đó tôi vẫn nuôi nhiều hy vọng về tương lai văn chương của phần đất này. Phải đề ý đến những bồn phận nhà văn không những về phương diện những bó buộc của người đó đối với xã hội nhưng mà còn đối với mỗi một người. Đời sống của mỗi cá nhân không phải lúc nào cũng đồng điệu với tập thể, với xã hội. Tất cả mọi người đều có những vấn đề mà tập thể, đám đông không thể giải quyết được ; con người là một đồng nhất về vật chất và tinh thần trước khi trở nên là một thành phần của xã hội.

Theo tôi vấn đề xã hội đối xử bất công đối với một nhà văn không phải là một điều xấu không thể nào sửa chữa được.

Chính sự kiện bị ngược đãi nhiều khi chính là những thử thách cho mỗi nhà văn. Một nhà văn được nuông chiều quá cũng hỏng. Nhà văn phải luôn luôn sẵn sàng chịu đựng những ngược đãi, coi đó như nỗi hiểm nguy của sứ mệnh. Số mệnh của nhà văn không bao giờ dễ dàng cả.

Loại văn chương đáng kể nhất theo tôi là loại tiểu thuyết « polyphonique » (đa âm, đa hướng) hoàn toàn không bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Trong một cuốn tiểu thuyết quanh một nhân vật, tác giả, dù không muốn cũng phải dành nhiều chú ý và một khoảng rộng cho nhân vật đi. Theo quan niệm của tôi, đa âm có nghĩa là mỗi nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết đều là chính mỗi khi tác động tiểu thuyết liên quan tới nhân vật đó. Trong trường hợp đó, tác giả có trách nhiệm tới ba mươi lăm nhân vật của ông, thí dụ vậy, và ông không được thiên vị, ưa nhân vật này hơn nhân vật nọ. Chính với phương pháp này tôi đã viết hai cuốn sách và hy vọng viết thêm một cuốn thứ ba ».

Trong cuộc họp của Hội Nhà Văn Nga xô ngày 22 tháng 12 năm 1967, khi bị hỏi nghĩ thế nào về chiến dịch quảng cáo của Tây phương liên quan tới những tác phẩm cùng những bức thư ông gửi tới Hội Nhà Văn phản đối sự kiện tờ báo Novy Mir không chịu đăng tác phẩm khu ung thư, và tại sao bị can lại im lặng không lên tiếng phản đối sự kiện Tây phương đăng tải những tác phẩm, Soljenitsyne đã trả lời : Tôi chưa hề đi qua Tây phương, và đời sống của tôi cũng không cho tôi có đủ thời giờ để hiểu biết xứ đó. Tôi không hiểu tại sao người ta lại có thể quá nhạy cảm đối với những gì liên quan đến Tây phương trong khi đứng vững với những gì liên quan tới chính xứ sở thân yêu ở đây. Tất cả đời tôi đều ở đây : Trên mảnh đất quê hương này tôi lắng nghe những đờn đau đó mà thôi.

Người ta đã cắt nghĩa bức thư cuối cùng của tôi gửi cho Hội Nhà Văn như thế đó là một tối hậu thư : Hoặc là cuốn tiểu thuyết được in, nếu không nó sẽ được in ở ngoại quốc. Không phải tôi đã đặt điều kiện tối hậu đó, chính đời sống đã đặt đề cho chúng ta, cho tôi và cho các ông cùng một lúc, điều kiện

tối hậu kể trên. Tôi chỉ ngạc nhiên về sự kiện Hội đã không đá động gì tới bức thư đó trước khi Tây phương làm rùm beng câu chuyện. Hội cũng chẳng đá động gì tới những lời sàm báng, bôi nhọ mà tôi là nạn nhân. Trong hai năm rưỡi, các nhà văn trong Hội Nhà Văn đã ngồi yên nhìn tôi bị ngược đãi, bị xua đuổi và bị bôi nhọ !

Những tác phẩm của Soljenitsyne đã bị các nhà văn trong Hội phê bình : Le Premier Cercle có nhiều chỗ quá yếu. Staline, Abakoumov và Poskrebychev được trình bày một cách quá ngây thơ và sơ đẳng (primitif). Khu ung thư (Pavillon de cancéreux) tiếp theo cuốn trên, là một tác phẩm phi nhân (antihumaniste). Trong cuốn tiểu thuyết đó, có những kẻ tử vi đạo (martyr). Nhưng còn những kẻ khác ở đâu ? Còn xã hội chủ nghĩa Nga xô ở đâu ? Nhiều đoạn ở trong cuốn sách hoàn toàn chỉ là miêu tả. Tác giả giống như một đứa trẻ, nó tháo một chiếc xe để coi có gì ở trong, trong khi đó, nghệ thuật không là tháo mà là lắp (montage). Trong Nhật ký của Svetlana Staline (con gái của ông chúa đỏ, bỏ Nga qua Mỹ tỵ nạn) chỉ gồm toàn những lời đồng dài của một người đàn bà, dân chúng Nga cười mà bỏ qua cho người đàn bà đó. Pasternak là một người đàn ông già nua, chán đời. Soljenitsyne khác hẳn hai người đó. Ông ta lạnh lợi, hoạt động, ý thức hệ được xác định rõ ràng. Ông ta là một người có tư tưởng. Ông ta cảm thấy những nỗi đau của xứ sở nhưng bằng 1 cách hoàn toàn thái quá, và ông ta lại không cảm thấy một đôi chút hân hoan vui sướng nào. Cuốn Khu ung thư « tối » (sombre) quá, không thể nào in được. Tác giả của nó không bị ray rứt bởi sự bất công mà bị nhiễm độc vì lòng thù hận. Những người như vậy không xứng đáng và đề nghị trục xuất ra khỏi Hội Nhà Văn. Một nhà văn khác lại còn nhận xét tất cả những nhân vật trong khu ung thư đều là những kẻ bị cầm tù, tội tằm, không có lấy một từ ngữ vui vẻ nào. Đọc nó khiến buồn mửa.

Bây giờ Soljenitsyne lại được Tây phương trao giải Nobel không hiểu Hội Nhà Văn Nga xô sẽ phản ứng như thế nào. Có một sự thực là Soljenitsyne không phải chỉ trích lên án Xã hội Nga xô vì thù ghét nó hay vì ưa thích Tây phương. Ông không lấy

làm hài lòng gì sự kiện Tây phương in sách và thổi phồng trường hợp của ông. Những tác phẩm văn chương không phải là những món hàng thương mại có thể lợi dụng được bởi một gã con buôn có trong mình một tấm giấy thông hành. Những tác phẩm văn chương của chúng ta phải được xuất bản tại đây chứ không phải được giao cho những nhà xuất bản ngoại quốc.

Giải thưởng Nobel nhiều lần đã bị chỉ trích là bị chính trị hóa. Lần trao cho Pasternak những người quyết định giải thưởng còn có đôi chút may mắn vì chính quyền Nga chính thức ngăn cản Pasternak qua Tây phương lãnh giải. Lần này không hiểu ra sao. Không hiểu Tây phương có bị « hồ » không nếu chính Soljenitsyne ra lệnh cho Soljenitsyne không « thêm » nhận giải. Chúng ta hãy chờ xem.

tuấn anh

Đã phát hành toàn quốc :

NHỮNG NGÀY MƯA

- Tác phẩm mới nhất của HUỲNH PHAN ANH
- ĐÊM TRẮNG xuất bản

ĐÓN ĐỌC

MƠ HƯƠNG CẢNG

túy bút

của

VŨ KHẮC KHOAN

Kẻ ST xuất bản